

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bản dịch

Hoạt động dựa trên kết quả cho Chương trình quản lý tài sản đường địa phương

Đánh giá hệ thống môi trường và xã hội

(ESSA)

Bản thảo

02/11/ 2015

Do WORLD BANK thực hiện

Bảng chữ cái viết tắt.....	3
Tóm tắt	4
Những lợi ích môi trường và rủi ro	4
Mô tả chương trình.....	11
Chương trình quốc gia cho phát triển đường địa phương (NPLRD)	11
Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB).....	11
LRAMP (chương trình”)	11
Mục đích của việc đánh giá các hệ thống môi trường và xã hội (ESSA)	13
Phạm vi công việc	15
Các biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường tiêu cực tiềm tàng và rủi ro	17
Hệ thống quản lý môi trường.....	18
Yêu cầu pháp lý về môi trường quốc gia	18
Trách nhiệm thể chế môi trường	23
Chương trình đánh giá hiệu suất và năng lực môi trường	25
Tổ chức thực hiện.....	25
Năng lực thể chế và đánh giá hiệu suất	26
Hiệu suất môi trường thuộc giai đoạn 1 của Chương trình Quốc gia xây dựng 186 cầu.....	31
Hiệu suất môi trường trong giai đoạn 2 của chương trình xây dựng cầu quốc gia.....	33
Những phát hiện chính	33
khuyến nghị	34
QUẢN LÝ XÃ HỘI.....	35
Bối cảnh xã hội.....	35
Lợi ích tiềm năng của Chương trình.....	36
Các rủi ro/tác động tiềm tàng của Chương trình	36
Thu hồi đất.....	37
Các dân tộc thiểu số.....	39
Năng lực Chương trình xã hội và đánh giá kết quả.....	42
Thu hồi đất.....	42
Dân tộc thiểu số	44
Công bố thông tin, tư vấn và sự tham gia.....	46
Các khuyến nghị.....	46
Đầu vào cho kế hoạch Chương trình hành động	48
Đánh giá xếp hạng rủi ro môi trường và xã hội.....	48
Đầu vào cho Kế hoạch Hỗ trợ Thực hiện Chương trình	48
Các phụ lục.....	49

Bảng chữ cái viết tắt

AF	Tài chính bổ sung
AH	Hộ gia đình bị ảnh hưởng
CEMA	Ủy ban các vấn đề về dân tộc thiểu số
CPC	Ủy ban nhân dân xã
CSRC	Ủy ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DOST	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
DPC	Ủy ban nhân dân huyện
DRVN	Tổng cục đường bộ Việt Nam (Tổng cục ĐBVN)
DSTEIC	Vụ Khoa học-Công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế
EA	Đánh giá môi trường
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EM	Dân tộc thiểu số
EPC	Cam kết bảo vệ môi trường
EPP	Kế hoạch bảo vệ môi trường
ESSA	Đánh giá hệ thống môi trường và xã hội
GoV	Chính phủ VN
LDFO	Tổ chức phát triển quỹ đất
LEP	Luật bảo vệ môi trường
LRAMP	Chương trình quản lý tài sản đường địa phương
LRO	Văn phòng đăng ký đất
MOLISA	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOT	Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT)
NPETB	Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm
NPLRD	Chương trình quốc gia về phát triển đường địa phương
PAD	Tài liệu thẩm định dự án
PAP	Chương trình kế hoạch hành động
PDOT	Sở GTVT tỉnh
PMU	Ban quản lý dự án (Ban QLDA)
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
PPMU	Ban quản lý dự án tỉnh
RTP3	Dự án giao thông nông thôn 3
UN	Liên hợp quốc
VRAMP	Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam
WB	Ngân hàng thế giới

Tóm tắt

1. Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn đến năm 2020, trong đó gồm có việc phát triển các chương trình cầu và đường. Chính phủ đã xây dựng Chương trình quốc gia về phát triển đường địa phương (NPLRD) và Chương trình quốc gia về xóa các cầu tạm (NPETB). Các NPLRD và NPETB được kết nối chặt chẽ với nhau vì cả hai chương trình đều hướng đến việc cải thiện khả năng tiếp cận tới các khu vực nông thôn có khả năng giao thương thấp, đặc biệt là cho các khu vực nơi có các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cư trú cũng như các nhóm người dễ bị tổn thương khác như phụ nữ độc thân và trẻ em.
2. Việc triển khai Chương trình quốc gia về phát triển đường địa phương (NPLRD) được phân cấp cho các tỉnh và trách nhiệm thực hiện là các Sở Giao thông vận tải tỉnh. Mục tiêu của NPLRD là đến năm 2020 sẽ đạt được những kết quả sau: a) 100 phần trăm các xã kết nối/tiếp cận bằng giao thông cơ giới, b) 100% đường huyện và ít nhất 70% đường xã **thâm nhập (Pave)**, c) Cung cấp kinh phí bảo trì cho 100% đường huyện và ít nhất 35% đường xã.
3. Chương trình quốc gia về xóa bỏ cầu tạm (NPETB) được Bộ Giao thông Vận tải (MoT) quản lý ở cấp quốc gia. Chương trình này bao gồm 50 tỉnh và tài trợ xây dựng các cây cầu nhỏ có chiều rộng từ 1,5m đến 3,5m. Những cây cầu này được xây dựng để giúp kết nối tới các cộng đồng dân cư nghèo, trong đó phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số. Các mục tiêu của NTEB là đến năm 2020 đạt được: a) Bổ sung cho các chương trình phát triển đường địa phương bằng cách hướng đến các đường làng và xã còn thiếu hoặc kết nối không an toàn (đề qua sông ... vv), b) Tạo điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội và các cơ sở khác như trường học, trạm y tế trong mạng lưới đường bộ địa phương, c) Hướng đến các cộng đồng dân cư nghèo, đặc biệt là dân tộc thiểu số.
4. Đánh giá hệ thống môi trường và xã hội được tiến hành theo yêu cầu của Chính sách Tài trợ của Chương trình dựa trên Kết quả để đánh giá các hệ thống chương trình về quản lý các tác động môi trường và xã hội, có tính đến, trong các khả năng khác, khả năng lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và báo cáo về các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội, phạm vi cho cải tiến, và những rủi ro và biện pháp giảm thiểu liên quan. Các kết quả chính của việc đánh giá này sẽ được sử dụng để cải thiện kết quả quản lý môi trường và xã hội của chương trình thông qua các hành động cụ thể trong Kế hoạch tổng thể Chương trình hành động (PAP), cũng như thông qua các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực được thực hiện trong Chương trình. Các kế hoạch hành động sẽ được thảo luận và thống nhất với Chính phủ Việt Nam (CPVN) và sẽ được thành lập như là có liên quan vào các thỏa thuận ràng buộc về mặt pháp lý theo các điều kiện của nguồn tài trợ mới.

Những lợi ích môi trường và rủi ro

5. Ước tính có khoảng 850.000 người sống ở các thành phố tham gia sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ cơ sở hạ tầng được cải thiện, và gián tiếp qua thời gian, từ việc năng lực quy hoạch, thực hiện và tài chính được cải thiện sẽ cho phép các thành phố tham gia tăng quy mô phân bố cơ sở hạ tầng đô thị. Lợi ích trực tiếp cũng sẽ tích lũy cho cư dân xung quanh khu vực nông thôn, những người sẽ sử dụng cơ sở hạ tầng và dịch vụ được cải thiện khi tiếp cận các dịch vụ thương mại, hành chính, xã hội tại các thành phố này.
6. Các tác động môi trường tổng thể của chương trình LRAMP sẽ là đáng kể và tích cực. việc cải thiện đường địa phương hoặc xây cầu mới sẽ giúp cho các cộng đồng địa phương đi lại an toàn hơn và thuận tiện cho việc tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Tiếp cận dễ dàng hơn cũng giúp tăng cường khả năng kết nối xã hội giữa các hộ gia đình được hưởng lợi, tạo cơ hội cho các hộ gia đình vùng xa có thể sơ tán trong các sự kiện lũ lụt, cung cấp kết nối tốt hơn với thị trường cho nông dân. Chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình được hưởng lợi dự kiến sẽ tăng lên nhờ các tác động có lợi trực tiếp này.
7. Đối với công tác cải tạo và bảo trì đường bộ, các tác động xây dựng tiêu cực tiềm tàng thông thường ở cấp tiểu dự án được biết đến, bao gồm: i) tăng mức độ bụi, tiếng ồn và độ rung; ii) xáo trộn cho giao thông và tăng rủi ro về an toàn giao thông; iii) xáo trộn các hoạt động thường ngày của các hộ

gia đình sống ở bên đường; v) những rủi ro về sức khỏe và an toàn đối với công nhân và cộng đồng địa phương; Những tác động xây dựng tiềm tàng dự kiến sẽ ở mức thấp đến mức vừa phải, tạm thời, ngắn hạn, cục bộ, gần như khôi phục lại sau khi hoàn thành xây dựng. Trong giai đoạn vận hành của các tiểu dự án cải tạo đường, dự kiến không có tác động tiêu cực về môi trường gia tăng. Khí thải từ các phương tiện và rủi ro an toàn giao thông của các tuyến đường cải tạo thậm chí còn dự kiến sẽ giảm trong giai đoạn vận hành.

8. Đối với việc xây dựng cầu hoặc xây lại, bao gồm cả đường dẫn hai đầu cầu, các tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro về môi trường ở cấp tiểu dự án sẽ là: i) mất thảm thực vật che phủ, chặt phá cây trong khi chuẩn bị công trường; ii) tăng mức độ bụi, tiếng ồn và độ rung; iii) gây xáo trộn giao thông và tăng rủi ro về an toàn giao thông; iv) gây xáo trộn đối với các hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình sống ở bên đường; v) ô nhiễm nước liên quan đến tăng nguy cơ lắng đọng trầm tích liên quan đến việc chuẩn bị vật liệu xây dựng, bốc dỡ tạm thời của vật liệu xây dựng trong mùa mưa; vi) các tác động ô nhiễm và tầm nhìn liên quan đến tập kết vật liệu được đào lên; vii) can thiệp hoặc làm gián đoạn hoạt động của cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ như cung cấp điện, thoát nước, cấp nước vv viii) những rủi ro về sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng địa phương hiện có; Trong giai đoạn vận hành, các tác động môi trường về vấn đề môi trường sẽ là: i) tăng khả năng tiếp cận của con người đối với khu bảo tồn hoặc các khu vực có giá trị sinh học môi trường cao có thể dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học; ii) an toàn giao thông; iii) rủi ro sạt lở đất ở các khu vực đồi núi; iv) gây cản trở tàu thuyền di chuyển nếu cầu được xây dựng trên đường thủy; Vì quy mô của việc cải tạo đường và xây dựng cầu và đường dẫn trong chương trình LRAMP là tương đối nhỏ, các tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro về môi trường cũng sẽ chủ yếu là vừa và nhỏ, có thể quản lý được.

9. Để tránh những rủi ro khi xây dựng cầu ở các khu vực nhạy cảm về môi trường có thể dẫn đến suy thoái môi trường liên quan tới việc tăng khả năng tiếp cận, một bộ các tiêu chí đã được đề xuất trong LRAMP để loại trừ các tiểu dự án có tác động tiêu cực tiềm ẩn không thể phục hồi.

10. Tác động và nguy cơ của các tiểu dự án sẽ được quản lý thông qua việc lựa chọn địa điểm, thiết kế kỹ thuật và thực hiện xây dựng của các hạng mục này. Ví dụ, kết hợp cây xanh với các biện pháp kỹ thuật, các biện pháp có thể được áp dụng để bảo vệ các mái dốc ở những khu vực đồi núi, thiết kế cửa cống thoát nước của hệ thống thoát nước bao gồm cấu trúc phân tán năng lượng và chống xói mòn, tại các mô đất lở đất mặt được giữ lại và tái sử dụng cho việc sử dụng có lợi vv. Tác động xây dựng gần như có thể giảm nhẹ dù có thực hiện các hoạt động xây dựng chẳng hạn như thông báo cho cộng đồng bị ảnh hưởng về tiến độ xây dựng, thường xuyên làm sạch công trường và thực hiện đúng các quy trình quản lý công trường thích hợp, cung cấp chỗ ở đầy đủ cho người lao động, giảm thiểu phát sinh chất thải và quản lý đúng cách chất thải rắn và nước thải, phối hợp với các cơ quan có liên quan để di dời hoặc sửa chữa cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng, vv.

11. Việt Nam có một hệ thống pháp lý tương đối tốt cho quản lý môi trường và đầy đủ cho việc xác định và quản lý các tác động môi trường tiềm tàng và rủi ro đầu tư thuộc chương trình LRAMP. Các nguyên tắc hướng dẫn quản lý môi trường trong chương trình gồm có: i) Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014, ii) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật BVMT; và iii) Thông tư 27/2015/ TT-BTNMT. Quản lý môi trường ở Việt Nam cũng được hỗ trợ bởi các luật liên quan như Luật Di sản văn hóa, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lao động, Luật Phòng chống thiên tai vv. Theo Luật BVMT và các văn bản pháp lý hướng dẫn có liên quan thì đầu tư xây dựng thuộc chương trình LRAMP yêu cầu phải chuẩn bị đánh giá môi trường đơn giản dưới hình thức Kế hoạch bảo vệ môi trường (Epps). Kế hoạch bảo vệ môi trường được xem xét và phê duyệt ở cấp huyện.

12. Nguồn lực có sẵn của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt ở cấp huyện còn hạn chế. Hiệu quả thực hiện công tác môi trường của một tiểu dự án cụ thể phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản lý môi trường của Chủ dự án, Giám sát thi công và các nhà thầu. Vì vậy, vai trò của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Tổng cục ĐBVN), Ban QLDA 3, 4, 5, 6 và 8 trong việc quản lý LRAMP là rất quan trọng để đảm bảo rằng tránh được hoặc giảm nhẹ các tác động tiêu cực tiềm tàng về môi trường-xã hội và làm gia tăng các tác động tích cực.

13. Chương trình thực hiện trong phạm vi 50 tỉnh trong khi năng lực quản lý môi trường không đồng đều của các cơ quan thực hiện LRAMP (Tổng cục ĐBVN, Ban QLDA 3, 4, 5, 6 và 8), dẫn tới sẽ có nguy cơ hiệu quả thực hiện công tác môi trường sẽ không đồng đều giữa các tỉnh/tiểu dự án. Nguy cơ này có thể được quản lý bằng cách Chương trình sẽ thiết lập các quy trình quản lý môi trường rõ ràng bao gồm các yêu cầu về giám sát, báo cáo; xây dựng năng lực môi trường, hướng dẫn kỹ thuật/hỗ trợ kỹ thuật và giám sát độc lập.

14. Bảng dưới đây cung cấp đánh giá về năm tiêu chí rủi ro của hệ thống môi trường và xã hội.

Tóm tắt các rủi ro môi trường¹

Tiêu chí rủi ro	Mô tả rủi ro	Mức độ rủi ro	Phương pháp giảm thiểu chính
Các rủi ro và tác động môi trường	Công trình sẽ có tác động xấu đến môi trường vật lý và cộng đồng, ở các công trường xây dựng cụ thể, nếu các biện pháp giảm thiểu tác động không được áp dụng. Giám sát môi trường không đầy đủ do thiếu nguồn nhân lực ở các thành phố/ tỉnh tham gia chương trình có thể dẫn đến thực hiện không đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Tăng khả năng tiếp cận thông qua những cây cầu xây mới ở các khu vực nhạy cảm về môi trường có thể dẫn đến những tác động môi trường không thể phục hồi, chẳng hạn như sự suy giảm sinh học hoặc mất mát của những cây lớn ở trong các khu bảo tồn	Vừa phải Đáng kể	- Bao gồm Bộ quy tắc thực hành môi trường, đưa kỹ thuật môi trường vào các tài liệu đấu thầu và hợp đồng xây dựng; - Giao nhiệm vụ giám sát môi trường thường xuyên cho tư vấn giám sát xây dựng; Thuê tư vấn giám sát môi trường độc lập để xây dựng năng lực và giám sát/báo cáo độc lập ngẫu nhiên về môi trường - Áp dụng các tiêu chuẩn điều kiện để loại trừ các tiểu dự án có tiềm năng có nguy cơ cao về môi trường, chẳng hạn như những dự án nằm trong hoặc rất gần với các khu vực nhạy cảm về môi trường, hoặc những dự án có khả năng gây tác động xấu đáng kể đến môi trường không thể phục hồi
Tính bền vững	Việc cải thiện hiệu quả/năng lực môi trường và xã hội cần phải được thể chế hoá để đảm bảo tính bền vững sau khi kết thúc chương trình.	Vừa phải	- Xây dựng năng lực về môi trường và xã hội ở các thành phố / tỉnh tham gia chương trình, bao gồm cả việc bố trí nhân sự đầy đủ của cơ quan; và - Tăng cường thực hiện các quy định và hướng dẫn quốc gia về xã hội và môi trường
Năng lực thể chế/mức độ phức tạp	Số lượng lớn các tỉnh tham gia; năng lực quản lý môi trường không đồng đều của số lượng lớn các cơ quan thực hiện chương trình có thể dẫn đến thiếu sự phối hợp bảo vệ để đảm bảo sự tuân thủ trong toàn bộ chương trình	Đáng kể	- Xây dựng các quy trình quản lý rõ ràng, đặc biệt là giám sát và báo cáo - Xác định rõ chức năng của mỗi cơ quan thực hiện chương trình

Khuyến nghị về môi trường

1. Hoạt động của Chương trình LRAMP bao gồm một Hỗ trợ kỹ thuật (TA) về quản lý môi trường và xã hội. Điều khoản tham chiếu của Hỗ trợ kỹ thuật sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn về, đào tạo và giám sát việc áp dụng các khuyến nghị còn lại.

2. Tiêu chí sẽ được áp dụng đối với các tiểu dự án LRAMP. LRAMP sẽ không tài trợ cho các tiểu dự án nếu: i) Nằm trong phạm vi 2km từ bất kỳ khu vực nhạy cảm về môi trường như rừng tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn chim, rừng nguyên sinh, khu bảo tồn về mặt pháp lý, các khu vực bảo tồn sinh quyển, các danh lam / di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia vv, được liệt kê trong quyết định số 1107 / QĐ-BTNMT của Bộ TN & MT về danh sách các khu bảo tồn; ii) Nằm trong phạm vi 10 m của công trình văn hóa vật thể như các đền thờ, tượng đài, chùa, mộ cổ, di tích lịch sử, nơi thờ phụng, cây thiêng hoặc bất kỳ đối tượng của tâm linh quan trọng nào đối với cộng đồng địa phương, vv.; iii) Tuyến đường hoặc đường dẫn đòi hỏi phải thu hồi đất ở trong khu dân cư đô thị hoặc làm cho các hộ bị ảnh hưởng bị di dời vào khu tái định cư; iv) Các cầu làm thay đổi đáng kể chế độ thủy văn hoặc địa chất thủy văn như thu hẹp dòng chảy, giảm lưu lượng nước tưới tiêu hoặc yêu cầu lớn về khoan và đóng cọc; và v) việc xây dựng cầu mới có thể ảnh hưởng đáng kể hoặc tiêu cực tới môi trường và xã hội.

3. Các thủ tục quản lý môi trường cần được mô tả rõ ràng và giải thích cho các bên liên quan đến dự án LRAMP và sẽ được đưa vào trong Sổ tay điều hành dự án (OM). Các thủ tục này sẽ bao gồm cả công tác sàng lọc điều kiện đáp ứng về môi trường của các tiểu dự án ở giai đoạn chuẩn bị danh sách ngắn; chuẩn bị kế hoạch bảo vệ môi trường (EPPs) cho các tiểu dự án và phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường. EPPs về cầu phải bao gồm đường dẫn ở cả hai đầu tính tới điểm kết thúc. EPPs phải được phê duyệt trong giai đoạn nghiên cứu khả thi, gồm các biện pháp giảm thiểu như trồng cây xanh và các biện pháp thân thiện với môi trường trong thiết kế kỹ thuật; kết hợp Quy tắc thực hành về môi trường (ECOP) hoặc Kỹ thuật môi trường (ES) vào tài liệu đấu thầu và hợp đồng xây dựng; giám sát môi trường bao gồm là một phần của công tác giám sát và báo cáo kỹ thuật. Những quy trình này sẽ được thực hiện ở cấp tiểu dự án, điều phối và giám sát bởi BQLDA 3, 4, 5, 6, 8 và Tổng cục ĐBVN. Quy trình này cũng sẽ được đưa vào Sổ tay điều hành chương trình.

4. Sổ tay điều hành chương trình và đào tạo nằm trong hỗ trợ kỹ thuật đã đề xuất nên bao gồm hướng dẫn kỹ thuật cho các bên có liên quan để giúp họ hiểu các tác động môi trường tiềm năng điển hình, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, các yêu cầu ECOP và ES bao gồm hướng dẫn EHS của World Bank Group cũng như các giải pháp thân thiện với môi trường cho xây dựng/sửa chữa đường và cầu. Giám sát sẽ được tập trung vào việc tuân thủ Sổ tay điều hành (OM)

Lợi ích xã hội và những rủi ro

5. Chương trình sẽ có những tác động tích cực đối với môi trường kinh tế-xã hội trong ngắn hạn, vì nó cung cấp việc làm cho người lao động dẫn đến tăng thu nhập. Về lâu dài, cải thiện điều kiện đường xá làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, thị trường và có thể cải thiện việc làm nói chung ở các địa phương. Xét về tác động / rủi ro tiềm tàng, đầu tiên, mặc dù chương trình hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông thôn tương đối nhỏ, song việc thu hồi đất là không thể tránh khỏi. Hiên đất được chấp nhận và thực hiện rộng rãi ở cấp địa phương giống như tương tự đối với cơ sở hạ tầng nông thôn nhỏ. Thứ hai, phạm vi địa lý của chương trình, rất có khả năng sẽ được thực hiện ở các tỉnh có sự hiện diện của cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS). Thách thức của chương trình là làm thế nào để tối đa hóa khả năng tiếp cận và hưởng lợi ích từ chương trình cho những khu vực tụt hậu so với các khu vực khác. Khu vực thực hiện chương trình cũng sẽ có nhiều nhóm dân tộc khác nhau, với các hình thái văn hóa và truyền thống phong tục khác biệt. Thứ ba, vì thông thường trong đầu tư cơ sở hạ tầng, quy trình lập kế hoạch đầu tư thường theo cách tiếp cận từ trên xuống, làm hạn chế sự tham gia của người dân địa phương trong quá trình lập kế hoạch. Và cuối cùng, Chương trình dự kiến sẽ được thực hiện bởi các bên liên quan khác nhau từ cấp trung ương (Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ban QLDA 6, Ban QLDA 3, Ban QLDA 4, Ban QLDA 5, Ban QLDA 8, Phân ban quản lý dự án/Sở GTVT) xuống tới cấp tỉnh (50 tỉnh) cũng như các bên liên quan bên ngoài (vốn cho giao thông nông thôn có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau và các nhà đầu tư khác nhau quản lý). Sự tham gia của nhiều cơ quan có thể dễ dàng dẫn đến các phương pháp tiếp cận phù hợp trong việc đối phó với các tác động xã hội và biện pháp giảm thiểu liên quan.

Hệ thống quản lý xã hội

6. Trước hết, về khía cạnh tái định cư, việc thu hồi đất, đền bù, tái định cư luôn là trách nhiệm của Chính phủ, đặc biệt là ở cấp tỉnh và cấp huyện. Trong trường hợp của ngành giao thông, thông thường, các Ban QLDA có trách nhiệm, các chủ đầu tư ký hợp đồng với Ủy ban bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của huyện (CSRC). Các hoạt động này được tiến hành theo quy định của Chính phủ (ví dụ, lập kế hoạch, công khai, phê duyệt hoặc trả tiền bồi thường). Trong chương trình này, Ban QLDA tỉnh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường và tái định cư. Thứ hai, về khía cạnh dân tộc thiểu số, Việt Nam có một khung pháp lý tương đối phù hợp cho vấn đề dân tộc thiểu số. Ở cấp độ hiến pháp, Điều 5 của Hiến pháp năm 2013 khẳng định: (a) sự bình đẳng của tất cả các Dân tộc sinh sống trên lãnh thổ của Việt Nam; (b) cấm hành vi phân biệt đối xử; (c) Các quyền của người dân tộc thiểu số đối với ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và phong tục tập quán của họ; và (d) chính sách toàn diện của Việt Nam cho phép sự phát triển của khu vực dân tộc thiểu số. Các nguyên tắc khi ban hành các chính sách dân tộc thiểu số là: (a) sự bình đẳng và đoàn kết giữa tất cả các dân tộc thiểu số; và (b) hỗ trợ lẫn nhau để tiến bộ. Ở cấp thấp hơn, Nghị định số 51/2011 / NĐ-CP ngày 14 tháng một năm 2011 về các vấn đề dân tộc thiểu số vẫn là văn bản pháp lý cao nhất. Nghị định này quy định về chính sách dân tộc trên các mặt: (a) đầu tư nguồn lực và sử dụng; (b) phát triển bền vững; (c) Giáo dục và đào tạo; (d) nguồn nhân lực dân tộc thiểu số; (e) các chính sách đối với uy tín của người dân tộc thiểu số; (f) phát triển văn hóa và bảo quản; (g) phát triển thể thao và du lịch; (h) chính sách y tế và dân cư; (i) thông tin và truyền thông; (j) hỗ trợ giáo dục pháp luật; (k) và bảo vệ môi trường sinh thái; và (l) chính sách an ninh và quốc phòng. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt dự án "Bảo tồn và phát triển Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam đến năm 2020" với ngân sách ước tính 1,512 tỷ đồng²; và chiến lược dân tộc thiểu số đến năm 2023. Thứ ba, về các yêu cầu pháp lý cho tham vấn cộng đồng/công khai, Việt Nam đã có khung pháp lý tương đối tốt về tiếp cận thông tin và công bố thông tin. Các quyền của công dân đã được phản ánh trong Hiến pháp năm 2013 cũng như trong pháp luật chuyên ngành và các nghị định hướng dẫn thi hành liên quan.

Hệ thống quản lý xã hội

7. Việc tổ chức thực hiện ở hai hợp phần của chương trình là khác nhau. Trong hợp phần đường địa phương, chính quyền địa phương (UBND tỉnh) là chủ dự án của các tiểu dự án ở địa phương mình. UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt các tiểu dự án, bố trí vốn đối ứng để thực hiện. Bộ GTVT (thông qua Tổng cục Đường bộ Việt Nam) đóng vai trò điều phối chung với sự hỗ trợ từ PMU6 làm việc với Ngân hàng Thế giới và hỗ trợ quản lý tổng thể dự án. Trong hợp phần cầu, chương trình sẽ được thực hiện bởi Ban QLDA 6, Ban QLDA 3, Ban QLDA 4, Ban QLDA 5, Ban QLDA 8 dưới sự điều phối của Tổng cục ĐBVN (Bộ GTVT). Các Ban QLDA và các Phân ban QLDA thiết lập cơ chế giải quyết tốt các vấn đề thu hồi đất và đền bù.

8. Chương trình NPLRD và NPETB được liên kết chặt chẽ khi cả hai cùng có mục tiêu tăng cường tiếp cận các khu vực nông thôn gặp khó khăn về tiếp cận, đặc biệt là cho các khu vực nơi các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cư trú cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác như phụ nữ độc thân và trẻ em. Việc đánh giá xác nhận rằng hai chương trình này đã tập trung rất mạnh vào người dân tộc thiểu số trên một số điểm. Tuy nhiên, trong khi hai chương trình này mạnh, tập trung vào những câu hỏi "cái gì" trong vùng dân tộc thiểu số, họ lại rất yếu về câu hỏi "làm thế nào", đặc biệt là làm thế nào để đảm bảo rằng tất cả các chương trình hoạt động phù hợp với văn hóa. Sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số trong các quá trình ra quyết định còn hạn chế (UNDP, 2006; WB năm 2009, 2012; MDRI 2014). Kinh nghiệm trong các chương trình khác do chính phủ tài trợ cũng chỉ ra là các quyết định đều "từ trên xuống" và giải pháp "một kích thước phù hợp với tất cả các" không thích hợp với dân tộc thiểu số.

Khuyến nghị cho hệ thống quản lý xã hội

9. **Khuyến nghị 1:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải tiến hành sàng lọc xã hội trước khi đầu tư thực tế để tối đa hóa lợi ích của dự án và giảm thiểu tác động bất lợi cho các cộng đồng địa phương đặc biệt là về việc thu hồi đất. Các kết quả sàng lọc phải được ghi đúng và bao gồm vào các nội dung đề xuất đầu tư thích hợp. Thông tin cụ thể về quy trình sàng lọc xã hội được sử dụng trong Chương trình sẽ được đưa vào Chương trình hoạt động.

² Để biết thêm chi tiết, tham khảo QĐ số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/ 2011.

³ Để biết thêm chi tiết, tham khảo QĐ số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/ 2013

10. **Khuyến nghị 2:** Nếu thu hồi đất là không thể tránh khỏi, Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải đảm bảo rằng những người dân bị ảnh hưởng do mất đất và các tài sản sẽ được bồi thường sao cho cuộc sống của họ không bị tệ hơn trước khi bị mất đất. Các dự án đầu tư gây ra việc di dời nên được hạn chế, để chỉ có những trường hợp hoàn toàn cần thiết thì Chương trình đầu tư. Quy định tại Luật Đất đai năm 2013 về việc sử dụng đất, thẩm định độc lập cần được theo sau tương ứng với hệ thống giám sát và đánh giá (M & E) của các tỉnh tham gia.

11. **Khuyến nghị 3:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình không nên xem việc hiến đất là lựa chọn mặc định cho thu hồi đất. Ngân sách chi trả đền bù phải được có sẵn, không phụ thuộc vào sự bố trí/sắp xếp của chương trình, các cơ quan thực hiện phải đảm bảo rằng các quyết định hiến đất sẽ được thực hiện dựa trên sự đồng ý của hộ gia đình và sự lựa chọn của riêng họ. Một hướng dẫn tự nguyện hiến đất sẽ được phát triển ở cấp chương trình và thông qua các tỉnh tham gia để hướng dẫn việc áp dụng các thực hành này trong các hoạt động của Chương trình. Hiến đất tự nguyện chỉ nên được sử dụng để hỗ trợ cơ sở hạ tầng cộng đồng quy mô nhỏ mà những tác động không đáng kể và ở nơi có những lựa chọn thay thế cho vị trí của cơ sở hạ tầng. Hướng dẫn sẽ được dựa trên giao thức tự nguyện hiến đất mới nhất (được phát triển bởi ban thư ký bảo vệ an toàn vùng EAP) cũng như các công trình liên quan tăng cường bảo vệ khác ở Việt Nam. Thủ tục này sẽ được chi tiết hơn trong Sổ tay hoạt động chương trình.

12. **Khuyến nghị 4:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch bằng cách duy trì cơ sở dữ liệu về khiếu nại/phản hồi và trả lời những khiếu nại / phản hồi. Ngoài ra, một cơ sở dữ liệu về đối tượng thụ hưởng của chương trình, phân chia theo giới tính và dân tộc, nên được duy trì và giám sát. Hướng dẫn chi tiết cho cơ chế giải quyết khiếu nại, dựa trên các hệ thống thiết lập hiện có, sẽ được bao gồm trong Sổ tay hoạt động chương trình.

13. **Khuyến nghị 5:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình sẽ đảm bảo rằng tất cả các dự án đầu tư được hỗ trợ bởi Chương trình có thể tham vấn với người dân địa phương và công bố công khai tại khu vực chương trình. Hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện và giám sát sẽ được bao gồm trong Sổ tay hoạt động chương trình.

14. **Khuyến nghị 6:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải đảm bảo rằng sự can thiệp của chương trình phải phù hợp văn hoá. Điều này là rất quan trọng cho các nhóm dân tộc đa dạng sinh sống trong khu vực chương trình nhằm đảm bảo các lợi ích của Chương trình. Trường hợp có liên quan, các Ban QLDA và các tỉnh phải cung cấp đào tạo / định hướng cho các nhà thầu làm việc trong khu vực có sự hiện diện đông đảo các dân tộc thiểu số. Hỗ trợ kỹ thuật của chương trình nên có nguồn dành riêng cho hoạt động này.

15. **Khuyến nghị 7:** Bộ GTVT/Tổng cục ĐBVN sẽ xây dựng một hướng dẫn cộng đồng / dân cư tham gia (được thực hiện bởi Ban QLDA và các tỉnh tham gia) để tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số để đảm bảo sự tham gia thực sự của họ và tham vấn ở từng bước thực hiện Chương trình, bao gồm lập kế hoạch, thiết kế và thực hiện tiểu dự án, bồi thường, tái định cư và phục hồi trong các biện pháp thu hồi đất. Hướng dẫn sẽ hướng tới cộng đồng, minh bạch, nhạy cảm về giới và sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Vì chương trình sẽ được thực hiện trong một khu vực địa lý rộng lớn với nhiều dân tộc khác nhau, hướng dẫn cụ thể sẽ được cung cấp ở cấp địa phương cho từng dân tộc. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hoàn toàn hiện thực hoá Pháp luật Việt Nam hiện hành đối với dân tộc thiểu số thông qua một quá trình tư vấn miễn phí, trước, và tư vấn hữu ích. Điều này nên được thêm vào như là một hành động trong Kế hoạch hành động Chương trình.

16. **Giới và những vấn đề khác. Khuyến nghị 8:** Chương trình khuyến khích các biện pháp phát triển xã hội sau đây: (a) đảm bảo lao động không có tay nghề (và đến mức độ khả thi, có kỹ năng) được cung cấp từ nguồn địa phương; (b) đảm bảo quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng mới được phát triển cho những người khuyết tật; (c) huy động cộng đồng (đặc biệt là phụ nữ) trong các hoạt động bảo trì hoặc giám sát dựa vào cộng đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ và các nhóm tương tự cần được đưa vào cơ cấu tổ chức thực hiện để hỗ trợ trong việc thúc đẩy huy động cộng đồng, tham gia và giải quyết khiếu nại.

Biên chế. Khuyến nghị 9: Sử dụng sự sắp xếp bố trí hiện có, các Ban QLDA phải sắp xếp thời gian thích hợp để nhân viên đảm bảo rằng các vấn đề xã hội liên quan đến (thu hồi đất, hiến đất, lòng ghép giới, sự tham gia của DTTS...) sẽ được theo dõi và phản ánh trong báo cáo chương trình tài liệu có liên quan. Phạm vi chi tiết đối với đơn vị / nhân viên sẽ được phát triển trước khi thực hiện thực sự Chương trình.

Mô tả chương trình

17. Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược Phát triển Giao thông Nông thôn năm 2020, và trong chiến lược này, có sự phát triển của các chương trình cầu đường. Chính phủ đã xây dựng một chương trình quốc gia phát triển đường cho các địa phương (NPLRD) và Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB). Các NPLRD và NPETB được liên kết chặt chẽ khi cả hai mục tiêu đều tăng cường tiếp cận các khu vực nông thôn giao thương thấp, đặc biệt là cho các khu vực nơi các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cư trú cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác như phụ nữ đơn thân và trẻ em.

Chương trình quốc gia cho phát triển đường địa phương (NPLRD)

18. Việc thực hiện Chương trình quốc gia phát triển đường địa phương (NPLRD) đang được phân cấp cho các tỉnh và Sở Giao thông vận tải tỉnh có trách nhiệm thực hiện. Các mục tiêu của NPLRD là để đạt được những điều sau đây vào năm 2020: a) đạt 100% kết nối / tiếp cận của các xã bằng giao thông cơ giới, b) Lát 100% đường huyện và ít nhất 70% đường xã, c) Cung cấp kinh phí bảo trì cho 100% đường huyện và ít nhất 35% đường xã. Để đạt được các mục tiêu của chương trình, Chính phủ ước tính nhu cầu và chi phí liên quan giai đoạn 2015-2020 như sau:

- Nâng cấp tổng cộng 1.524 km đường giao thông với chi phí ước tính khoảng 3,8 nghìn tỷ đồng (tương đương 180 triệu USD).
- Lập kế hoạch ngân sách dựa trên một vòng MTEP ba năm. tỷ lệ tăng chi thường xuyên được giao cho việc vận hành và các hoạt động bảo dưỡng (O & M).
- Hiện tại bảy tỉnh mục tiêu đã chuẩn bị MTEPs. Đối với các tỉnh, tổng chi phí ước tính của các chương trình cải tạo và bảo trì cho giai đoạn 2015-2020 là 14.000 tỷ đồng (tương đương 633.000.000 USD).

Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB)

19. Chương trình Quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB) được quản lý ở cấp quốc gia do Bộ Giao thông Vận tải đảm nhiệm (GTVT). Bao phủ 50 tỉnh, chương trình tài trợ cho việc xây dựng các cây cầu nhỏ với chiều rộng 1,5m đến 3,5m. Các cây cầu sẽ được xây dựng để cung cấp sự kết nối tới các cộng đồng nghèo, những nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Các mục tiêu của NTEB là để đạt được những điều sau đây vào năm 2020: a) Bổ sung cho các chương trình phát triển đường bộ địa phương bằng cách nhắm mục tiêu tới các làng và đường xã thiếu hoặc liên kết không an toàn (qua sông ... vv), b) Tạo điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội và các cơ sở khác như trường học, trạm y tế trong mạng lưới đường bộ địa phương, c) Mục tiêu là các cộng đồng nghèo, đặc biệt là những người dân tộc thiểu số

LRAMP (chương trình)

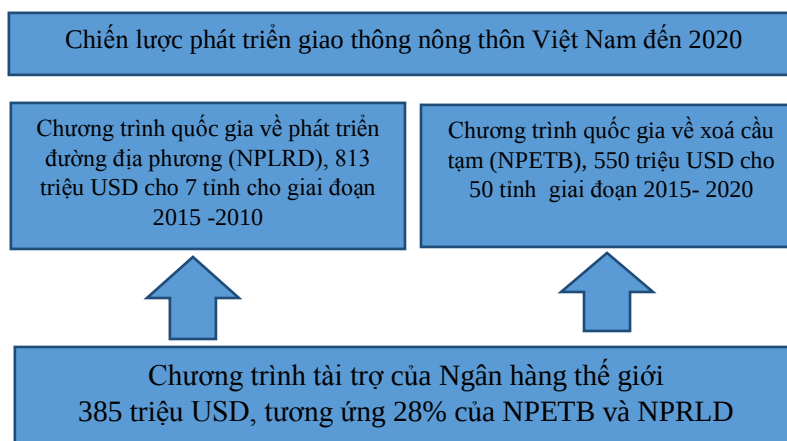
20. Các hoạt động được đề xuất sẽ cải thiện khả năng tiếp cận và đi lại nông thôn tại các tỉnh mục tiêu của các chương trình quốc gia. Đánh giá sơ bộ về sự liên quan chiến lược của các Chương trình Chính phủ mà Ngân hàng Thế giới nhằm hỗ trợ đã được thực hiện trong quá trình các đoàn đánh giá. Cả hai chương trình quốc gia: Phát triển đường địa phương (NPLRD) và Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB) đã được phát triển thuộc Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt năm đến năm 2020. Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt 2020 bao trùm khu vực Bắc Trung Bộ và miền núi, vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

21. Mục tiêu tổng thể của Chương trình là tạo điều kiện và đảm bảo tiếp cận quanh năm đến các trung tâm và các làng của cộng đồng vùng nông thôn và góp phần vào các mục tiêu phát triển giao thông của Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt đến năm 2020. Các mục tiêu cụ thể của chương trình là để các giám chi phí đi lại và cải thiện tiếp cận thị trường và các dịch vụ xã hội cho các cộng đồng nghèo ở các tỉnh mục tiêu thông qua quản lý tốt hơn và bảo trì mạng lưới giao thông. Một trong những thách thức chiến lược các tỉnh phải đối mặt là làm sao thiết lập một mô hình quản lý và thực hiện có hiệu quả. Để làm được điều này, cần phải thiết lập một khuôn khổ vững chắc cho việc dự đoán đầu tư cơ sở hạ tầng cho mạng lưới đường bộ địa phương của tỉnh, thông qua sử dụng 3 năm một

lần kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTEP). Việc sử dụng công cụ này đã được thử nghiệm thành công và đã được tìm ra để cung cấp một cơ sở vững chắc cho việc lập kế hoạch ngân sách.

22. Đối với các NPLRD, phạm vi hoạt động của Ngân hàng Thế giới dự kiến sẽ là một tập hợp các tỉnh trong chương trình quốc gia, do sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới sẽ nhắm mục tiêu tới tám tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ là những người tỉnh nghèo nhất. Đối với các NPETB, phạm vi của sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới cho chương trình cầu sẽ bao gồm 50 tỉnh. Trong số 50 tỉnh NPETB bao gồm tám tỉnh được lựa chọn cho các NPLRD. Ngoài ra, tiêu chí đủ điều kiện và loại trừ sẽ được xây dựng để đảm bảo rằng các hoạt động đủ điều kiện theo chương trình quốc gia sẽ đáp ứng các yêu cầu chính sách của Ngân hàng về PforR, tức là các công trình dân dụng chính có những tác động môi trường và xã hội sẽ bị loại trừ.

Hình 1 - Tổng quan về Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020 và hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới



23. Hoạt động PforR sẽ nhắm mục tiêu cải thiện hiệu quả chi tiêu ở các tỉnh được lựa chọn thông qua việc áp dụng các thay đổi bền vững trong cơ chế chính sách bảo trì và phân bổ ngân sách, hơn là tài trợ toàn bộ tồn đọng của bảo trì. Việc thiết kế và phạm vi của Chương trình được thực hiện sao cho có thể khuyến khích ưu tiên các hoạt động bảo trì đường bộ, bao gồm cả bảo trì thường xuyên và bảo trì định kỳ, vì những việc này mang lại lợi nhuận cao nhất về tiền vốn.

24. Bộ GTVT sẽ là chủ đầu tư của chương trình và sẽ chịu trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể chương trình. Trách nhiệm của Bộ là điều phối các hoạt động của các cơ quan chính phủ trung ương, các Ủy ban nhân dân, UBND tỉnh, Sở GTVT và các tổ chức khác có liên quan về các vấn đề liên quan đến chương trình. Bộ GTVT đã chỉ định Tổng cục ĐBVN là cơ quan có trách nhiệm thực hiện toàn bộ chương trình và là cơ quan đầu mối (cơ quan chủ trì) để làm việc với Ngân hàng, hỗ trợ Bộ GTVT trong việc quản lý tổng thể Chương trình.

25. Ở cấp trung ương, các vụ chức năng của Bộ GTVT và Tổng cục ĐBVN sẽ là những đơn vị chỉ đạo kỹ thuật về tiêu chuẩn đường địa phương, đặc điểm kỹ thuật và định mức chi cho các hoạt động bảo trì đường bộ và xây dựng cầu địa phương. Tuy nhiên, ở cấp tỉnh, cần phải xây dựng năng lực và đào tạo không chỉ cho các sở GTVT mà còn cho các Sở Kế hoạch đầu tư và Sở Tài chính. Chất lượng sẽ được đảm bảo bởi sự phối hợp giữa phòng Quản lý và Thăm định chất lượng công trình giao thông và phòng Khoa học và Công nghệ để thẩm định thiết kế điển hình cho đường và cầu. UBND tỉnh sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc huy động các phòng ban khác có liên quan, đặc biệt trong việc thúc đẩy các mối liên kết chặt chẽ cần thiết với sở GTVT và Phòng Cơ sở hạ tầng và kinh tế ở cấp địa phương. Chính quyền địa phương yêu cầu cần phải tham gia ở mức độ cao. Mạng lưới Hội Liên hiệp phụ nữ địa phương và lãnh đạo xã sẽ là công cụ trong quá trình thực hiện chương trình.

26. Đối với lĩnh vực kết quả đường bộ (Hợp phần đường bộ), UBND các tỉnh tham gia sẽ là cơ quan chủ quản của các tiểu dự án tại các tỉnh. UBND tỉnh sẽ quyết định đầu tư các tiểu dự án và bố trí vốn đối ứng của tỉnh cho các tiểu dự án để đạt được mục tiêu như đã cam kết. Bộ GTVT sẽ là điều phối tổng thể các tiểu chương trình. Tổng cục ĐBVN sẽ là cơ quan đầu mối (cơ quan chủ trì) để làm việc với Ngân hàng, hỗ trợ Bộ GTVT trong việc quản lý tổng thể chương trình. Sở GTVT các tỉnh tham gia sẽ

chịu trách nhiệm về các quyết định kỹ thuật và quản lý trong việc nâng cấp và bảo trì đường bộ dựa trên các kế hoạch và lịch trình trong MTEP. Chính quyền địa phương yêu cầu cần phải tham gia ở mức độ cao. Mạng lưới Hội Liên hiệp phụ nữ và lãnh đạo xã tại địa phương sẽ là công cụ trong khía cạnh bảo trì thường xuyên các tuyến đường giao thông nông thôn trong quá trình thực hiện Chương trình.

27. Đối với lĩnh vực kết quả cầu (Hợp phần cầu), Bộ GTVT sẽ là cơ quan chủ quản và sẽ đóng vai trò là người điều phối tổng thể hợp phần này. Bộ GTVT sẽ ủy quyền cho Tổng cục ĐBVN quyết định đầu tư các tiểu dự án cầu. Tổng cục ĐBVN cũng sẽ là cơ quan đầu mối (cơ quan chủ trì) để làm việc với Ngân hàng, hỗ trợ Bộ GTVT trong việc quản lý tổng thể chương trình. Tổng cục ĐBVN sẽ chỉ định Ban QLDA6 và các Ban Quản lý Dự án khác thuộc Tổng cục ĐBVN (Ban QLDA3, Ban QLDA4, Ban QLDA5, Ban QLDA8) là đơn vị quản lý các tiểu dự án. Tổng cục ĐBVN sẽ phối hợp với các đơn vị quản lý tiểu dự án và các tỉnh tham gia để phát triển các tổ chức thực hiện các tiểu dự án và sau đó báo cáo với Bộ GTVT và Ngân hàng Thế giới xem xét và đưa vào đề cương chi tiết của Chương trình (PDO).

Tài chính và chi phí chương trình

28. Chi phí NPLRD tổng thể tại 7 tỉnh, nơi dữ liệu có sẵn (trong số 8 tỉnh mục tiêu) cho giai đoạn 2015-2020 ước tính khoảng US \$ 813,000,000, bao gồm US \$ 180 triệu nâng cấp đường bộ và khoảng US \$ 633 triệu cho phục hồi bảo trì đường bộ, trong đó 51% được phân bổ cho các công trình phục hồi và 27% cho công tác bảo dưỡng định kỳ. Các tiểu chương trình đề xuất của Ngân hàng Thế giới cho việc hỗ trợ Chương trình quốc gia về phát triển đường địa phương do đó sẽ giúp làm giảm sự thiếu hụt để giúp hoàn thành chương trình. Các khoản thiếu hụt dự tính rất lớn, lên tới khoảng US \$ 375,000,000 cho giai đoạn 2015-2020. Điều đó có nghĩa là ít hơn 50% nhu cầu như mô tả chi tiết trong Chương trình quốc gia được đáp ứng. 1 tiểu chương trình đề xuất của Ngân hàng Thế giới cho việc hỗ trợ Chương trình quốc gia về phát triển đường địa phương là 135 triệu USD, đảm bảo khoảng 16% của chương trình cho bảy tỉnh (trong số tám tỉnh mục tiêu).

29. Để đạt được các mục tiêu của chương trình NPETB trong giai đoạn 2014-2020 Chính phủ cần hoàn thành 7.330 cầu nhỏ khung cứng (trong đó có 4.145 cầu ưu tiên), và 481 cây cầu treo nhỏ. Chi phí NPETB tổng thể ở 50 tỉnh cho giai đoạn 2015-2020 ước tính khoảng 550 triệu USD. Các tiểu chương trình Ngân hàng Thế giới đề xuất hỗ trợ cho Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm sẽ lên đến 250 triệu USD, chiếm khoảng 45% của toàn bộ chương trình quốc gia. Các tiểu chương trình Ngân hàng Thế giới đề xuất sẽ hỗ trợ tài chính và xây dựng các phần của 7.330 cầu nhỏ khung cứng. Dựa trên ước tính sơ bộ, các tiểu chương trình của Ngân hàng Thế giới sẽ cho phép tài trợ cho khoảng 2.900 cây cầu trong số các NPETB dựa các cầu hạng AH, A, B - con số thực tế sẽ căn cứ vào sự lựa chọn kỹ thuật, chiều dài và chiều rộng của cầu được chọn.

30. Tổng cộng, qui mô của tín dụng IDA là US \$ 385,000,000 trong khoảng thời gian chương trình 5 năm, từ năm 2016 đến năm 2020. Vấn đề xuất 435,000,000 USD bao gồm cả vốn đối ứng hoạt động tài chính trong PforR đề xuất sẽ có hai khu vực kết quả tương ứng với các liên kết với các chương trình quốc gia trong Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam 2020. Chiến lược - một cho Chương trình quốc gia phát triển đường địa phương (NPLRD) và một cho Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB) - sẽ được kết nối đầy đủ vào chu kỳ ngân sách hàng năm của Chính phủ.

Mục đích của việc đánh giá các hệ thống môi trường và xã hội (ESSA)

31. ESSA được tiến hành để hiểu được mức độ mà các chương trình:
- a) thúc đẩy phát triển bền vững về môi trường và xã hội trong quá trình thiết kế chương trình; tránh, giảm thiểu, hoặc giảm nhẹ những tác động bất lợi, và thúc đẩy thông báo tới các bên ra quyết định về các tác động môi trường và xã hội của Chương trình;
 - b) tránh, giảm thiểu, hoặc giảm nhẹ tác động xấu đến môi trường sống tự nhiên và tài nguyên văn hóa vật thể từ Chương trình;
 - c) bảo vệ an toàn công cộng và an toàn cho người lao động khỏi các rủi ro tiềm ẩn gắn liền với:
 - (i) xây dựng và / hoặc hoạt động tạo thuận lợi hoặc thực tiễn hoạt động khác của Chương trình;

- (ii) tiếp xúc với hóa chất độc hại, chất thải nguy hại, và các vật liệu nguy hiểm khác trong Chương trình; và (iii) tái xây dựng hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng ở những khu vực dễ bị thiên tai;
- d) quản lý việc thu hồi đất và mất mát trong tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo cách có thể tránh hoặc giảm thiểu việc di dời, và hỗ trợ những người bị ảnh hưởng trong việc cải thiện, hoặc tối thiểu phục hồi sinh kế và mức sống;
- e) Cân nhắc thấu đáo đến sự phù hợp văn hóa, và tiếp cận công bằng với các lợi ích của Chương trình, đặc biệt chú ý đến quyền và lợi ích của người dân tộc thiểu số và các nhu cầu hoặc lo lắng của những nhóm dễ bị tổn thương; và
- f) tránh làm trầm trọng thêm xung đột xã hội, đặc biệt là ở các dân tộc mong manh, khu vực hậu xung đột, hoặc các khu vực bị tranh chấp lãnh thổ.

32. Ngoài ra, ESSA cũng là một cơ hội để xem xét các thủ tục, tiêu chuẩn và các thỏa thuận quản lý xã hội và môi trường được áp dụng cho LRAMP và để đánh giá năng lực thể chế của các cơ quan thực hiện chương trình trong việc quản lý các vấn đề xã hội và môi trường của chương trình, trong bối cảnh Việt Nam. Những kết quả chính của việc đánh giá này sẽ được sử dụng để cải thiện kết quả quản lý môi trường và xã hội của chương trình thông qua các hành động cụ thể trong Kế hoạch Chương trình hành động (PAP) tổng thể, cũng như thông qua các hoạt động hỗ trợ và xây dựng năng lực kỹ thuật được thực hiện trong Chương trình. Các kế hoạch hành động sẽ được thảo luận và thống nhất với Chính phủ Việt Nam và sẽ được đưa vào các thỏa thuận ràng buộc về mặt pháp lý theo các điều kiện của nguồn tài trợ mới. Các ESSA đã được chuẩn bị sẵn sàng phối hợp với các cán bộ có liên quan và các nhân viên kỹ thuật của cơ quan thực hiện của Chính phủ. Các phương pháp bao gồm:

- a) Rà soát những văn bản pháp luật hiện hành có liên quan về môi trường và xã hội và các quy định;
- b) Xem xét lại báo cáo môi trường và xã hội của tỉnh có liên quan cũng như các báo cáo trung ương và cấp tỉnh về việc thực hiện giai đoạn 1 (186 câu);
- c) Hội thảo tham vấn về việc thực hiện quản lý môi trường và xã hội trong LRAMP; và
- d) Một số chuyến đi thực địa tới 5 tỉnh, và các cuộc phỏng vấn / thảo luận với các đại diện trung ương và cấp tỉnh có liên quan.

Mô tả hệ thống quản lý môi trường chương trình

Phạm vi công việc

33. Chương trình này sẽ bao gồm việc cải tạo và bảo trì đường bộ địa phương tại tám tỉnh mục tiêu: bao gồm Hà Giang, Bắc Cạn, Lào Cai, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định và Quảng Bình. Chương trình này cũng sẽ tài trợ cho việc xây dựng lại hoặc xây dựng hàng ngàn cây cầu nhỏ cho các cộng đồng nghèo bị cô lập trong 50 tỉnh mục tiêu⁴.

34. Vì LRAMP là một "Chương trình dựa trên kết quả", chỉ các tiểu dự án tương đương với môi trường loại B theo phân loại của Ngân hàng Thế giới, tức là các tác động tiềm năng được đánh giá là từ nhỏ đến trung bình, có thể quản lý được, sẽ được tài trợ trong Chương trình.

Các rủi ro và tác động môi trường tiềm tàng

35. Các tác động môi trường tổng thể của Chương trình LRAMP sẽ là đáng kể và tích cực. Những tuyến đường địa phương được nâng cấp hoặc những cây cầu mới sẽ giúp cộng đồng địa phương đi lại an toàn, tiếp cận thuận tiện hơn tới các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Tiếp cận tốt hơn cũng tăng cường kết nối xã hội giữa các hộ gia đình được hưởng lợi, tạo cơ hội cho các hộ gia đình vùng xa có thể sơ tán trong các sự kiện lũ lụt, cung cấp kết nối tốt hơn với thị trường cho nông dân. Chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình được hưởng lợi dự kiến sẽ được tăng từ tác động có lợi trực tiếp như vậy.

<i>Một số lợi ích trực tiếp của cải thiện giao thông:</i> <i>an toàn và thuận tiện hơn cho các em nhỏ đến trường trong mùa mưa. Thay vì đưa bọn trẻ đến trường, cha mẹ có thể dành nhiều thời gian cho các hoạt động tạo thu nhập hộ gia đình. người bệnh tới phòng khám dễ dàng hơn; Nhân viên y tế địa phương có thể đi đến các cộng đồng vùng xa để chăm sóc sức khỏe. Nông dân có thể bán sản phẩm với giá cao hơn do thời gian và chi phí vận chuyển giảm</i> ⇒ <i>Mức sống của cộng đồng được hưởng lợi được cải thiện</i>	 <i>Miền núi phía bắc: hiện tại người dân vượt qua suối trên công trình nương dẫn nước thủy lợi</i>
 <i>Tây nguyên: Một cây cầu bị xuống cấp rất nguy hiểm khi đi qua, nhất là trong mùa mưa</i>	 <i>Đồng bằng mêkoong: Nông dân chờ lợn ra chợ trên xe máy.</i>

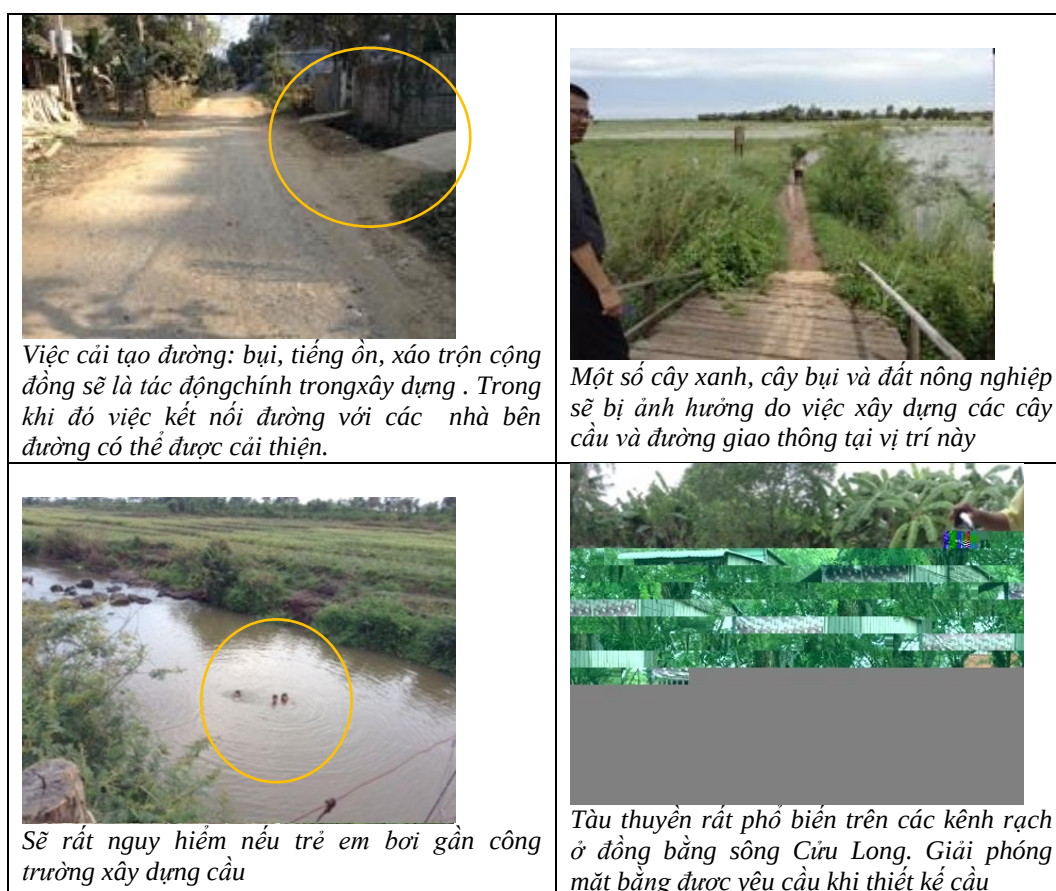
Hình 1 - tác động mang lại lợi ích tiềm năng ở một số địa điểm

36. Thông qua hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ tư vấn môi trường độc lập cung cấp trong LRAMP, mong rằng năng lực quản lý môi trường của các cơ quan thực hiện bao gồm Tổng cụcĐBVN, Ban QLDA 3, 4, 5, 6 và 8, Sở GTVT sẽ được tăng cường.

⁴ PAD, trang 15 và 16

37. Có một số tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro về môi trường ở cấp tiểu dự án trong cả hai giai đoạn xây dựng và vận hành của việc cải tạo và bảo trì đường bộ và xây dựng mới hoặc xây dựng lại cầu.

38. Đối với công tác cải tạo bảo trì đường, tác động xây dựng thông thường được biết đến, bao gồm: i) tăng mức độ bụi, tiếng ồn và độ rung; ii) xáo trộn cho giao thông và tăng rủi ro về an toàn giao thông; iii) xáo trộn hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình bên đường; v) những rủi ro về sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng địa phương; Những tác động xây dựng tiềm tàng dự kiến sẽ thấp ở mức vừa phải, tạm thời, ngắn hạn, cục bộ, hầu như là khôi phục lại sau khi xây dựng hoàn thành. Trong giai đoạn vận hành của các tiểu dự án cải tạo đường, không có tác động tiêu cực về môi trường gia tăng được dự kiến. Khí thải từ các phương tiện và rủi ro an toàn giao thông đường bộ của các tuyến đường đã được cải tạo, thậm chí còn dự kiến sẽ giảm trong giai đoạn vận hành.



Hình 2 - tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro ở một số địa điểm

39. Đối với việc xây dựng mới, xây dựng cầu lại, trong đó có cả đường dẫn đầu cầu, các tác động tiềm tàng và rủi ro sẽ là: i) mất thảm thực vật, chặt phá cây trong khi chuẩn bị công trường; ii) tăng mức độ bụi, tiếng ồn và độ rung; iii) xáo trộn giao thông và tăng rủi ro về an toàn giao thông; iv) xáo trộn đối với các hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình bên đường; v) ô nhiễm nước liên quan đến tăng nguy cơ lắng đọng trầm tích liên quan đến việc chuẩn bị vật liệu xây dựng, bốc dỡ tạm thời của vật liệu xây dựng trong mùa mưa; vi) ô nhiễm và tác động tầm nhìn liên quan đến việc chất đống và đào bới vật liệu; vii) can thiệp hoặc làm gián đoạn hoạt động của cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ như cung cấp điện, thoát nước, cấp nước vv viii) những rủi ro về sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng địa phương; Trong giai đoạn vận hành, các mối quan tâm về vấn đề môi trường sẽ là: i) tăng khả năng tiếp cận của con người đối với khu bảo tồn hoặc các khu vực có / giá trị sinh học môi trường cao, có thể dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học; ii) an toàn giao thông; iii) rủi ro sạt lở đất ở các khu vực đồi núi; iv) gây cản trở sự di chuyển của thuyền nếu cầu được xây dựng trên đường giao thông thủy;

Các biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường tiêu cực tiềm tàng và rủi ro

40. Trong khi các tác động xây dựng gần như là có thể giảm thiểu tuy nhiên thực tiễn xây dựng thì một số tác động tiêu cực tiềm tàng trong giai đoạn vận hành có thể tránh hoặc giải quyết thông qua vị trí tiểu dự án hoặc thiết kế kỹ thuật.

41. Để tránh các tác động môi trường tiềm tàng bất lợi, đặc biệt là các rủi ro môi trường-xã hội gắn liền với xây dựng mới/xây dựng lại cầu và đường, việc xác định địa điểm của các tiểu dự án thuộc LRAMP sẽ tránh được các địa điểm có thể gây ra những tác động tiêu cực tiềm ẩn. LRAMP sẽ KHÔNG hỗ trợ các tiểu dự án mà:

- Nằm trong phạm vi 2km từ bất kỳ khu vực nhạy cảm về môi trường như rừng tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn chim, rừng nguyên sinh, khu bảo tồn về mặt pháp lý, các khu vực bảo tồn sinh quyển, các danh lam / di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia vv, được liệt kê trong quyết định số 1107 / QĐ-BTNMT của Bộ TN & MT về danh sách các khu bảo tồn; Nằm trong phạm vi 10 m của công trình văn hóa vật thể như các đền thờ, tượng đài, chùa, mộ cổ, di tích lịch sử, nơi thờ phụng, cây thiêng hoặc bất kỳ đối tượng của tâm linh quan trọng nào đối với cộng đồng địa phương, vv .; Tuyến đường hoặc đường dẫn đòi hỏi phải thu hồi đất ở trong khu dân cư đô thị hoặc làm cho các hộ bị ảnh hưởng bị di dời vào khu tái định cư;
- Các cầu làm thay đổi đáng kể chế độ thủy văn hoặc địa chất thủy văn như thu hẹp dòng chảy, giảm lưu lượng nước tưới tiêu hoặc yêu cầu lớn về khoan và đóng cọc; việc xây dựng cầu mới có thể ảnh hưởng đáng kể hoặc tiêu cực tới môi trường và xã hội.



Hình 3 - Các cấu trúc cần tránh

42. Các biện pháp có thể được tích hợp vào thiết kế kỹ thuật hoặc thực hành xây dựng để giảm thiểu các tác động môi trường-xã hội tiêu cực tiềm tàng được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 1 – Các biện pháp giảm thiểu

Giai đoạn	Các biện pháp giảm thiểu
Thiết kế kỹ thuật	• Chọn vật liệu bền với thời tiết và khí hậu để nâng cao tính bền vững của cấu trúc • Bao gồm các biện pháp thân thiện với môi trường để bảo vệ mặt dốc trong tiểu dự án nằm trong khu vực đồi núi, ví dụ: trồng cây hoặc cỏ trên sườn dốc • Thiết kế hệ thống thoát nước trên mặt dốc và dọc theo tuyến đường • Cổng thoát nước được thiết kế cấu trúc có sự phân tán năng lượng và chống xói mòn kết cấu. Giữ lại lớp đất mặt tại các mô đất, và sử dụng lại ở giai đoạn cuối phục hồi công trường. • Thiết kế kết nối êm thuận tại các điểm giao giữa đường mới/đường được cải tạo và đường dẫn hiện hiện có tới các tuyến đường của các hộ gia đình hoặc các tuyến đường hiện có khác • Thiết kế cầu tính đến chiều cao và chiều rộng thông thuyền đủ để tàu

	thuyền bên dưới lưu thông • Chọn vật liệu không bị ăn mòn cho cấu trúc cầu ở những nơi nước có độ pH thấp • Đặt biển báo giao thông tại các địa điểm nơi có rủi ro về an toàn giao thông trong giai đoạn vận hành như trước các đoạn cong, gần trường học, chợ, trạm y tế, trung tâm xã hoặc các tòa nhà công cộng khác
Xây dựng	• Thông báo cho cộng đồng bị ảnh hưởng về tiến độ xây dựng • Giữ cho khu vực bị làm phiền/ảnh hưởng là nhỏ nhất ở tất cả các thời điểm • Cung cấp chỗ ở đầy đủ, cung cấp nước và vệ sinh cho người lao động sử dụng; cung cấp thiết bị bảo hộ đầy đủ cho người lao động • Thực hiện quản lý công trường thích hợp, thường xuyên vệ sinh công trường, quản lý rác và vật liệu vv đặc biệt là trong thời tiết mưa • Lắp đặt rào chắn, biển báo và bố trí cán bộ trực tiếp điều hành giao thông • Tưới nước trên đường bụi trong điều kiện thời tiết khô, che phủ các xe tải và chở vật liệu xây dựng đúng tải trọng • Tránh tạo ra tiếng ồn lớn vào giờ nhạy cảm như buổi sáng sớm và ban đêm. • Sử dụng máy đầm tĩnh thay vì máy đầm rung • Xây dựng đường tạm bên lề đường nếu giao thông thường xuyên bị ảnh hưởng • Tái sử dụng vật liệu đào lên trong quá trình xây dựng và dùng để đắp ở những nơi có thể • Thường xuyên san lấp mặt bằng và cảnh quan khu vực bị đào bới/ lấp đầy khu vực • Trồng cỏ hoặc tái thiết lập thảm thực vật che phủ trên mái dốc hoặc đất trống được tạo ra • Đảm bảo tạo mới hoặc duy trì rãnh thoát nước cũ để giảm thiểu tiềm năng xói mòn của nước mưa khi chảy trên sườn núi • Phối hợp với các cơ quan có liên quan để di dời, sửa chữa cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng
Vận hành	• Lôi kéo sự tham gia của cộng đồng trong bảo trì đường bộ và cầu nếu có thể, đặc biệt là trồng / duy trì hành lang xanh dọc theo những con đường

43. Một tập hợp toàn diện các hoạt động môi trường để giải quyết các tác động tiềm tàng và rủi ro điển hình của cầu và đường dẫn được trình bày trong Phụ lục 6.

Hệ thống quản lý môi trường

Yêu cầu pháp lý về môi trường quốc gia

44. Việt Nam có một hệ thống pháp lý tốt cho quản lý môi trường. Luật mới về bảo vệ môi trường (BVMT) có hiệu lực từ tháng Giêng năm 2015, Nghị định 18/2015 / NĐ-CP và Thông tư 27/2015 / TT-BTNMT đặt ra một khuôn khổ quản lý môi trường toàn diện cho các dự án cơ sở hạ tầng. Quản lý môi trường cũng được hỗ trợ bởi các luật liên quan như Luật Di sản văn hóa, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lao động, Luật Phòng chống và ứng phó với thiên tai v.v.

45. Các nguyên tắc hướng dẫn quản lý môi trường trong chương trình được cung cấp tại: i) sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014 / QH13 ngày 23 tháng sáu năm 2014, có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 2015; ii) Nghị định 18/2015 // NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Môi trường năm 2014 với các quy định cụ thể về quy hoạch môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; iii) Thông tư 27/2015 / TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số hướng dẫn cho việc thực hiện Nghị định 18/2015 / NĐ-CP.

46. Ngoài ra, các văn bản pháp luật khác có thể được áp dụng cho một số tiểu dự án cụ thể là:
- Luật khoáng thiên nhiên số 60/2010 / QH12;
 - Luật Tài nguyên nước số 17/2012 / QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;
 - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013 / QH13, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2014;
 - Luật Lao động số 10/2012 ngày / QH13 ngày 18 Tháng Sáu 2012;
 - Luật Di sản văn hóa số 32/2009 / QH12 ngày 18 tháng sáu năm 2009 sửa đổi một số điều của Luật Di sản văn hoá số 28/2001 / QH10;
 - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008 / QH12 ngày 28 tháng 11 năm 2012;
 - Nghị định 201/2013 / NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.
 - Nghị định 179/2013 / NĐ-CP về tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm về môi trường;
 - Thông tư về quản lý chất thải rắn, các tiêu chuẩn môi trường quốc gia vv.

47. Các điều khoản có liên quan trong các văn bản pháp luật áp dụng đối với LRAMP được thảo luận chi tiết dưới đây:

Luật về bảo vệ môi trường(2014)

48. Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) số 55/2014 / QH13 có hiệu lực từ ngày 01 Tháng 1 năm 2015 để thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường 2005. Luật Bảo vệ môi trường với 15 chương, 136 điều quy định về hoạt động bảo vệ môi trường, chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nói chung của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong việc bảo vệ môi trường. Các chương có liên quan chặt chẽ đến LRAMP là:

Chương 1: Quy định chung

Chương 2: Tiêu chuẩn môi trường

Chương 3: Đánh giá môi trường chiến lược

Chương IV, Điều 39 - 48: Thích ứng với biến đổi khí hậu;

Chương VI, điều 52-64: không khí, nước và bảo vệ môi trường đất;

Chương VII, điều 72-74: Bảo vệ môi trường (a) các bệnh viện và các trung tâm chăm sóc sức khỏe; (b) xây dựng; và (c) vận tải;

Chương VIII, điều 80-84: Bảo vệ môi trường trong khu dân cư;

Chương XI, điều 85-103: Xử lý chất thải và quản lý nước thải;

Chương XIV, điều 139-143: Trách nhiệm của cơ quan quản lý môi trường quốc gia; và

Chương XV, điều 144: Trách nhiệm bảo vệ môi trường của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức dân sự và cộng đồng.

49. *Đánh giá tác động môi trường.* Theo Luật BVMT, đánh giá tác động môi trường là bắt buộc đối với các dự án mà: (a) có quy mô lớn cho các quyết định đầu tư được thực hiện bởi Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; (b) sử dụng đất thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, di tích lịch sử / văn hóa, khu bảo tồn sinh quyển hoặc các danh lam được xếp hạng với cảnh quan có giá trị; và (c) có các tác động môi trường bất lợi và rủi ro cao. LRAMP sẽ không thực hiện bất kỳ tiểu dự án nào rơi vào các loại này, do đó phiên bản đơn giản hóa của EA, tức là Kế hoạch bảo vệ môi trường, sẽ được yêu cầu cho các tiểu dự án thuộc LRAMP.

50. Đầu tư vật chất trong LRAMP sẽ được yêu cầu chuẩn bị đánh giá đơn giản hóa môi trường trong hình thức Kế hoạch bảo vệ môi trường (Epps) phù hợp với Luật BVMT mới:

- Các đối tượng phải chuẩn bị EPP : (a) Dự án đầu tư mà EIA không bắt buộc, (b) Sản xuất, kinh doanh và các cơ sở dịch vụ mà các báo cáo đầu tư không được yêu cầu;
- Nội dung của EPP: Luật BVMT 2014 đòi hỏi Epps để cung cấp thông tin về vị trí dự án, loại, công nghệ và quy mô sản xuất / kinh doanh / dịch vụ; dòng nguyên liệu và nhiên liệu được sử dụng, các dự báo về các chất thải phát sinh và tác động môi trường khác; biện pháp xử lý chất thải và giảm thiểu tác động môi trường tiêu cực các biện pháp và các thỏa thuận để thực hiện EPP.
- Xem xét và thẩm định KH bảo vệ môi trường (KHBVMT): Luật BVMT 2014 quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan chính phủ về thẩm định và phê duyệt KHBVMT và trách nhiệm của các chủ dự án về thực hiện các KHBVMT đã được phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện sẽ

xem xét và thẩm định các dự án nhỏ được thực hiện trong phạm vi địa giới hành chính của huyện, tỉnh và Sở TN & MT sẽ thẩm định và xem xét các dự án nhỏ bao gồm hai hoặc nhiều huyện trong tỉnh.

51. Đặc biệt, Luật BVMT mới cũng quy định yêu cầu trách nhiệm quản lý môi trường cho các cộng đồng và hộ gia đình, bao gồm:

1. Chương XV, Điều 146 -trách nhiệm cộng đồng	<i>...Có quyền yêu cầu cơ quan quản lý môi trường nhà nước thực hiện các biện pháp để bảo vệ các quyền và phúc lợi của cộng đồng theo quy định của Luật dân sự...</i>
---	---

chương VIII, điều 82 trách nhiệm các hộ gia đình	• Giảm và phân loại rác thải thành phố tại nguồn và vận chuyển đến địa điểm đã được phê duyệt • Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt vào các bể chứa đã được phê duyệt • việc sản sinh ra khí thải, tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường bị cấm • Thanh toán toàn bộ phí bảo vệ môi trường đúng thời hạn; trả tiền cho dịch vụ thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật; • Tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường ở các khu vực công cộng và dân cư. • Có thiết bị vệ sinh và chuồng gia súc an toàn và hợp vệ sinh
---	---

Nghị định số 18/2015 / ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 về quy hoạch quản lý môi trường, đánh giá chiến lược môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

52. Chương IV và Phụ lục I quy định các tiêu dự án đòi hỏi phải thực hiện đánh giá môi trường:

- Các dự án sử dụng đất của công viên quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thế giới, khu vực bảo tồn sinh quyển, đăng ký quốc gia về văn hóa - di tích lịch sử;
- Các dự án có thể gây ra tình trạng mất rừng, chuyển đổi đất rừng: từ 5 ha rừng đầu nguồn rừng phòng hộ và rừng đặc biệt, từ 10 ha rừng tự nhiên, từ 50 ha của loại hình khác của rừng; chuyển đổi từ 5 ha đất ruộng lúa vào sử dụng đất phi nông nghiệp
- Xây dựng Đường bộ mới từ cấp I đến cấp III
- Xây dựng công trình từ 50 km của đường cấp IV ở vùng núi
- Cầu từ 500 m dài, không kể đường vào

53. Nghị định 18/2015 / ND-CP quy định các dự án quy mô nhỏ mà không nằm trong các khu vực nhạy cảm về môi trường, chủ dự án sẽ chỉ được yêu cầu chuẩn bị kế hoạch bảo vệ môi trường để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét và phê duyệt. Điều 30 trong Luật môi trường mới chỉ đề xuất các tiêu đề chính cho KHBVMT. Chi tiết hướng dẫn về việc chuẩn bị KHBVMT được cung cấp trong Thông tư 27/2015 / TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 5/2015 của Bộ TN & MT và có hiệu lực từ ngày 15 tháng bảy năm 2015. Mặc dù danh sách cuối cùng của những cây cầu được xây dựng / xây dựng lại trong chương trình LRAMP chưa được hoàn thiện, rất có khả năng rằng tất cả các cây cầu nhỏ được xây dựng / xây dựng lại trong LRAMP sẽ được yêu cầu chuẩn bị KHBVMT.

54. Chương V quy định về kế hoạch quản lý môi trường

Điều 18. đăng ký KHBVMT: Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ là cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho các dự án sẽ được thực hiện trong phạm vi ranh giới của một tỉnh.

Điều 19. Chứng nhận của KHBVMT: Các dự án có thể chỉ được bắt đầu khi Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được chứng nhận.

55. Chương VI bao gồm việc tổ chức thực hiện:

- Điều 20: chi phí đánh giá môi trường và chuẩn bị các kế hoạch quản lý môi trường sẽ là một phần trong tổng chi phí của dự án; các chi phí liên quan đến thẩm định báo cáo đánh giá môi trường sẽ là trách nhiệm của các chủ dự án; các chi phí liên quan đến việc chứng nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường sẽ được trả từ ngân sách quản lý môi trường
- Điều 21 quy định các loại báo cáo môi trường mà các cơ quan chính phủ ở cấp độ khác nhau được yêu cầu chuẩn bị và nộp cho cơ quan quản lý môi trường có liên quan:
 - i. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải nộp báo cáo hàng năm về các hoạt động quản lý môi trường được thực hiện trên địa bàn huyện trong năm cho UBND tỉnh;
 - ii. UBND các tỉnh phải nộp báo cáo hàng năm cho Bộ TNMT trong đó bao gồm: i) thẩm định SEIA; thẩm định và phê duyệt báo cáo EIA; Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường và kiểm tra việc thực hiện cho Bộ TN & MT;

Xem xét Thông tư 27/2015 / TT-BTNMT

56. Chương VI - Kế hoạch Bảo vệ môi trường. Điều 32. Thẩm quyền Xác nhận KHBVMT: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh và phòng TN & MT sẽ có thẩm quyền xác nhận EPCs của các loại dự án được liệt kê trong Phụ lục 5.1 của Thông tư 27. Ủy ban nhân dân huyện sẽ là cơ quan xác nhận EPCs cho các loại dự án được liệt kê tại khoản 1 - Điều 1 của Nghị định trừ những loại dự án được liệt kê trong Phụ lục 5.1. Ủy ban nhân dân xã có thể được ủy quyền của UBND huyện để xác nhận EPCs các dự án quy mô hộ gia đình trong xã.

Trích Phụ lục 5.1:

"Kế hoạch bảo vệ môi trường sẽ được xác nhận bởi một trong hai đơn vị: Sở Tài nguyên & Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện. Trong số các dự án khác, Sở TN & MT tỉnh sẽ xem xét KHBVMT của dự án sử dụng đất của: i) các điểm văn hóa, lịch sử của tỉnh; ii) các khu vực có cảnh quan đẹp được tỉnh xếp hạng; iii) ít hơn 5 ha rừng quản lý đầu nguồn, rừng đặc dụng; iv) giữa 1-10 ha rừng tự nhiên; v) từ một đến năm ha ruộng lúa, nếu đất chuyển sang đất phi nông nghiệp; và vi) từ 10 đến 50 ha rừng khác "

- Điều 33. Hồ sơ trình cấp giấy chứng nhận KHBVMT: i) cùng với ba bản sao của tài liệu KHBVMT, chủ dự án cũng được yêu cầu phải nộp một bản sao của Báo cáo đầu tư để Sở TNMT / UBND huyện; ii) Trong trường hợp áp dụng cho KHBVMT chứng nhận KHBVMT là một cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu đề đệ trình sẽ đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
- Điều 34. Thời điểm xác nhận KHBVMT: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận, chứng nhận cần được ban hành. Trong trường hợp chứng nhận chưa có thể phát hành, thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do sẽ được ban hành.
- Điều 35. Thực hiện KHBVMT: Chủ dự án được yêu cầu đăng ký lại đối với chứng nhận KHBVMT trong các trường hợp được quy định tại khoản 4, Điều 33 của Luật BVMT, trong đó đề cập đến: sự thay đổi vị trí của dự án; Không bắt đầu việc thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày KHBVMT đã được chứng nhận; Trường hợp có thay đổi về tính chất của dự án, phạm vi dẫn đến đánh giá tác động môi trường EIA là cần thiết, chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm cho việc chuẩn bị EIA và trình duyệt ở cấp có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới sẽ chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện chứng nhận KHBVMT.

Xem xét Luật Khoáng sản số 60/2010 / QH12

57. Công tác phục hồi đường và xây mới/xây lại cầu có thể yêu cầu số lượng hạn chế vật liệu xây dựng như cát, đá, đất để lấp v.v Việc khai thác các vật liệu đó sẽ được yêu cầu phải thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản, mà cũng đã thảo luận về vật liệu xây dựng.

58. Chương II thảo luận về hoạch định tài nguyên khoáng sản:

- Điều 10. Hoạch định Tài nguyên khoáng sản bao gồm các kế hoạch khai thác và sử dụng của từng loại và nhóm vật liệu dùng cho xây dựng ...;

- Điều 22. Khảo sát tài nguyên khoáng sản bao gồm: Khảo sát và chuẩn bị bản đồ địa chất/địa hình môi trường; đánh giá lưu trữ.
- Điều 23. Trách nhiệm của khảo sát khoáng sản bao gồm: i) đăng ký với các cơ quan có liên quan trước khi bắt đầu các cuộc khảo sát; tiến hành khảo sát theo kế hoạch được duyệt; Thực hiện các biện pháp để bảo vệ môi trường và tài nguyên khoáng sản trong quá trình khảo sát; trình kết quả khảo sát lên các cơ quan có liên quan phê duyệt;
- Điều 26. Một số hạn chế sẽ được áp dụng để đáp ứng các yêu cầu về an ninh quốc gia, bảo vệ môi trường: a) Tổ chức, cá nhân được phép; b) Năng suất; c) Thời điểm; d) khu vực Đất, độ sâu và phương pháp.

59. Chương VI quy định về các yêu cầu bảo vệ môi trường khi sử dụng đất, đất trồng, nước, cơ sở hạ tầng trong hoạt động khai thác khoáng sản:

- Điều 30 yêu cầu: i) Cách sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, thiết bị và nguyên vật liệu; thực hiện các biện pháp để ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động môi trường tiêu cực tiềm tàng, phục hồi các công trường phù hợp với các yêu cầu pháp lý; ii) Các giải pháp và chi phí giảm thiểu môi trường và phục hồi chức năng phải được bao gồm trong FS, EIA / EPP; iii) Trước khi bắt đầu khai thác, khai thác phải trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của Chính phủ⁵.
- Điều 32. sử dụng nước cho khai thác mỏ: khai phá phải thực hiện theo Luật Tài nguyên nước; Các nguồn nước, số lượng và các phương pháp sử dụng nước và xả trong quá trình khai thác khoáng sản phải được xác định trong đề án khai thác mỏ và thiết kế

Xem xét luật ứng phó và phòng chống thiên tai (LNDPR)

60. Được ban hành vào tháng Sáu năm 2013, luật ứng phó và phòng chống thiên tai thiết lập nguyên tắc cơ bản liên quan đến việc chuẩn bị và ứng phó thiên tai trong đó bao gồm phòng ngừa chủ động và phản ứng kịp thời cũng như phục hồi nhanh chóng và hiệu quả. Điều 4 quy định rằng phòng ngừa và ứng phó thảm họa nên kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình; thích ứng môi trường, biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ sinh thái.

61. Chương I thảo luận về phản ứng phòng chống thiên tai. Điều 19 quy định cụ thể yêu cầu phòng chống thiên tai cho các khu dân cư đô thị / nông thôn và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Các nhà đầu tư cần đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai được đưa vào trong quá trình chuẩn bị dự án được đề xuất, bao gồm: (a) không gây tăng nguy cơ thiên tai, hạn chế đến mức tối thiểu các rủi ro thiên tai, và đảm bảo sự ổn định của công trình xây dựng trong trường hợp thiên tai; và (b) thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng và quy hoạch đô thị. Điều luật này cũng yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá dự án để đảm bảo dự án được đề xuất đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai.

Xem xét Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13

62. Những sửa đổi Luật Tài nguyên nước đã được ban hành vào năm 2012 thay thế một số điều của Luật Tài nguyên nước cũ đã ban hành vào năm 1992. Trong khi Luật này tập trung vào việc lập kế hoạch tài nguyên nước, thì Chương III bao gồm các quy định về bảo vệ tài nguyên nước sẽ có liên quan đến hoạt động xây dựng cầu. Một số điều được thảo luận dưới đây:

- Điều 25 yêu cầu những người đã sử dụng tài nguyên nước phải bảo vệ nguồn nước; Bất kỳ mối đe dọa hoặc gây thiệt hại nào đến tài nguyên nước đều phải kịp thời báo cáo với chính quyền địa phương.
- Điều 26 quy định các yêu cầu để ngăn chặn và giảm thiểu suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.
“...Hành động khắc phục phải được thực hiện đối với tài nguyên nước suy thoái, xói mòn đất hoặc lở đất, ô nhiễm hoặc nhiễm mặn nguồn nước; nếu thiệt hại gây ra, phải bồi thường theo Luật”

⁵ Trong trường hợp có sự hư hại về môi trường hoặc người khai thác không phục hồi hiện trường, số tiền uỷ thác của người khai thác sẽ được dùng để phục hồi chức năng địa điểm xây dựng.

“...Việc tránh hoặc các biện pháp giảm thiểu phải được áp dụng nếu việc xây dựng giao thông vận tải đường bộ ..., giao thông vận tải đường thủy ... có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước hoặc làm nguồn nước suy thoái / cạn kiệt”

Xem xét Nghị định số 59/2007 / ND-CP ngày 09 Tháng tư năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

63. Ba nguyên tắc đầu tiên quy định tại Điều 4 của Nghị định này sẽ được áp dụng trong chương trình được dự kiến. Đó là: (a) Tổ chức, cá nhân có thải chất thải rắn hoặc đang tham gia vào các hoạt động tạo ra chất thải rắn phải nộp phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; (b) Chất thải được phân loại tại nguồn phát sinh và sau đó tái chế, tái sử dụng và xử lý để có thành phần hữu ích của nó thu hồi để dùng làm nguyên liệu đầu vào và tạo ra năng lượng; (c) ưu tiên ứng dụng công nghệ cho việc xử lý các chất thải rắn khó phân hủy, để có thể giúp làm giảm khối lượng chất thải phải chôn, tiết kiệm đất sử dụng cho mục đích này;

64. Chương trình được đề xuất cũng nên thực hiện theo các yêu cầu chi tiết trong một số mục của Điều 24: "trên các đường phố chính, tại các trung tâm kinh doanh và ở các khu vực công cộng và dân cư, cơ sở cho việc lưu trữ chất thải rắn phải được sắp xếp" (khoản 3); "Thể tích của các thùng rác bên trong một tòa nhà phải phù hợp với thời gian lưu giữ. Thùng đặt ở những nơi công cộng phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ (mục 4); và "chất thải rắn không được giữ lại tại chỗ trong hơn hai ngày" (mục 5).

65. An toàn lao động. Quy định liên quan đến an toàn lao động có trong nhiều luật như Bộ luật Lao động Việt Nam năm 1994 và Nghị định 06 / ND-CP ngày 20 tháng 1 1995 định chế một số quy định của Luật Lao động Việt Nam về an toàn lao động và sức khỏe và quy định rằng "chủ sử dụng lao động cung cấp cho người lao động đủ các thiết bị bảo hộ cá nhân và thực hiện các biện pháp khác bảo đảm an toàn lao động và sức khỏe cho họ, phù hợp với luật pháp và các quy định". Ngoài ra Nghị định 110/2002 / ND-CP ngày 27/12/2002, bổ sung và sửa đổi Nghị định 06 / ND-CP, quy định Luật lao động Việt Nam về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Trách nhiệm thể chế môi trường

Cấp trung ương

66. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN & MT) là cơ quan quản lý môi trường ở cấp trung ương ở Việt Nam. Là một phần của chức năng quản lý của mình, Bộ TN & MT thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và thực hiện hậu giám sát ĐTM. Liên quan đến an toàn và bệnh nghề nghiệp, các cơ quan từ nhiều cấp khác nhau của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (MOLISA) cung cấp hướng dẫn và thực hiện kiểm tra định kỳ. Quản lý các nguồn tài nguyên văn hóa là trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (MOST).

67. Theo Luật môi trường hiện hành, vì các tiểu dự án được đề xuất đầu tư trong LRAMP sẽ có quy mô tương đối nhỏ và không nằm trong bất kỳ khu vực nhạy cảm nào về môi trường, việc xem xét và phê duyệt tài liệu môi trường sẽ được duy trì ở cấp huyện.

68. Ở cấp Trung ương, Bộ Giao thông vận tải đại diện bởi Tổng cục ĐBVN sẽ là điều phối tổng thể của các hợp phần cầu và đường của chương trình LRAMP, theo thứ tự. Dưới sự điều phối của Tổng cục ĐBVN, cứ ba trong số các Ban số 3, 4, 5, 6 và 8 sẽ làm việc trực tiếp với số lượng tỉnh nhất định để giám sát, theo dõi và cung cấp tư vấn để hỗ trợ lên danh sách rút gọn tiểu dự án cầu, chuẩn bị và thực hiện bao gồm tư vấn kỹ thuật về vấn đề an toàn cho Sở GTVT các tỉnh.

Cấp tỉnh và cấp huyện

69. Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) là cơ quan quản lý môi trường cấp tỉnh. Sở TN & MT có trách nhiệm quản lý môi trường, thu hồi đất và bồi thường, quản lý tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn, và lập bản đồ. Sở TN & MT hỗ trợ UBND tỉnh về quản lý môi trường theo quy định

của Luật BVMT và các luật và quy định liên quan. Đối với các khoản đầu tư có quy mô nhỏ, chức năng môi trường nhà nước được giao cho cấp huyện.

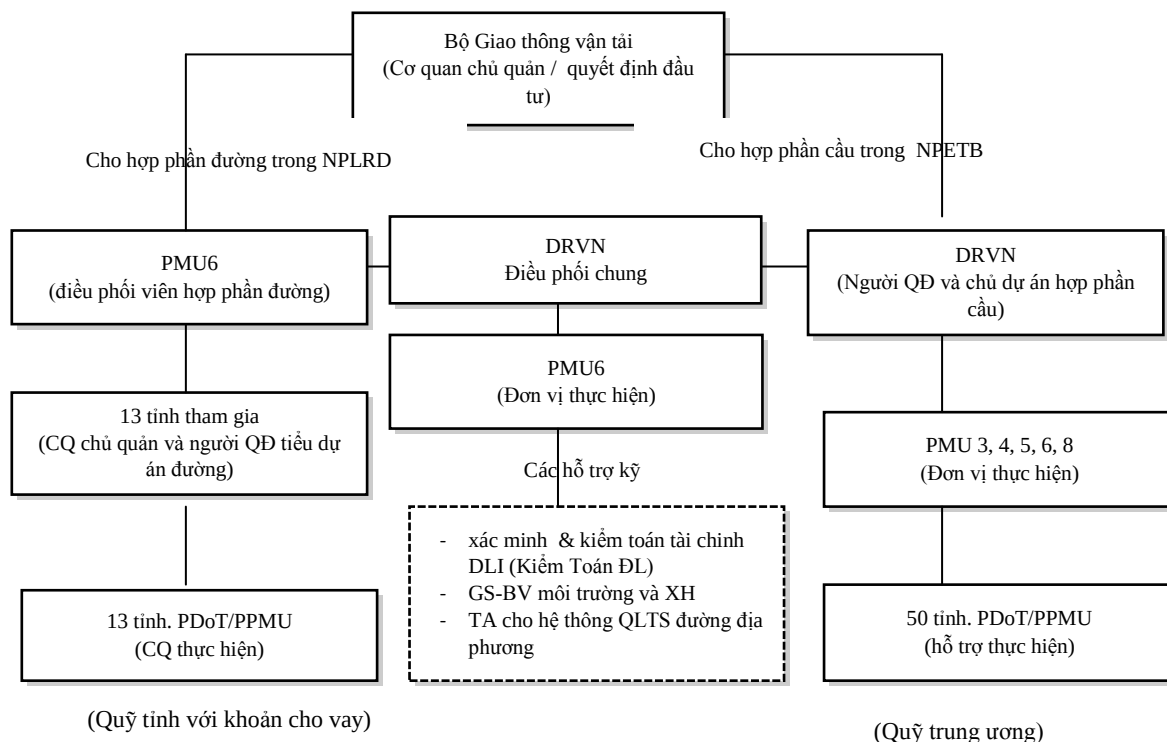
70. Ở cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa bao gồm cả tài nguyên văn hóa vật thể.

Chương trình đánh giá hiệu suất và năng lực môi trường

Tổ chức thực hiện

71. Bộ GTVT sẽ là người quyết định đầu tư Chương trình và sẽ chịu trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể chương trình. Trách nhiệm của Bộ GTVT là điều phối các hoạt động của các cơ quan chính phủ trung ương, UBND tỉnh, Sở GTVT và các tổ chức khác có liên quan về các vấn đề liên quan đến chương trình. Bộ GTVT đã chỉ định Tổng cục ĐBVN là Điều phối viên Chương trình tổng thể cho cả hai hợp phần đường bộ và cầu, vì Tổng cục ĐBVN là cơ quan duy nhất cho ngành đường bộ tại Việt Nam. Tổng cục ĐBVN sẽ chịu trách nhiệm đối với các hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình trong khi Ban QLDA6 sẽ giúp Tổng cục ĐBVN thực hiện quá trình đấu thầu. Ban QLDA6 cũng là điều phối viên hợp phần đường, trong khi Tổng cục ĐBVN là chủ dự án hợp phần cầu. Do đó, Tổng cục ĐBVN sẽ là cơ quan đầu mối (cơ quan chủ trì) để làm việc với Ngân hàng, và trợ giúp Bộ GTVT trong việc quản lý tổng thể Chương trình.

72. Ở cấp trung ương, các vụ chức năng của Bộ GTVT và Tổng cục ĐBVN sẽ là những đơn vị chỉ đạo kỹ thuật về tiêu chuẩn đường địa phương, đặc điểm kỹ thuật và định mức chi cho các hoạt động bảo trì đường bộ và xây dựng cầu địa phương. Ở cấp tỉnh, cần phải được tăng cường thể chế và đào tạo không chỉ cho các Sở GTVT mà còn cho Sở KHĐT và Sở Tài chính. Chính quyền địa phương được yêu cầu tham gia ở mức độ cao. Mạng lưới Hội liên hiệp phụ nữ địa phương và cán bộ xã sẽ là công cụ trong quá trình thực hiện chương trình.



Hình 1. Thể chế quản lý cho việc thực hiện chương trình

73. Đối với lĩnh vực đường bộ (Hợp phần đường), Ban QLDA6 sẽ là điều phối tổng thể tiểu chương trình. Ban QLDA6 sẽ làm việc với Sở GTVT và giúp Tổng cục ĐBVN trong việc quản lý hợp phần này. UBND của 13 tỉnh tham gia sẽ là cơ quan chủ quản và là người quyết định phê duyệt các tiểu dự án ở mỗi tỉnh. Các Sở GTVT / PPMU các tỉnh tham gia sẽ là cơ quan thực hiện và chịu trách nhiệm về các quyết định kỹ thuật và quản lý trong cải thiện và bảo trì đường. Chính quyền địa phương được yêu cầu tham gia ở mức độ cao. Mạng lưới Hội liên hiệp phụ nữ địa phương và lãnh đạo xã sẽ là công cụ trong những lĩnh vực thực hiện bảo trì thường xuyên đường nông thôn của Chương trình. Đối với hợp phần cầu (tiểu chương trình cầu), Tổng cục ĐBVN sẽ đóng vai trò là chủ dự án của các tiểu chương trình và là người quyết định tổng thể dự án. Năm Ban QLDA (PMU 3, 4, 5, 6, 8) sẽ là cơ quan dưới

Tổng cục ĐBVN, cùng phối hợp với Sở GTVT và BQLDA các tỉnh, để thực hiện các tiêu chương trình ở năm mươi (50) tỉnh tham gia.

Năng lực thể chế và đánh giá hiệu suất

74. **Tổng cục ĐBVN**⁶ có trụ sở tại Hà Nội với 21 Chi cục và các cơ quan bao gồm Vụ An toàn giao thông và Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Hợp tác quốc tế (DSTEIC). Chức năng môi trường chính của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Hợp tác quốc tế là: i) Xây dựng tiêu chuẩn môi trường đối với việc xây dựng, vận hành và bảo trì cơ sở hạ tầng đường bộ; ii) Chuẩn bị và trình đánh giá chiến lược môi trường, đánh giá môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường để xem xét và phê duyệt bởi cơ quan chức năng có liên quan; iii) thực hiện kế hoạch môi trường trong quá trình thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng đường bộ do Tổng cục ĐBVN quản lý. DRVN / DSTEIC đã là điều phối viên của các Ban QLDA, đặc biệt là các BQLDA 3 và 4 trong việc quản lý vấn đề môi trường của các dự án giao thông đã và đang thực hiện, kể cả những dự án do quốc tế tài trợ chẳng hạn như Ngân hàng Thế giới, như RT3, VRAMP hoặc ADB.

75. Bộ phận môi trường của **DSTEIC** gồm hai cán bộ. Đối với LRAMP, Tổng cục ĐBVN đã giao cho bà Vân là người có bằng Thạc sĩ về Khoa học môi trường để có thể lãnh đạo về các khía cạnh môi trường của LRAMP. Bà đã tham gia vào việc quản lý giao thông nông thôn 3 tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới và dự án nâng tỉnh lộ do ADB tài trợ. Bà Vân tham gia nhóm chuẩn bị LRAMP để làm quen với các yêu cầu quản lý môi trường của chương trình và nhận được một số cố vấn ban đầu từ Chuyên gia môi trường của Nhóm Ngân hàng. Đối với quản lý các khía cạnh môi trường của LRAMP, Tổng cục ĐBVN sẽ cần hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng năng lực quản lý môi trường, có khả năng theo dõi và giám sát đầy đủ các khía cạnh môi trường tại 50 tỉnh tham gia LRAMPs¹. Vì vậy, LRAMP đã được thiết kế để bao gồm dịch vụ tư vấn môi trường với các mục tiêu chính: i) nâng cao năng lực, đào tạo cho Tổng cục ĐBVN, Ban QLDA và các bên có liên quan của cả hợp phần cầu và đường của LRAMP; ii) tuân thủ giám sát định kỳ cho cả hai hợp phần.

76. **Các Ban QLDA 3, 4, 5, 8** được thành lập dưới sự lãnh đạo của Tổng cục ĐBVN. Trụ sở của PMU 3 ở Hà Nội trong khi các Ban QLDA 4, 5 và 8 ở thành phố Vinh (Bắc Trung Bộ), Đà Nẵng (miền Trung) và Thành phố Hồ Chí Minh (phía nam của Việt Nam). Dưới mỗi PMU, việc chuẩn bị dự án được quản lý bởi Phòng Kế hoạch và kỹ thuật trong khi việc quản lý các dự án đang tiến hành được giao cho Phòng Thực hiện Dự án (PID). Những vị trí địa lý của các Ban QLDA sẽ là thuận lợi cho việc theo dõi và giám sát các hoạt động của LRAMP (trong đó bao gồm 50 tỉnh từ Bắc vào Nam của Việt Nam) bao gồm các lĩnh vực môi trường.

77. **Ban QLDA 3** có khoảng 80 nhân viên trong đó có 40 kỹ sư cầu đường. Có 4 PID dưới PMU 3. PMU 3 đã được quản lý số lượng lớn các dự án đường và cầu. Đội quản lý xã hội và môi trường có 8 nhân viên, trong số đó chỉ có một nhân viên, ông Nguyễn Xuân Vinh, chuyên về quản lý môi trường. Ông Vinh có nhiều kinh nghiệm làm việc trên các lĩnh vực bảo vệ môi trường của trước và trong VRAMP, các dự án giao thông đang thực hiện do Ngân hàng thế giới tài trợ.

78. Ban QLDA 3 được Bộ Giao thông phân công quản lý giai đoạn đầu tiên của Chương trình quốc gia về xóa Cầu tạm (NPTBE), trong đó 126 cây cầu đã được xây dựng tại 28 tỉnh. nhân viên PMU 3 đã làm việc chặt chẽ với các chuyên gia tư vấn để thực hiện khảo sát địa điểm cho danh sách cầu rút gọn, sau đó lựa chọn địa điểm trước khi lựa chọn thiết kế mẫu cầu phù hợp nhất trong số các mẫu do Tổng cục ĐBVN giới thiệu. Vì vậy, trong quá trình chuẩn bị dự án, một số thủ tục giấy tờ đã được đơn giản hóa. Số lượng hạn chế của EPCs đã đủ để xem xét trong quá trình chuẩn bị của LRAMP, và có một số hạn chế trong chất lượng của EPCs được chuẩn bị.

79. Hiện tại Ban QLDA 3 cũng đang quản lý *Dự án quản lý tài sản đường Việt Nam* (VRAMP) được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới. Ở dự án này, việc thực hành quản lý tốt môi trường đã được tuân thủ. Vào lúc bắt đầu của dự án, Ban QLDA 3 bố trí đào tạo công tác bảo vệ cho các cán bộ ở các huyện. Đội ngũ giám sát xây dựng bao gồm một nhân viên an toàn môi trường và sức khỏe - người đã chuẩn bị

⁶ <http://www.drvn.gov.vn/webdrv/index.php?q=trang/chuc-nang-nhiem-vu>

tài liệu hướng dẫn về môi trường của dự án và phối hợp với Cán bộ môi trường của Ban QLDA 3 để tiến hành đào tạo cho 75 Site kỹ sư của cả hai đội giám sát xây dựng và các nhà thầu. Công tác giám sát đã tuân theo các EMP được phê duyệt. Một cán bộ Tư vấn môi trường độc lập thực hiện kiểm tra định kỳ, báo cáo của họ đã được gửi đến cả 3 PMU và Ngân hàng. Ban QLDA 3 đã đáp ứng nhiệt tình mối quan tâm môi trường do các hộ gia đình bị ảnh hưởng đề xuất, nhân viên đã theo dõi để giải quyết những mối quan tâm và các trường hợp đó đều được chứng minh bằng tài liệu tại 3 văn phòng Ban QLDA⁷.

80. Kinh nghiệm từ NPTBE và VRAMP cho thấy Ban QLDA 3 thực hiện thực hành quản lý môi trường tốt khi các yêu cầu được đặt ra rõ ràng và việc tuân thủ được theo dõi chặt chẽ. Thiếu các yêu cầu báo cáo có thể dẫn đến không tuân thủ đầy đủ quản lý môi trường trong một số tiểu dự án do Ban QLDA 3 quản lý mà các nguồn lực sẵn có thể không đủ để trang trải số lượng lớn các tiểu dự án nằm trong một khu vực địa lý rộng lớn.

81. **Ban QLDA 4** được thành lập vào năm 1995. Trong năm 2015, Ban QLDA 4 có 61 nhân viên trong đó có 28 kỹ sư cầu đường và một nhân viên có bằng thạc sĩ về Khoa học môi trường. Ban QLDA 4 tham gia giao thông nông thôn do WB tài trợ ở dự án 2 và 3, ADB tài trợ dự án bảo trì đường bộ, dự án trợ của Chính phủ về sửa chữa và tăng cường các cầu trên đường cao tốc, dự án xây dựng cầu dân sinh cho an toàn giao thông tại các khu vực dân tộc thiểu số.

82. Một báo cáo của Ban QLDA 4 về đội chuẩn bị LRAMP cho thấy rằng dự án đang triển khai của họ đã tuân thủ pháp luật Việt Nam về Quản lý Môi trường:

- Báo cáo đánh giá môi trường, kế hoạch quản lý môi trường được chuẩn bị;
- Trách nhiệm quản lý môi trường của các dự án cụ thể được phân công cho PID cụ thể
- Ban QLDA 4 phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thu hồi đất;
- Ban QLDA 4 hợp tác với chính quyền địa phương khác về thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và vật liệu trong quá trình thực hiện dự án;
- Ban QLDA 4 giám sát, theo dõi để đảm bảo rằng các biện pháp giảm thiểu môi trường cơ bản được thực hiện trong giai đoạn xây dựng;
- Thường xuyên kiểm tra môi trường được thực hiện, báo cáo giám sát môi trường định kỳ được chuẩn bị.

83. Phỏng vấn với quản lý và nhân viên Ban QLDA 4 thấy rằng họ có hiểu biết tương đối tốt về các yêu cầu và thực tiễn quản lý môi trường. Các EA đã được chuẩn bị trong thời gian chuẩn bị dự án. Tuy nhiên, chất lượng của 1 báo cáo xem xét EA trong quá trình chuẩn của ESSA này khá hạn chế với các tác động môi trường tiềm năng và các biện pháp giảm thiểu cho giai đoạn xây dựng và hoạt động khai thác. Đánh giá môi trường đã được thực hiện dựa trên các điều kiện môi trường hiện tại, những hạn chế về kỹ thuật và tài nguyên và đề xuất kỹ thuật hơn là đề xuất kiến nghị để giải quyết các khó khăn hoặc cải thiện các đề xuất kỹ thuật. Sau đó, hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu đề xuất các phương pháp xây dựng đáp ứng quy định pháp luật hiện hành bao gồm các quy định kỹ thuật và môi trường. Báo cáo đánh giá môi trường đã không được đề cập đến trong các tài liệu đấu thầu.

Một ví dụ của tài liệu đấu thầu: An toàn và Môi trường được thành lập nhưng không liên quan đến các khuyến nghị EA

- Thuyết minh về nguồn và thông số kỹ thuật của vật liệu xây dựng bao gồm cát, đá, vật liệu để lấp; ghi rõ nếu nhà thầu sẽ mua nguyên vật liệu từ các đại lý hoặc trực tiếp khai thác từ nguồn.
- Giới thiệu việc bố trí xây dựng với bản vẽ thiết kế, hạng mục công trình và bao gồm cả trình tự của việc xây dựng

⁷ Một thông tin được cung cấp bởi BQLDA 3 trong thời gian phái đoàn giám sát của Ngân hàng, tháng 9 năm 2013.

- Giới thiệu danh sách nguồn nhân lực và kế hoạch xây dựng để huy động, và lịch thi công
 - Giới thiệu chi tiết kế hoạch quản lý an toàn giao thông cho giai đoạn xây dựng, kế hoạch này phải được sự chấp thuận của chủ dự án trước khi khởi công xây dựng
 - Các phương pháp để đảm bảo an toàn nơi làm việc
 - Các phương pháp để duy trì vệ sinh / điều kiện môi trường trong giai đoạn xây dựng
- Một ví dụ về giám sát xây dựng TOR: giám sát môi trường và an toàn được kết hợp
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động,
 - Kiểm tra chi tiết hồ sơ thiết kế liên quan đến phương pháp xây dựng, kiểm soát giao thông, an toàn, phòng chống cháy nổ, và duy trì vệ sinh môi trường;
 - Kiểm tra các hệ thống bố trí tại các công trường của các nhà thầu lúc đầu và thường xuyên trong giai đoạn xây dựng
 - Chỉ đạo các nhà thầu xây dựng để ngăn chặn nếu không tuân thủ môi trường / an toàn; chỉ đạo các nhà thầu để thực hiện các hành động khắc phục. Báo cáo với Chủ dự án và đề nghị chấm dứt hợp đồng xây dựng nếu nhà thầu không đáp ứng được các yêu cầu về môi trường và an toàn
 - Chỉ đạo các nhà thầu trong trường hợp khẩn cấp / tai nạn và báo cáo với Chủ dự án

84. Theo Ban QLDA 4, việc đảm bảo an toàn là ưu tiên hàng đầu của họ. Trước khi bắt đầu xây dựng, PMU đánh giá các đề xuất của nhà thầu về phương pháp xây dựng và chỉ cho phép tiến hành nếu an toàn được đảm bảo. Các nhà thầu được yêu cầu phân bổ nhân viên chịu trách nhiệm về an toàn và cung cấp đào tạo cho người lao động về an toàn và môi trường. Nhân viên PMU và CB tư vấn giám sát thường xuyên việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường và an toàn. Tuy nhiên, công tác giám sát môi trường đã không được thể hiện trên tài liệu tại văn phòng PMU 4.

85. Ban QLDA 4 đã nghiêm túc xem xét những quan tâm của công chúng trong giai đoạn xây dựng. Đề xuất kỹ thuật của một dự án đã được sửa đổi để đáp ứng mối quan tâm của công chúng mặc dù có chi phí phát sinh. Việc Ban QLDA 4 đáp ứng mối quan tâm cộng đồng đã được cộng đồng đánh giá cao và được các phương tiện truyền thông địa phương thừa nhận.

Trong năm 2012, Ban QLDA 4 triển khai các Dự án mở rộng Quốc lộ 8A. Kế hoạch xây dựng ban đầu bao gồm việc chặt hạ 50 cây được trồng trong thập niên 1960, là những cây có ý nghĩa tâm linh quan trọng với người dân địa phương. Đã có giá tốt đã được đưa ra để mua 50 cây đó. Để ứng phó với những lời đề nghị của cộng đồng địa phương, Ban QLDA 4 đã sửa đổi đề xuất kỹ thuật và kế hoạch xây dựng, đã dành 200 triệu đồng (khoảng 10,000USD) chuyển hai phần ba trong số này 50 cây cổ thụ này trồng lại dọc các đường cao tốc để giữ lại những cây cổ thụ

86. Đối với LRAMP, PMU 4 đã có kế hoạch phân bổ 2 nhân viên chịu trách nhiệm về quản lý môi trường: Ông Đặng Văn Mạnh và ông Nguyễn Tuấn Anh. Ông Mạnh đã có nền tảng về môi trường và đã từng quản lý dự án được chính phủ tài trợ, sẽ chủ trì. Ông Anh, một kỹ sư xây dựng đã làm việc tại Dự án Giao thông Nông thôn 3 do Ngân hàng Thế giới tài trợ và các dự án khác được tài trợ bởi Chính phủ Việt Nam, sẽ là thành viên. Theo Ban QLDA 4, ông Mạnh và ông Anh dự kiến sẽ chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng của các đánh giá Môi trường / Kế hoạch bảo vệ môi trường, đào tạo cho các bên liên quan, giám sát việc tuân thủ các tiêu dự án và hỗ trợ tư vấn giám sát độc lập.

87. Đối với LRAMP, hỗ trợ kỹ thuật sẽ là cần thiết cho Ban QLDA 4: i) tăng cường năng lực về việc kiểm soát chất lượng của các văn bản về môi trường; ii) thúc đẩy sự phối hợp giữa các phòng ban trong Ban QLDA 4 để tạo thuận lợi cho việc đưa vào các cân nhắc môi trường đề xuất kỹ thuật và tài liệu dự án khác có liên quan; và iii) thiết lập các thủ tục báo cáo về môi trường trong giai đoạn xây dựng.

88. **Ban QLDA 5** có 18 cán bộ chủ chốt trong năm 2015. Đối với mỗi dự án, Ban QLDA bố trí một kỹ sư để quản lý tất cả các khía cạnh của việc thực hiện dự án, bao gồm cả vấn đề an toàn. Trong thời gian 2012-2014, nhân viên Ban QLDA 5 tiến hành khảo sát địa điểm cho 31 cầu nhỏ với chiều dài 50-140 m, chiều rộng từ 1,5 đến 2,5 m.

89. Trong khi hầu hết các cam kết bảo vệ môi trường (EPC) đã được chuẩn bị bởi các tư vấn do Ban QLDA thuê, một số EPC cũng được chuẩn bị bởi các nhân viên PMU. Các mẫu EPC do PMU chia sẻ chỉ ra rằng nó bao gồm các tác động môi trường cơ bản thông dụng tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu. Hợp đồng xây dựng được chuẩn bị bởi PMU 5 có một phần về an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ với các báo cáo chung chung.

Yêu cầu an toàn và môi trường trong một tài liệu đấu thầu mẫu:

- Các nhà thầu phải có các biện pháp để đảm bảo an toàn cho con người và máy móc tại và xung quanh các công trường xây dựng; Quy tắc an toàn lao động phải được công bố trên công trường; biển hiệu cảnh báo phải được đặt tại các vị trí nguy hiểm; Các nhà thầu được yêu cầu cung cấp các khóa đào tạo về an toàn cho công nhân
- Các nhà thầu được yêu cầu phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động để giải quyết các tác động tiềm tàng như bụi, tiếng ồn, chất thải và hệ nước thải; Vật liệu xây dựng, chất thải phải được che phủ và bảo vệ trong quá trình vận chuyển.
- Nơi làm việc an toàn và vấn đề môi trường sẽ được theo dõi và giám sát bởi nhà thầu, chủ đầu tư và các bên liên quan

90. Mẫu báo cáo giám sát xây dựng chuẩn bị bởi nhân viên PMU 5 bao gồm các biện pháp giảm thiểu thực hiện và đánh giá về hiệu quả môi trường của nhà thầu là liên quan đến quản lý công trường, an toàn, quản lý giao thông và an toàn giao thông và các biện pháp kiểm soát bụi. Báo cáo cũng đã ghi nhận nỗ lực giám sát thi công để thực thi tuân thủ môi trường của nhà thầu.

91. Đối với quản lý môi trường hiệu quả của LRAMP, nhân viên PMU 5 sẽ cần được hỗ trợ để cải thiện sự hiểu biết của họ về các tác động tiềm năng và các biện pháp giảm thiểu tác động của các dự án cầu đường điển hình. Cơ chế phối hợp cho các phòng ban của BQLDA cũng cần phải được thiết lập để đảm bảo rằng các khuyến nghị và cam kết của các địa bàn được chuyển giao đầy đủ vào thiết kế kỹ thuật, đấu thầu và các văn bản hợp đồng. Giám sát thi công PMU 5 cũng sẽ cần phải được hướng dẫn để hiểu các vấn đề môi trường của các dự án đường bộ và xây dựng cầu. Thủ tục báo cáo về môi trường cũng cần được thiết lập ở PMU 5.

92. **Ban QLDA 8** với 35 cán bộ chủ chốt có kinh nghiệm đa dạng như chủ dự án, tư vấn quản lý dự án hoặc Tư vấn giám sát xây dựng. Trong năm 2015, 21 đường quy mô tương đối lớn (bao gồm cả xây dựng cầu) các dự án chủ yếu là ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã được PMU 8 chuẩn bị hoặc quản lý.

93. Ban QLDA 8 có năng lực mạnh trong quản lý môi trường. Rà soát ngẫu nhiên của các tài liệu khác nhau được chuẩn bị ở các giai đoạn khác nhau của số dự án cho thấy khía cạnh môi trường đã được kết hợp đúng vào từng bước từ khâu chuẩn bị đến thực hiện dự án.

- Trong chuẩn bị dự án, nhân viên Ban QLDA 8 chuẩn bị các Điều khoản tham chiếu cho đánh giá môi trường, dự toán chi phí và trình duyệt trước khi tuyển dụng tư vấn. PMU 8 kiểm tra và giám sát các công việc tư vấn của EA, cung cấp đầu vào cho việc đánh giá môi trường (EA) / Cam kết bảo vệ môi trường⁸. Rà soát ngẫu nhiên báo cáo của EA / EPCs được cung cấp bởi BQLDA 8 phát hiện ra rằng các báo cáo có chất lượng rất tốt với các biện pháp giảm thiểu đề xuất cho cả giai đoạn thiết kế và kỹ thuật xây dựng⁹. EPC /EAs đã được phê duyệt bởi cơ quan chức năng Việt Nam trước khi giấy phép xây dựng được cấp theo quy định của Việt Nam.

⁸ Chuẩn bị LRAMP, tháng 10, 2015.

⁹ Chuẩn bị EPC cho dự án về việc sửa chữa 8,45 km quốc lộ 1 ở tỉnh Long An; Chuẩn bị EA cho quốc lộ 1 (gồm cả xây cầu) qua thị xã Sóc Trăng bao gồm các giải pháp kỹ thuật chi tiết để giải quyết các rủi ro và các động môi trường (xử lý đất nền yếu, ổn định mái dốc, thoát nước, quản lý an toàn giao thông, qua khu vực dân cư v.v.)

- thiết kế kỹ thuật chi tiết bao gồm các giải pháp để giải quyết các vấn đề môi trường, an toàn và rủi ro của tiểu dự án cụ thể, chẳng hạn như xử lý nền đất yếu, ổn định mái dốc, thoát nước, quản lý an toàn giao thông, khu dân cư ngang qua vv.
- Hồ sơ mời thầu xây dựng mô tả cụ thể các giải pháp được thực hiện để giải quyết các vấn đề môi trường và rủi ro được đề cập ở trên. Hồ sơ mời thầu cũng yêu cầu các nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong báo cáo đánh giá môi trường / kế hoạch quản lý môi trường của dự án¹⁰.
- Báo cáo giám sát xây dựng mẫu do nhân viên¹¹ Ban quản lý 8 chuẩn bị bao gồm những nhận xét về tác động và biện pháp giảm thiểu để đảm bảo an toàn, giao thông và công trường / quản lý môi trường. Đối với dự án quy mô tương đối lớn trong đó PMU 8 là nhà tư vấn quản lý dự án, báo cáo giám sát môi trường có chất lượng tốt với những đánh giá chi tiết về các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và các yêu cầu¹² cụ thể cũng đã được chuẩn bị theo định kỳ.

Phỏng vấn nhân viên PMU 8: Ông Quỳnh, Phòng Kế hoạch và ông Tuyên, người đứng đầu của PID 2:

- Ông Quỳnh đã từng làm việc cho các nhà thầu trước khi tham gia PMU 8. Gần đây ông tham gia đội EA của hai dự án đường lớn bao gồm khảo sát địa điểm và lấy mẫu. Ông làm việc tập trung hơn vào giai đoạn chuẩn bị dự án

- Ông Tuyên từng là người đứng đầu bộ phận kỹ thuật của nhà thầu trước khi ông tham gia Ban QLDA 8. Ông có thực tế sâu rộng về thủ tục quản lý xây dựng và thực hành và hiểu biết tốt về cách quản lý môi trường có thể được đưa vào quy trình quản lý xây dựng. Dưới đây là một số trong những điểm mà ông đã chia sẻ

* nhà thầu được yêu cầu nộp đề xuất về phương pháp xây dựng nói chung (bao gồm cả nguồn nhân lực, kế hoạch xây dựng để huy động) cho PMU xem xét và chấp thuận trước khi bắt đầu;

* Nhà thầu phải nộp các giấy tờ để chứng minh nguồn gốc của vật liệu xây dựng bao gồm bản sao giấy phép / giấy phép hoạt động của mỏ đất/ chủ sở hữu mỏ hoặc các nhà cung cấp và các văn bản thỏa thuận với các chủ đất / quyền địa phương về các bãi thải. Thiết kế chi tiết kỹ thuật phải bao gồm các giải thích chi tiết về thủ tục khai quật và phục hồi khu vực;

* danh sách người lao động phải được đăng ký với các cộng đồng địa phương;

* biện pháp môi trường và an toàn phải được thực hiện như một phần của thực hành xây dựng

94. Trong năm 2015, Ban QLDA 8 được giao quản lý khoản đầu tư trên 104 cây cầu dân sinh, tuy nhiên, việc chuẩn bị là ở giai đoạn đầu do đó không có EPCs đã được chuẩn bị.

95. Đối với LRAMP, Ban QLDA 8 đã lên kế hoạch để phân bổ 3 nhân viên, hai trong số đó là các kỹ sư, chịu trách nhiệm quản lý xã hội và môi trường. Một số trong số họ làm việc trong các dự án giao thông nông thôn 3 do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Để quản lý hiệu quả LRAMP, nhân viên môi trường và kỹ thuật của PMU8 có thể là nguồn lực tốt để xây dựng năng lực và chia sẻ kinh nghiệm với Tổng cục ĐBVN và các BQLDA khác, bên cạnh các chuyên gia tư vấn môi trường độc lập.

96. **Ban QLDA 6** có trụ sở chính tại Hà Nội và hai văn phòng đại diện tại miền Trung và miền Nam. Với sáu phòng thực hiện dự án (PID) và các chi nhánh và các đơn vị khác, Ban QLDA 6 đại diện cho Bộ GTVT để hoạt động và quản lý số lượng lớn các dự án cầu đường bao gồm cả những dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Các dự án Giao thông nông thôn (RTPs) do WB tài trợ, đặc biệt là dự án RTP gần đây nhất lần thứ ba được bổ sung tài chính trong đó bao phủ 33 tỉnh, được quản lý thành công do Ban QLDA 6.

97. Cán bộ an toàn môi trường của Ban QLDA 6, bà Hương và bà Ngọc Anh, cũng được Nhóm công tác của Ngân hàng đào tạo tại chỗ về bảo vệ môi trường trong việc thực hiện các RT3, đặc biệt là

¹⁰ Tài liệu đấu thầu quốc lộ 61 dự án nâng cấp và phục hồi, km 52+800 tới 67+000

¹¹ Dự án nâng cấp và phục hồi quốc lộ 61, mục Cải Tư - Gò Quao (Km52+800 - Km67+000), tỉnh Kiên Giang.

¹² Dự án nâng cấp và phục hồi quốc lộ 1, mục xây dựng qua thị trấn Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Ba báo cáo giám sát môi trường định kỳ đã được xem xét.

các dự án AF. Trong hai năm cuối cùng của RT3 AF, các tài liệu về bảo vệ môi trường do các PMU đề trình đã được Ngân hàng kiểm tra trước và đã được chuyển ngẫu nhiên để xem xét khi Cán bộ Môi trường của PMU 6 đã có khả năng rà soát các văn bản bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, để giám sát sự tuân thủ môi trường trong giai đoạn xây dựng, Ban QLDA 6 chủ yếu dựa vào các dịch vụ được cung cấp bởi các hợp đồng Tư vấn Giám sát Bảo vệ môi trường độc lập, người định kỳ thăm các công trường xây dựng. Không có vấn đề lớn về an toàn môi trường hay vấn đề tồn đọng được ghi nhận bởi các chuyên gia tư vấn độc lập.

98. Trong RTP 3 AF, nhân viên bảo vệ của 33 tỉnh tham gia cũng đã được nhóm công tác của Ngân hàng đào tạo và tính hiệu quả của việc đào tạo đã được chứng minh. Các PMU ở các tỉnh tham gia đã có thể chuẩn bị các EMP riêng biệt dọc theo các định tuyến thay vì chuẩn bị các EMP chung chung ở dự án mẹ. Kết quả là, thiết kế kỹ thuật của các tiểu dự án AF đã bao gồm các giải pháp để giải quyết các rủi ro về an toàn giao thông và các vấn đề thoát nước trong giai đoạn xây dựng (đó là những điểm yếu được xác định trong các dự án mẹ). Việc thực hành quản lý tốt môi trường xây dựng cũng đã được ghi nhận ở một số tỉnh được nhóm công tác 18 của Ngân hàng thăm¹³ ngẫu nhiên. Kinh nghiệm từ RT3 AF sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện hợp phần đường như 1 số trong số 13 tỉnh đã được bao phủ trong RT3AF.

99. Do đó, đối với hợp phần đường bộ, PMU 6 phải có khả năng để quản lý đúng cách các khía cạnh môi trường của các tiểu dự án trong 13 tỉnh tham gia, với sự hỗ trợ của tư vấn giám sát độc lập. Để thúc đẩy sự phát triển bền vững của các tiểu dự án đường, khuyến nghị PMU 6 tiếp tục áp dụng những kinh nghiệm tốt đã học được từ RT 3 AF.

100. Ở cấp tỉnh, các sở GTVT (DOTs) sẽ được tham gia vào danh sách rút gọn của các tiểu dự án và có thể được ký hợp đồng để giám sát việc chuẩn bị dự án và xây dựng. 33 sở GTVT tham gia Dự án Giao thông nông thôn 3 đã quen với quy trình sàng lọc môi trường. Các phản hồi từ 18 sở GTVT đối với bảng câu hỏi về môi trường được chuẩn bị bởi đội ngũ chuẩn bị LRAMP thể hiện rằng: i) hầu hết các sở GTVT đã phân bổ nhân viên chịu trách nhiệm về các khía cạnh bảo vệ; ii) Các nhân viên của sở GTVT có hiểu biết tốt về các yêu cầu quản lý môi trường Việt Nam, các tác động môi trường tiềm tàng điển hình và các biện pháp giảm nhẹ cho các dự án xây dựng cầu đường; iii) LRAMP POM nên thêm hướng dẫn về các thủ tục bảo vệ để thực hiện ở từng bước chuẩn bị và thực hiện dự án, các biện pháp giảm thiểu có thể đưa vào thiết kế kỹ thuật, xây dựng cũng như các hình thức báo cáo môi trường.

101. Ở cấp huyện, cán bộ quản lý môi trường được quy định tại Nghị định Chính phủ số 81/2007 / NĐ-CP ngày 23 Tháng năm 2007 và quy định rằng mỗi huyện nên có 1-2 nhân viên môi trường. Các cán bộ huyện được phỏng vấn khẳng định rằng có hai đến ba nhân viên môi trường đã được bố trí trên địa bàn huyện. Ở cấp xã, cán bộ môi trường thường phải thực hiện các chức năng khác nhau bao gồm cả quản lý đất đai, quản lý xây dựng vv. nhưng không có một nền tảng thích hợp cho việc quản lý môi trường. Việc giám sát và kiểm tra môi trường cộng đồng đã được thực hiện ở một số xã. Do đó, mặc dù các EPP đã được xem xét và phê duyệt ở cấp huyện, để đảm bảo sự tuân thủ môi trường, LRAMP nên tập trung vào giám sát nội bộ thông qua giám sát xây dựng, Ban QLDA tỉnh và Sở GTVT hơn là dựa vào chính quyền huyện. Tư vấn môi trường độc lập sẽ là cần thiết để thực hiện đào tạo môi trường cho các chủ sở hữu góp vốn liên quan và kiểm tra môi trường định kỳ.

Hiệu suất môi trường thuộc giai đoạn 1 của Chương trình Quốc gia xây dựng 186 cầu

102. Để chuẩn bị cho giai đoạn 1 đầu tư Chương trình, đề xuất chương trình đã được chuẩn bị sẵn sàng cho 186 cây cầu treo sau khi khảo sát sơ bộ về các địa điểm của các cây cầu và các đơn vị đầu tư đã được nghiên cứu. Sau đó, một báo cáo kinh tế và kỹ thuật đã được chuẩn bị sẵn sàng cho mỗi cầu. Chi phí ước tính của các cây cầu đã tương đối hạn chế, từ 2 đến 15 tỷ đồng, tương đương từ 100.000 USD đến 700.000 USD.

103. Các văn bản pháp luật quốc gia chính áp dụng cho giai đoạn 1 tiểu dự án là Luật Môi trường năm 2005, Nghị định 29/2011 / NĐCP và Thông tư 26/2011 / TT-BTNMT, trong đó các tiểu dự án quy mô nhỏ của hai chương trình hiện có được yêu cầu chuẩn bị cam kết bảo vệ môi trường có sự xem xét

¹³ Những phát hiện từ phái đoàn giám sát của Ngân hàng Thế giới cho RT3 ở tỉnh Phú Yên và Bình Định, tháng 5 năm 2014

và phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Theo các báo cáo của Ban QLDA 3, trong Giai đoạn 1, các cây cầu này được thiết kế và xây dựng trong khoảng thời gian rất ngắn (từ một đến ba tháng đối với mỗi cầu bao gồm cả thiết kế, chuẩn bị báo cáo đầu tư và hoàn thành and hoàn thành công tác thực địa) để đáp ứng nhu cầu cấp bách của cộng đồng vùng sâu vùng xa. Nhân viên PMU 3 đã làm việc chặt chẽ với các chuyên gia tư vấn để thực hiện khảo sát địa điểm cho việc lên danh sách rút gọn các cây cầu, sau đó lựa chọn địa điểm trước khi lựa chọn thiết kế mẫu cầu phù hợp nhất do cục đường bộ VN giới thiệu. Vì vậy, một số thủ tục giấy tờ đã được đơn giản hóa trong quá trình chuẩn bị dự án. Trong khi một số tiêu dự án tuân thủ các quy định hiện hành, có một số khiếm khuyết ở các tiêu dự án khác. Số lượng hạn chế của các EPC đáng để xem xét trong quá trình chuẩn bị cho dự án LRAMP, và có chỗ cho việc cải thiện vấn đề.

Các nội dung chính của EPCs cho cầu Hồng Kiên và Nước Nè:

Gồm có Thông tin thực địa cụ thể hạn chế; EPC cho cầu Nước Nè bao gồm mô tả ngắn gọn về bối cảnh xã hội; Danh mục thiết bị, nguồn nguyên vật liệu đã được xác định nhưng tác động có liên quan và các biện pháp giảm thiểu tác động không được thảo luận

Các biện pháp chính để giảm thiểu tác động xây dựng điển hình như bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải phát sinh, an toàn trong giai đoạn xây dựng và hoạt động, đã bao gồm chương trình giám sát môi trường.

104. Cũng trong chương trình xây dựng cầu, các rủi ro như các vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh đã được xác định trong giai đoạn khảo sát hiện trường và đã giải quyết một cách riêng biệt¹⁴ trước khi xây dựng đã được bắt đầu. Các tài liệu hợp đồng xây dựng¹⁵ với yêu cầu về nơi làm việc an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy và quản lý an ninh¹⁶ công trường đã thực hiện. Hiệu năng của nhà thầu và giám sát việc thực thi trên các khía cạnh đã được ghi nhận trong báo cáo¹⁷ giám sát xây dựng mặc dù hợp đồng giám sát thi công không đặt ra yêu cầu rõ ràng về quản lý môi trường¹⁸.

105. Các tác động về môi trường, xã hội của việc xây dựng cầu đã quan sát¹⁹ được trong giai đoạn 1 là hạn chế, khu trú và quản lý được do các tính năng sau đây:

- Xây dựng diễn ra trong thời gian tương đối ngắn từ một đến ba tháng trong mùa khô.
- Toàn bộ kết cấu treo được thực hiện từ các nguyên liệu làm sẵn trong các nhà máy, vận chuyển đến các công trường bằng xe tải nhỏ, tải lên đến 2.5T do đó ít khu vực tại mỗi địa điểm xây cầu bị xáo trộn
- Số lượng công nhân được huy động hạn chế, khoảng 20 công nhân cho mỗi cầu, thuê nhà ở cho công nhân tại địa phương, không có trại được thiết lập. Vì vậy, giảm thiểu các xung đột xã hội.

106. Không có vấn đề môi trường hoặc rủi ro lớn gắn liền với các khoản đầu tư thuộc giai đoạn 1 đã được báo cáo trong quá trình chuẩn bị của LRAMP. Tuy nhiên, quản lý môi trường thuộc giai đoạn 2 cũng nên xem xét các nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến lựa chọn địa điểm cho các tiêu dự án có thể liên quan đến các tác động tiềm năng trong giai đoạn vận hành.

107. Các tác động môi trường và rủi ro trong giai đoạn hoạt động như bụi, tiếng ồn và an toàn giao thông cũng sẽ được giới hạn vì hầu hết các cây cầu được xây dựng dung cho người đi bộ, xe đạp, xe máy và xe có động cơ hạng nhẹ, nhưng không phải xe hơi. Tuy nhiên, rủi ro môi trường liên quan đến vị trí của các cây cầu và đường dẫn lên cầu, đặc biệt là liên quan đến tăng giao thương đi lại và thu hồi đất tại các khu vực nhạy cảm về môi trường sẽ dẫn đến tác động môi trường bất lợi nghiêm trọng đã

¹⁴ Trao đổi giữa DRVN/PMU 3 và UBND/đơn vị quân đội ở tỉnh Phú Thọ để xin lời khuyên của họ về rủi ro của vật liệu nổ và bố trí giải tỏa trước khi việc xây dựng được bắt đầu.

¹⁵ Trao đổi giữa DRVN/PMU 3 và UBND/đơn vị quân đội ở tỉnh Phú Thọ để xin lời khuyên của họ về rủi ro của vật liệu nổ và bố trí giải tỏa trước khi việc xây dựng được bắt đầu.

¹⁶ Ký hợp đồng xây dựng giữa PMU 3 và nhà thầu cho công trình xây cầu Ban Loi ở tỉnh Điện Biên.

¹⁷ Chuẩn bị bởi các chuyên gia tư vấn của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải vào tháng Tư năm 2015 đối với cầu Hồng Kiên, tỉnh Phú Thọ và làng 11, Đà The, tỉnh Lâm Đồng

¹⁸ Tư vấn hợp đồng ký kết giữa Ban QLDA 3 và tư vấn cho các cầu Ban Diệm tại tỉnh Nghệ An

¹⁹ Thăm công trường trong thời gian chuẩn bị LRAMP i, tháng Bảy và tháng 9 2015

không được xem xét theo giai đoạn 1. Chủ đề này đã được thảo luận sâu với các cơ quan thực hiện và chính quyền địa phương trong quá trình chuẩn bị LRAMP, đi đến thoả thuận rằng các tiêu chí sàng lọc môi trường sẽ được phát triển trong dự án LRAMP để loại trừ các tiểu dự án có thể có rủi ro môi trường cao.

Hiệu suất môi trường trong giai đoạn 2 của chương trình xây dựng cầu quốc gia

108. Trong quá trình chuẩn bị của LRAMP, chương trình quốc gia về xây dựng cầu dân sinh đã được tiếp tục và được tài trợ từ một quỹ đặc biệt do sự đóng góp của các nhà tài trợ khác nhau. Một số cầu đã và đang được xây dựng trực tiếp bởi các nhà tài trợ. Mặt khác, mỗi Ban QLDA 4, 5 và 8 đã triển khai thực hiện số lượng cầu nhất định trong những khu vực địa lý nhất định. Họ đã làm việc chặt chẽ với chính quyền địa phương và các chuyên gia tư vấn trong việc xác định vị trí của các cây cầu. Cơ chế đặc biệt đã được áp dụng cho giai đoạn 2, một số việc đơn giản hóa các thủ tục chưa được xác định rõ ràng. Mặc dầu việc chuẩn bị của EPPs cho các cầu trong giai đoạn 2 hầu như chưa xong, các cân nhắc về môi trường và an toàn đã được tính đến trong thiết kế và lựa chọn địa điểm xây cầu.

Phỏng vấn ông Tuấn, PID 3 của PMU 5:

Trong quá trình chọn địa điểm dự án, chúng tôi hỏi người dân địa phương thông tin về các ngôi mộ, khu vực lưu trữ thuốc trừ sâu và tránh những khu vực này. Đường vào là thường xa khu dân cư. Trong giai đoạn xây dựng, tiến độ thi công đã được thiết kế có tính đến điều kiện thời tiết để duy trì sức khỏe tốt cho người lao động. Ví dụ, vào mùa hè, nơi nhiệt độ ban ngày ở khu vực miền Trung có thể đạt 39-40°C, người lao động được yêu cầu không làm việc trước 3 giờ chiều.

Ngoài các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường chung, giảm thiểu các tác động và rủi ro tiềm ẩn về vận tải đường thủy và làm sạch dòng nước là một trong những hoạt động chính sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng và trước khi công trình được bàn giao...

109. Mỗi Ban QLDA nêu trên cũng sẽ xem xét lại danh sách các tiểu dự án đề xuất và trình DRVN phê duyệt, xem xét hồ sơ mời thầu, ký kết hợp đồng với chuyên gia tư vấn và các nhà thầu. Mỗi Ban QLDA cũng có thể ký hợp đồng với các BQLDA địa phương để quản lý tiểu dự án theo yêu cầu của UBND tỉnh

110. Cũng trong hợp phần cầu, các sở GTVT tỉnh sẽ xem xét danh sách các cầu đề xuất và ưu tiên, xem xét các địa điểm xây cầu cùng với các chủ dự án và các chuyên gia tư vấn, chấp nhận các công trình sau khi xây dựng hoàn thành. Ban QLDA các tỉnh sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu tiểu dự án để trình Ban QLDA / DRVN xem xét và phê duyệt.

Những phát hiện chính

1. Việt Nam có một hệ thống pháp lý tốt về quản lý môi trường. Luật mới về bảo vệ môi trường (Luật BVMT) đã có hiệu lực từ 1/1/2015, Nghị định 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT đặt ra một khuôn khổ quản lý môi trường tương đối toàn diện cho các dự án cơ sở hạ tầng. Quản lý môi trường cũng được hỗ trợ bởi các luật liên quan như Luật Di sản văn hóa, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lao động, Luật Phòng chống thiên tai v.v Hệ thống pháp luật hiện hành đủ để xác định và quản lý các tác động môi trường tiềm tàng và rủi ro của các tiểu dự án đầu tư trong LRAMP.

2. Quy mô cải tạo đường và xây dựng cầu và đường dẫn lên cầu trong dự án LRAMP là tương đối nhỏ. Các rủi ro tác động môi trường tiêu cực chủ yếu là vừa và nhỏ. Các địa điểm tiểu dự án cầu cần được xem xét một cách cẩn thận để tránh những tác động bất lợi trong giai đoạn hoạt động xây dựng tại các khu vực nhạy cảm. Tác động và nguy cơ của các tiểu dự án sẽ được quản lý thông qua việc lựa chọn địa điểm, thiết kế kỹ thuật, xây dựng các hạng mục này. Ngoài ra còn có cơ hội để đề xuất đầu tư bền vững với môi trường bằng cách kết hợp các giải pháp thân thiện với môi trường vào thiết kế kỹ thuật và thực hành xây dựng.

3. Nguồn lực có sẵn của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt là ở cấp huyện còn hạn chế. Kết quả là việc giám sát sau đánh giá môi trường của chính quyền địa phương là không phổ biến, đặc biệt là các dự án nhỏ. Hiệu quả môi trường của một tiểu dự án cụ thể phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của các chủ dự án, giám sát thi công và nhà thầu. Vì vậy, vai trò của DRVN và các PMU trong việc quản lý LRAMP rất quan trọng để đảm bảo rằng các tác động môi trường-xã hội tiêu cực tiềm năng được tránh hoặc giảm nhẹ, và những tác động tích cực được phát huy.

4. Các cơ quan thực hiện Chương trình: Tổng cục ĐBVN, Ban QLDA 3, 4, 5, 6 và 8 có thể chế và kinh nghiệm về quản lý bảo vệ môi trường ở nhiều cấp khác nhau. Tổng cục ĐBVN đã giao cho cán bộ có nền tảng trình độ liên quan nhưng thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong việc quản lý an toàn trong các chương trình tương tự. Ban QLDA 8 có khả năng mạnh và nhiều kinh nghiệm trong quản lý môi trường. Ban QLDA 3 hoạt động môi trường tốt nếu giám sát chặt chẽ. Ban QLDA 6 có nhân viên an toàn xã hội môi trường được đào tạo mở rộng tại chỗ trong các dự án do WB tài trợ trước đây. Ban QLDA 4 và 5 cần được hỗ trợ cả về kỹ thuật chuyên môn và đưa ra việc quản lý thích hợp cùng thủ tục phối hợp. Với số lượng lớn các tỉnh thuộc phạm vi dự án LRAMP và hiện thực năng lực quản lý môi trường không đồng đều giữa các cơ quan thực hiện, sẽ có nguy cơ về mức độ thực hiện môi trường không đồng đều giữa các tỉnh / tiểu dự án. Nếu không có sự hướng dẫn và giám sát thích hợp, vấn đề môi trường có thể trong một số giai đoạn của một số tiểu dự án không thực hiện được như các dự án khác. LRAMP có thể quản lý rủi ro này bằng cách đặt ra một cách rõ ràng các thủ tục quản lý môi trường bao gồm giám sát và yêu cầu báo cáo. Xây dựng năng lực về môi trường, hướng dẫn kỹ thuật / hỗ trợ và giám sát độc lập cũng sẽ là cần thiết;

khuyến nghị

1. Các hoạt động của LRAMP bao gồm một trợ lý kỹ thuật (TA) cho quản lý môi trường và xã hội. Các điều khoản tham chiếu của TA sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn các kiến nghị còn lại của ESSA.

2. LRAMP sẽ không tài trợ cho một tiểu dự án mà: i) Nằm trong phạm vi 2km từ bất kỳ khu vực nhạy cảm về môi trường như rừng tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn chim, rừng nguyên sinh, khu bảo tồn về mặt pháp lý, các khu vực bảo tồn sinh quyển, các danh lam / di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia vv, được liệt kê trong quyết định số 1107 / QĐ-BTNMT của Bộ TN & MT về danh sách các khu bảo tồn; ii) Nằm trong phạm vi 10 m của công trình văn hóa vật thể như các đền thờ, tượng đài, chùa, mộ cổ, di tích lịch sử, nơi thờ phụng, cây thiêng hoặc bất kỳ đối tượng của tâm linh quan trọng nào đối với cộng đồng địa phương, vv ; iii) Tuyến đường hoặc đường dẫn đòi hỏi phải thu hồi đất ở trong khu dân cư đô thị hoặc làm cho các hộ bị ảnh hưởng bị di dời vào khu tái định cư; iv) Các cầu làm thay đổi đáng kể chế độ thủy văn hoặc địa chất thủy văn như thu hẹp dòng chảy, giảm lưu lượng nước tưới tiêu hoặc yêu cầu lớn về khoan và đóng cọc; và v) việc xây dựng cầu mới có thể ảnh hưởng đáng kể hoặc tiêu cực tới môi trường và xã hội. Những tiêu chí này khuyến nghị việc sàng lọc môi trường cho các tiểu dự án đủ điều kiện của LRAMP theo Phụ lục 1. Mẫu biểu này nên được đưa vào trong Sổ tay điều hành Chương trình (OM).

3. Các thủ tục quản lý môi trường cần được mô tả rõ ràng và giải thích cho các bên liên quan đến dự án LRAMP và sẽ được đưa vào trong Sổ tay điều hành dự án (OM). Các thủ tục này sẽ bao gồm cả công tác sàng lọc điều kiện đáp ứng về môi trường của các tiểu dự án ở giai đoạn chuẩn bị danh sách ngắn; chuẩn bị kế hoạch bảo vệ môi trường (EPPs) cho các tiểu dự án và phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường. EPPs về cầu phải bao gồm đường dẫn ở cả hai đầu tính tới điểm kết thúc. EPPs phải được phê duyệt trong giai đoạn nghiên cứu khả thi, gồm các biện pháp giảm thiểu như trồng cây xanh và các biện pháp thân thiện với môi trường trong thiết kế kỹ thuật; kết hợp Quy tắc thực hành về môi trường (ECOP) hoặc Kỹ thuật môi trường (ES) vào tài liệu đấu thầu và hợp đồng xây dựng; giám sát môi trường bao gồm là một phần của công tác giám sát và báo cáo kỹ thuật. Những quy trình này sẽ được thực hiện ở cấp tiểu dự án, điều phối và giám sát bởi BQLDA 3, 4, 5, 6, 8 và Tổng cục ĐBVN. Quy trình này cũng sẽ được đưa vào Sổ tay điều hành chương trình.

4. Sổ tay điều hành chương trình và đào tạo nằm trong hỗ trợ kỹ thuật đã đề xuất nên bao gồm hướng dẫn kỹ thuật cho các bên có liên quan để giúp họ hiểu các tác động môi trường tiêu cực tiềm năng điển hình, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, các yêu cầu ECOP và ES bao gồm hướng dẫn EHS của World Bank Group cũng như các giải pháp thân thiện với môi trường cho xây dựng/sửa chữa đường và cầu. Giám sát sẽ được tập trung vào việc tuân thủ Sổ tay điều hành (OM)

QUẢN LÝ XÃ HỘI

Bối cảnh xã hội

111. Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững trong suốt hơn 20 năm qua. Giữa năm 1990 và 2010, tổng sản phẩm trong nước sản (GDP) đã tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm là 7,4 phần trăm – nằm trong top 5 thế giới đạt hiệu tăng trưởng so với cùng kỳ. Trong khi đó, tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo đói giảm từ 58 phần trăm năm 1993 xuống còn 15 phần trăm trong năm 2008. Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tăng trưởng đáng kể trong 10 năm qua. Năm 2011, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 1362 USD tính theo tỷ giá thị trường, xác nhận tình trạng gần đây đã xếp Việt Nam là một quốc gia thu nhập trung bình thấp. Trong khi tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam trong hai thập kỷ qua là đáng chú ý, thì không phải tất cả các khu vực được hưởng lợi như nhau.

112. Tỷ lệ nghèo và cực nghèo ở các khu vực có mật độ cao của đồng bào dân tộc thiểu số cao hơn. Tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước được ghi nhận tại các khu vực miền núi phía Bắc. Trong thập kỷ qua ở Việt Nam, khu vực này đã có ít kinh nghiệm giảm nghèo hơn so với những nơi khác. Từ năm 1999, khu vực miền núi phía Bắc đã có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất trong cả nước²⁰. Nguyên nhân của đói nghèo ở phần lớn các dân tộc thiểu số (EM) tiếp tục liên quan đến việc định cư của họ ở vùng sâu vùng xa, sở hữu đất đai ở miền núi kém năng suất, với một nguồn thu nhập chính từ nông nghiệp và các hoạt động liên quan. Để giảm nghèo, các khuyến nghị bao gồm tăng cường chuyển đổi nghề và vị trí địa lý cho người lao động, cải thiện chất lượng các dịch vụ công (giáo dục và y tế) cho vùng nông thôn, nhất là những vùng có các dân tộc thiểu số sinh sống (WB 2012). Chỉ số kinh tế xã hội nói chung cho DTTS nghèo được chia sẻ bởi những người nghèo nhất khác không nằm trong nhóm EM (WB 2012)..

113. Ở Việt Nam, có tám nhóm DTTS có dân số khoảng một triệu (Tày, Thái, Mường, Khmer, Mông, Nùng, Hoa, Dao), và mười lăm nhóm có phạm vi dân số từ vài trăm đến ít hơn nghìn người. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của các nhóm khác nhau là khác nhau, với các nhóm nhỏ hơn tăng trưởng ở mức 4%, và những nhóm khác đối mặt với sự sụt giảm dân số (Giê Triêng, Chut, La Hủ, La Ha, Cao Lào, và Mạg) (MDRI, 2014). Nhóm EM lớn như người Hoa, Tày Thái, người Mường và người Nùng có mức sống tốt hơn về nhà ở, cơ sở hạ tầng cơ bản cho thấy một sự cải thiện đáng kể trong thập kỷ qua, trong khi một số nhóm nhỏ có suy giảm đáng kể hơn là cải thiện (Bo Y, Phú, Brâu và Si), trong cùng một khoảng thời gian. Tóm lại, các nhóm EM kém thuận lợi hơn nằm rải rác trên các khu vực miền núi và bị cô lập trong khi nghiên cứu phát triển chủ yếu kết luận và chỉ ghi dữ liệu cho hơn 44 trong số 53 nhóm EM (MDRI, 2014), với các nhóm còn lại, thông tin rất hạn chế.

114. Chương trình dự kiến sẽ được triển khai tại 50 trong số 64 tỉnh, bao gồm tất cả các vùng địa lý của Việt Nam. Mục tiêu phát triển của chương trình là cải thiện khả năng tiếp cận và kết nối đường, cầu cho các cộng đồng nông thôn của các tỉnh tham gia. Mạng lưới đường bộ địa phương ở Việt Nam bao gồm khoảng 253.000 km, tương đương khoảng 85%, trong tổng số mạng của 295.000 km của Việt Nam. Mạng này phục vụ khoảng 80 phần trăm của toàn bộ dân số cả nước và 90 phần trăm của các dân tộc nghèo, những người sống chủ yếu ở khu vực nông thôn. Nghiên cứu được thực hiện tại Việt Nam và các nước láng giềng kể từ năm 2000 đã chỉ ra rằng đầu tư vào đường bộ địa phương đã có một tác động đáng kể vào xóa đói giảm nghèo, tham gia xã hội, đi học và cải thiện cung cấp dịch vụ y tế. Người ta ước tính rằng số vốn đầu tư 1% GDP mỗi năm trong giao thông nông thôn đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5% mỗi năm. Tuy nhiên vào năm 2014, 59 xã ở Việt Nam vẫn chưa tiếp cận được các con đường trong mọi thời tiết. Quảng thời gian mất khả năng di chuyển và đi lại đã làm lụi tàn sự thịnh vượng. chi phí đi lại cao đã cắt bớt thu nhập sau thuế của người nghèo vì họ thường xuyên sống ở những nơi thiếu sự chắc chắn, an toàn và thiếu phương tiện đi lại với giá cả phải chăng.

²⁰ Government Statistics Office, Monthly average income per capita at current prices by residence and by region (2013)

Lợi ích tiềm năng của Chương trình

115. Hai chương trình (chương trình quốc gia cho phát triển đường địa phương (NPLRD) và Chương trình quốc gia về xóa cầu tạm (NPETB) hỗ trợ theo PforR này đã được phát triển trong Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020. Chương trình NPLRD và NPETB liên kết chặt chẽ với nhau vì cả hai đều có mục tiêu cải thiện việc giao thương tới các vùng nông thôn có khả năng tiếp cận thấp, đặc biệt là đối với các khu vực nơi mà các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cư trú cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác do tỷ lệ nghèo đói. Lợi ích của chương trình bao gồm: (i) các cơ hội tiềm năng cho việc làm và (ii) giao thông tốt hơn và khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản..

116. Chương trình sẽ có những tác động tích cực đối với môi trường kinh tế-xã hội trong ngắn hạn, khi giúp tạo việc làm cho người lao động dẫn đến tăng thu nhập. Về lâu dài, cải thiện điều kiện đường xá, cung cấp khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, thị trường và có thể cải thiện việc làm nói chung ở các địa phương. Lợi ích kinh tế-xã hội cụ thể bao gồm: tăng nhu cầu lao động có tay nghề và lao động phổ thông; tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương; và cơ hội việc làm gián tiếp từ việc cung cấp dịch vụ cho công nhân xây dựng, (ví dụ như cung cấp thực phẩm) và cung cấp các dịch vụ khác .

117. Lợi ích xã hội của Chương trình cũng sẽ bao gồm đường đi đủ độ tin cậy trong tất cả các điều kiện thời tiết , giảm chi phí vận chuyển, tiếp cận thị trường cho người sản xuất và các sản phẩm địa phương, tăng cường đầu tư phát triển bất động sản, công nghiệp và thương mại, tiếp cận tốt hơn tới dịch vụ chăm sóc sức khỏe và dịch vụ xã hội khác . Về lâu dài, điều này sẽ có lợi ích tích cực cho sự phát triển kinh tế địa phương.

Các rủi ro/tác động tiềm tàng của Chương trình

118. **Thu hồi đất.** Mặc dù Chương trình hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông thôn tương đối nhỏ, việc thu hồi đất là không thể tránh khỏi. Việc xây dựng cầu nông thôn nhỏ và cải thiện giao thông nông thôn có thể dẫn đến việc mua lại các thửa đất nhỏ trong số ít hộ gia đình. Về tiêu chuẩn chương trình cải tạo đường , trong hoạt động tài trợ của Ngân hàng với loại đầu tư tương tự (Dự án Thứ ba Giao thông nông thôn Việt Nam - Tài trợ bổ sung), trong số 32 các tỉnh dự án, có 17 tỉnh cần khoản đầu tư giải phóng mặt bằng. Tổng số hộ bị ảnh hưởng là 5531 với ngân sách bồi thường là 63.635.961.334 VND. Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn, phần lớn các đầu tư đang ở trong ranh giới hiện có của cơ sở hạ tầng, vì vậy mức độ ảnh hưởng là nhỏ. Có tổng cộng 13 hộ di dời ở các tỉnh Thanh Hóa Cao Bằng, Lạng Sơn . Về hợp phần cầu, kinh nghiệm trong giai đoạn 1 (chương trình 186 cây cầu) chỉ ra tác động đến việc thu hồi đất là tương đối nhỏ về số lượng hộ, cũng như vào kích thước của khu vực đất bị thu hồi. Tại huyện Đa Hoai (tỉnh Lâm Đồng) , chỉ có 11 hộ bị ảnh hưởng bởi việc xây dựng 3 cầu tài trợ theo Giai đoạn 1 của chương trình. Hiện đất được chấp nhận rộng rãi và được thực hiện trong giai đoạn 1. Diện tích đất hiến tặng khó vượt quá 1-2% tổng diện tích đất của các hộ gia đình có liên quan.

119. **Dân tộc thiểu số.** Do phạm vi địa lý của chương trình, sẽ rất có khả năng chương trình sẽ được thực hiện ở các tỉnh có sự hiện diện của cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS), đặc biệt là ở vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên với dân tộc thiểu số lớn. Thách thức của chương trình là làm thế nào để tối đa hóa khả năng tiếp cận và lợi ích của nó trong những tut hậu so với khu vực. Mặc dù 53 nhóm dân tộc thiểu số của Việt Nam chỉ chiếm chưa đầy 15 phần trăm dân số, họ chiếm 47 phần trăm người nghèo trong năm 2010, so với chỉ có 29 phần trăm một thập kỷ trước. Theo các đánh giá có 66,3 phần trăm của dân tộc thiểu số là hộ nghèo, tỷ lệ nghèo ở vùng nông thôn đều đặn leo thang (WB 2012). Ngoài ra, khu vực Chương trình sẽ kéo theo nhiều dân tộc khác nhau, với các cấu hình văn hóa và truyền thống phong tục khác biệt. Vì vậy cách tiếp cận chương trình đòi hỏi phải được tùy chỉnh theo sự đa dạng trong nhóm dân tộc.

120. **Trách nhiệm / tham gia.** Diễn hình trong đầu tư cơ sở hạ tầng, quy trình lập kế hoạch đầu tư theo cách tiếp cận từ trên xuống, hạn chế sự tham gia của người dân địa phương trong quá trình lập kế hoạch (đặc biệt là trong số những người dân tộc thiểu số, mặc dù họ là những người hưởng lợi trực tiếp của Chương trình). Trong giai đoạn 1, một số cầu được xây dựng không thể được vận hành hoàn toàn do tham vấn với chính quyền địa phương và các thành viên cộng đồng thiểu đầy đủ. Ngoài ra, liên quan

đến nhóm dân tộc thiểu số, mức biết chữ thấp của họ có thể ngăn cản họ hiểu đầy đủ các hoạt động chương trình, các tác động tiềm năng và biện pháp giảm thiểu liên quan. Điều này một phần là do những khó khăn trong liên hệ và thông báo cho các xã bị cô lập, đặc biệt là người dân tộc thiểu số cao tuổi.

121. **Rủi ro về thể chế.** Chương trình dự kiến sẽ được thực hiện bởi các bên liên quan từ cấp trung ương trở xuống. Về cơ quan ngang Bộ, Tổng cục ĐBVN sẽ đóng vai trò điều phối thay mặt Bộ GTVT. Ban QLDA6 là điều phối viên cho các hợp phần đường, được thực hiện bởi các BQL / Sở GTVT của 13 tỉnh tham gia chương trình. Tổng cục ĐBVN là chủ dự án của hợp phần cầu do Ban QLDA 3, Ban QLDA 4, Ban QLDA 5, Ban QLDA 6 và Ban QLDA 8 thực hiện. Các BQLDA/Sở GTVT ở cấp tỉnh (50 tỉnh) sẽ hỗ trợ khi cần thiết trong việc thực hiện chương trình. Sự tham gia của nhiều cơ quan có thể dễ dàng dẫn đến các phương pháp tiếp cận phù hợp trong việc đối phó với các tác động liên quan xã hội và biện pháp giảm thiểu liên quan. Rủi ro tương tự đã được liệt kê trong các chiến lược phát triển giao thông nông thôn đến năm 2020, tầm nhìn 2030 vì quỹ cho giao thông nông thôn có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau và các nhà đầu tư khác nhau quản lý.

Hệ thống quản lý xã hội

Thu hồi đất

Khung pháp lý: Ở Việt Nam, chưa có quy định cụ thể về việc thu hồi đất áp dụng riêng cho đường giao thông nông thôn hoặc cầu. Các luật liên quan là Luật Đất đai số 45/2013 / QH13 ngày 29 tháng 11, năm 2013. Có một số nghị định hướng dẫn thực hiện / áp dụng luật đất đai bao gồm:

- Nghị định số 43/2014 / NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 44/2014 / NĐ-CP ngày 15 Tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014 / NĐ-CP ngày 15 Tháng 5 năm 2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo yêu cầu của Nhà nước;
- Nghị định số 104/2014 / NĐ-CP ngày 14 Tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về khung giá đất.
- Thông tư số 36/2014 / TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014, phương pháp chi tiết xác định giá trị của giá đất, xây dựng, điều chỉnh giá đất; giá đất cụ thể dịch vụ định giá và giá đất tư vấn định giá; và
- Thông tư số 37/2014 / TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014, cung cấp chi tiết quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Quyết định của UBND tỉnh tại các tỉnh chương trình phát hành bảng giá đất, giá bồi thường cho cây trồng, vật kiến trúc, mồ mả và các khoản phụ cấp hỗ trợ.

122. **Cơ cấu tổ chức.** Nói chung, việc thu hồi đất, đền bù, tái định cư luôn là trách nhiệm của Chính phủ, đặc biệt là ở cấp tỉnh và cấp huyện. Các quy định chung được quy định trong Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định hướng dẫn thi hành như sau.

123. Các Bộ (hoặc cơ quan ngang Bộ), các cơ quan chính phủ, các tập đoàn, công ty (chủ đầu tư) có vốn đầu tư dự án cần thu hồi đất có trách nhiệm: (i) Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (ii) Phối hợp với UBND tỉnh và LFDO / LRO / CRSC²¹ trong việc thực hiện; và (iii) Bảo đảm kinh phí cho việc thu hồi đất, bồi thường và các hoạt động tái định cư. Bộ TN & MT có trách nhiệm (i) chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường và chính sách tái định cư; (ii) giải quyết các vấn đề nổi lên theo yêu cầu của UBND tỉnh.

124. Việc sắp xếp tổ chức ở cấp tỉnh xuống có thay đổi. UBND tỉnh có trách nhiệm (i) chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; và (ii) báo cáo với Bộ TN & MT về kết quả của những hoạt động trước ngày 1 tháng 12 mỗi năm. UBND tỉnh có thể quyết định về: (i) thu hồi đất của các tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức ngoại giao, và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể trường hợp của người Việt ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại

²¹ LFDO – Tổ chức phát triển quỹ đất; LRO – Văn phòng Đăng ký đất đai; CRSC - Bồi thường, tái định cư, và Ủy ban Hỗ trợ.

Việt Nam); (ii) thu hồi đất nông nghiệp trong quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân cấp huyện (UBND huyện) có quyền quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng, người Việt ở nước ngoài (những người có đủ điều kiện để sở hữu nhà ở tại Việt Nam). Trong trường hợp khu vực bị thu hồi có cả đối tượng quy định trước đó, UBND tỉnh quyết định việc thu hồi đất hoặc ủy thác cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

125. Ở cấp huyện, có một số cơ quan liên quan trong việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư, bao gồm cả Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (CSRC), LDFO và LRO. Hội đồng có thể được thành lập trên cơ sở tạm thời tùy thuộc vào nhu cầu thu hồi đất. Dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện, các thành viên của hội đồng đến từ nhiều huyện đơn vị / bộ phận. Nhiệm vụ chính của hội đồng là xem xét và thẩm định phương án bồi thường được chuẩn bị bởi tổ chức có trách nhiệm. Khi hoàn thành nhiệm vụ thẩm định của mình, Hội đồng này sẽ trình phương án bồi thường cho UBND huyện phê duyệt chính thức. LDFO và LRO là các sở ban ngành UBND huyện. Nhiệm vụ chính của họ là để chuẩn bị phương án bồi thường cho bất kỳ dự án nào có yêu cầu thu hồi đất. Mặc dù ở một số vị trí, nhiệm vụ này được chia sẻ giữa LDFO và LRO tùy thuộc vào độ phức tạp của dự án, nhiệm vụ này thường thuộc về trách nhiệm của LDFO. Ở cấp xã, UBND xã có trách nhiệm phối hợp với LDFO / LRO để thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm kê.

126. Trong trường hợp của ngành giao thông, thông thường, các Ban QLDA có trách nhiệm, các chủ đầu tư ký hợp đồng với Ủy ban bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của huyện (CSRC). Các hoạt động này được tiến hành theo quy định của Chính phủ (ví dụ, lên kế hoạch, công khai, phê duyệt hoặc trả tiền bồi thường). Trong chương trình này, Ban QLDA tỉnh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường và tái định cư.

127. **Bố trí tái định cư.** Theo Luật Đất đai năm 2013, chính quyền địa phương (UBND tỉnh, UBND huyện) chịu trách nhiệm phát triển và thực hiện kế hoạch TĐC trước khi thu hồi đất thực tế. Các khu tái định cư phải đáp ứng các tiêu chuẩn của cơ sở hạ tầng cơ bản, chất lượng xây dựng cũng như các điều kiện cụ thể, phong tục tập quán của địa phương. Việc thu hồi đất chỉ có thể xảy ra khi các dự án tái định cư được hoàn thành. Kế hoạch di dời phải được công khai tại trụ sở của UBND xã ít nhất 15 ngày trước khi phê duyệt kế hoạch di dời. Tùy chọn tái định cư bao gồm: (i) trên khu tái định cư - nếu phần đất còn lại cho phép; (ii) và tái định cư trong khu vực tập trung. Trong việc giao lô tái định cư, ưu tiên sẽ được trao cho DP bàn giao kịp thời đất cho nhà đầu tư. Trong trường hợp bồi thường / gói trợ cấp không đủ để mua các lô tái định cư tối thiểu, chính quyền địa phương sẽ cung cấp cho đối tác phát triển sự hỗ trợ bằng tiền mặt tương đương với khoản thiếu chênh lệch.

128. **phục hồi thu nhập.** Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định hướng dẫn của nó đã cung cấp một số tiền trợ cấp và hỗ trợ nhằm giúp các hộ gia đình bị ảnh hưởng để ổn định cuộc sống của họ sau tác động của dự án. Các khoản phụ cấp / hỗ trợ có thể bao gồm hỗ trợ ổn định đời sống, vận chuyển di dời, phục hồi thu nhập, và đào tạo kỹ năng cho công việc mới. Ngoài ra, đặc biệt chú trọng đến các hộ nghèo, những người sẽ nhận được hỗ trợ đặc biệt thông qua một khoản trợ cấp sinh hoạt phí cho một thời gian dài. Các hộ gia đình đủ điều kiện để nhận trợ cấp thường xuyên của chính phủ theo chính sách xã hội cũng sẽ nhận được một khoản trợ cấp đặc biệt nếu họ đang bị ảnh hưởng bởi dự án.

129. **Hiến đất tự nguyện:** Theo Luật Đất đai năm 2013, tặng quyền sử dụng đất, được xác định là một trong những hình thức giao dịch, là quyền công nhận hợp pháp của người sử dụng đất (theo quy định tại Điều 167, 174, và 179). Hợp đồng cho tặng phải được chứng nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền hoặc của Ủy ban nhân dân xã và phải được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai. Người sử dụng đất được tặng ngay miễn là họ đáp ứng các tiêu chí sau đây: (i) có GCNQSDĐ (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 186 và khoản 1 Điều 168 của Luật Đất đai năm 2013); (ii) đất không có tranh chấp; (iii) không thuộc kê biên để thi hành án; (iv) có thời hạn sử dụng đất hợp lệ. Ngoài ra, để đáp ứng các tiêu chuẩn hiến đất, người sử dụng đất phải bảo đảm các điều kiện quy định tại các Điều 189-194 của Luật Đất đai năm 2013. Về thủ tục hành chính, quy định tại khoản 3, Điều 79 của Nghị định 43/2014 / NĐ-CP quy định rằng trong trường hợp người sử dụng đất muốn hiến đất với mục đích xây dựng công trình công cộng, văn bản phải được thành lập theo quy định. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các công trình công cộng, Văn phòng Đăng ký đất đai căn cứ các tài liệu tặng (có xác nhận của UBND xã) và đất sử dụng thực tế để đo và cập nhật các thay đổi trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ

liệu quản lý đất đai và yêu cầu người sử dụng đất nộp GCNQSDĐ của họ để sửa đổi. Nếu người sử dụng đất, tài trợ toàn bộ khu vực, sau đó GCNQSDĐ sẽ được tịch thu để tiếp tục quản lý.

130. **Sự tham gia của người dân.** Trong quá trình thu hồi đất, khuôn khổ pháp lý chủ yếu tập trung vào việc tư vấn trong quá trình lập kế hoạch (tham khảo ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm việc làm); chia sẻ thông tin và công bố thông tin. Công dân được phép giám sát và báo cáo các vi phạm trong sử dụng và quản lý đất theo cách riêng của họ (hoặc thông qua các tổ chức đại diện), bao gồm cả thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Điều 199, Luật Đất đai năm 2013).

131. **Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM):** Khuôn khổ pháp lý về khiếu nại, tố cáo chủ yếu căn cứ vào Luật Khiếu nại năm 2011 (Luật số 02/2011 / QH13) và Luật Tố cáo năm 2011 (Luật số 03/2011 / QH13). Việc thực hiện các luật tương ứng được hướng dẫn bởi Nghị định số 75/2012 / NĐ-CP và số 76/2012 / NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012. Tất cả những vấn đề liên quan khiếu nại / tố cáo đất đai cũng được điều chỉnh theo các luật (theo quy định trong bài viết 204, 205 của Luật đất đai năm 2013). Các thủ tục khiếu nại được mô tả tại Điều 7 của Luật Khiếu nại quy định sau đây:

- Khiếu nại phải được nộp trong vòng 90 ngày kể từ ngày tiếp nhận (nhận thức) của quyết định hành chính / thi hành;
- Người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án bất cứ lúc nào trong quá trình giải quyết khiếu nại.
- Người khiếu nại có quyền khiếu nại với người ra quyết định hành chính hoặc với các tổ chức quản lý chính thức / nhân viên thực hiện hành vi hành chính.
- Đối với các quyết định hành chính / thi hành của Chính phủ (hoặc cơ quan tương đương), người khiếu nại có quyền khiếu nại với Bộ trưởng hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng hoặc không có phản ứng chính thức trong thời hạn cho phép, người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.
- Đối với các quyết định hành chính / thi hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh / thành phố, người khiếu nại có quyền khiếu nại với Chủ tịch hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch, người khiếu nại có quyền khiếu nại với Bộ quản lý hoặc có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng hoặc không có phản ứng chính thức trong thời hạn cho phép, người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

132. Thủ tục tố cáo được mô tả trong điều 18, 20 và 21 của Luật tố cáo với các bước sau đây: (i) tiếp nhận và xử lý thông tin tố cáo; (ii) xác minh nội dung tố cáo; (iii) Thực hiện kết luận về nội dung tố cáo; (iv) Xử lý các quyết định về nội dung được tố cáo; (v) công khai kết luận về nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành động bất hợp pháp. Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo. Đối với trường hợp phức tạp, thời gian này có thể kéo dài hơn nhưng không được vượt quá 150 ngày.

Các dân tộc thiểu số

133. **Khung pháp lý:** Việt Nam có một khung pháp lý tương đối phù hợp cho vấn đề dân tộc thiểu số. Ở cấp độ hiến pháp, Điều 5 của Hiến pháp năm 2013 khẳng định: (a) sự bình đẳng của tất cả các Dân tộc sinh sống trên lãnh thổ của Việt Nam; (b) cấm hành vi phân biệt đối xử; (c) Các quyền của người dân tộc thiểu số đối với ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và phong tục tập quán của họ; và (d) chính sách toàn diện của Việt Nam cho phép sự phát triển của khu vực dân tộc thiểu số. Các nguyên tắc khi ban hành các chính sách dân tộc thiểu số là: (a) sự bình đẳng và đoàn kết giữa tất cả các dân tộc thiểu số; và (b) hỗ trợ lẫn nhau để tiến bộ.

134. Đến nay, Nghị định số 51/2011 / NĐ-CP ngày 14 tháng một năm 2011 về các vấn đề dân tộc thiểu số vẫn là văn bản pháp lý cao nhất. Nghị định này quy định về chính sách dân tộc trên các mặt: (a) đầu tư nguồn lực và sử dụng; (b) phát triển bền vững; (c) Giáo dục và đào tạo; (d) nguồn nhân lực dân

tộc thiểu số; (e) các chính sách đối với uy tín của người dân tộc thiểu số; (f) phát triển văn hóa và bảo quản; (g) phát triển thể thao và du lịch; (h) chính sách y tế và dân cư; (i) thông tin và truyền thông; (j) hỗ trợ giáo dục pháp luật; (k) và bảo vệ môi trường sinh thái; và (l) chính sách an ninh và quốc phòng. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt dự án "Bảo tồn và phát triển Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam đến năm 2020" với ngân sách ước tính 1,512 tỷ đồng²²; và chiến lược dân tộc thiểu số đến năm 2020.²³

135. Ngoài các chính sách ở trên, có nhiều chính sách ưu đãi khác đối với người dân tộc thiểu số trong các lĩnh vực nhập học đại học và cung cấp giảm giá đặc biệt như dầu mỡ, dầu ăn, muối i-ốt. Có hai chương trình lớn (Chương trình 135 và 30a²⁴) nhằm giải quyết nghèo đói ở những khu vực DTTS đang định cư, tập trung vào việc đảm bảo các cộng đồng, thu nhận và cung cấp cho họ các hỗ trợ sinh kế.

136. Chương trình 135-III, cùng với hai giai đoạn trước đây (giai đoạn 1 1999-2005; Giai đoạn 2 từ 2006 đến 2010), là một trong những chương trình giảm nghèo lớn nhất của Chính phủ Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là để thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội cho các vùng đặc biệt khó khăn, nơi có tỷ lệ cao các DTTS cư trú. Theo dòng thời gian, những chương trình trên có thay đổi, nhưng về cơ bản bao gồm 4 hợp phần, trong đó có luôn luôn có hợp phần hỗ trợ sản xuất (kể từ năm 2013, trước ngày Quyết định 551 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 giai đoạn 2013-2015 và giai đoạn 2016-2020, không bao gồm hợp phần hỗ trợ sản xuất). Trong vài năm qua, các xã thuộc Chương trình 135 đã được phân bổ khoảng 1,5 tỷ đồng, trong đó khoảng 500 triệu đồng cho các hoạt động sinh kế.

137. Chương trình 30a được đặt tên theo Nghị quyết 30a năm 2008 cho 61 xã nghèo nhất trong cả nước (sau đó, nó là 62 xã nghèo vì một xã được chia thành 2 xã mới). Tương tự như Chương trình 135, các đối tượng thụ hưởng chủ yếu là DTTS (khoảng 90%). Do đó, hơn 85% số xã trong Chương trình 135 cũng là những xã thuộc 62 huyện nghèo nhất của cả nước thuộc Chương trình 30a. Chương trình tập trung vào bốn loại chính của các chính sách và giải pháp: (1) Hỗ trợ sản xuất, việc làm và nâng cao thu nhập; (2) chính sách Giáo dục và đào tạo; (3) Chính sách nhân viên cho các huyện nghèo; (4) Chính sách và cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở các làng, xã, huyện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các Chương trình 30a phải đối mặt với nhiều khó khăn do ngân sách hạn chế. Trong 1-2 năm gần đây, các huyện thuộc chương trình 30a chỉ nhận được 15% tổng số vốn đầu tư lên kế hoạch và số tiền đã giải ngân chủ yếu cho sự phát triển của cơ sở hạ tầng thiết yếu.

138. Chính phủ Việt Nam, cùng với các đối tác phát triển nước ngoài và nhiều tổ chức phi chính phủ, đã cung cấp các chương trình / dự án hỗ trợ mà mục tiêu là các Dân tộc thiểu số. Chính phủ Việt Nam có một quỹ đạo dài về đầu tư phát triển giữa các nhóm DTTS nhằm hỗ trợ cho họ để "bắt kịp" với phần còn lại của khu vực đồng bằng. Theo chính sách của chính phủ, đối với các dự án được đề xuất có ảnh hưởng đến đất đai, môi trường, hay cuộc sống của cộng đồng dân tộc thiểu số, thì nên công khai những thông tin và tư vấn đã được thực hiện với các đại diện của chính quyền địa phương, để đảm bảo rằng việc đầu tư đảm bảo điều kiện sống tốt hơn họ, theo cách thích hợp về văn hóa (Điều 9, Nghị định 05/2011 / NĐ-CP), với điều khoản cụ thể trong trường hợp tái định cư không tự nguyện.

139. **Tổ chức thực hiện.** Ủy ban Dân tộc Trung ương (UBDT) là cơ quan chính phủ ở cấp Bộ được thành lập để giải quyết các vấn đề dân tộc trong cả nước. Chính phủ cũng đã xác định cơ cấu tổ chức, năng lực và nguồn lực cho cả hai chính phủ cấp trung ương và địa phương làm việc với các vấn đề

²² Để biết thêm chi tiết, tham khảo đề quyết định số 1270 / QĐ-TTg ngày 27 Tháng 7 năm 2011.

²³ Để biết thêm chi tiết, tham khảo đề quyết định số 449 / QĐ-TTg ngày 12 tháng ba năm 2013

²⁴ Cần lưu ý rằng kể từ giữa năm 2012, sau khi Quyết định 1489 của Thủ tướng phê duyệt về NTP SPR 2012-2015, Chương trình 135 và Chương trình 30a trở thành hai dự án thành phần của NTP-SPR. Do đó, việc tách hai chương trình (chương trình 135 và 30a) trong phần này chỉ tạo điều kiện cho việc trình bày kết quả, nhưng không phải ngụ ý về sự khác biệt của hai chương trình. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT) đang phối hợp một chương trình mục tiêu quốc gia mới cho "khu vực nông thôn mới" (NRA) gồm một tập hợp các cơ sở hạ tầng và truy cập vào các mục tiêu dịch vụ cho từng xã vùng nông thôn trong cả nước.

DTTS. Các Bộ, cơ quan chính phủ khác phối hợp với Ủy ban Dân tộc (UBDT), có quyền cho các hoạt động sau:

- Thực hiện các chính sách của Nhà nước về dân tộc thiểu số theo pháp luật và được xác định bởi một số nghị định;
- Xây dựng kế hoạch và chương trình hàng năm và xác định các thể chế để thực hiện trong các DTTS;
- Xây dựng chính sách của địa phương, và ưu tiên cho các chương trình, dự án để DTTS, trong những khu vực phải đương đầu với khó khăn kinh tế-xã hội ;
- Xây dựng báo cáo DTTS về phát triển đầu tư và kết quả tại địa phương cho UBDT và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

140. Ở cấp tỉnh, một Văn phòng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập để thực hiện các nhu cầu phát triển EM khi có ít nhất hai trong số các điều kiện sau đây: (i) Người dân sống trong các làng bản hoặc cộng đồng có hơn 20.000; (ii) người dân tộc DTTS cần hỗ trợ và sự quan tâm của Nhà nước chiếm hơn 5000; (iii) người DTTS sinh sống tại khu vực biên giới có trao đổi qua lại với các DTTS ở các nước láng giềng.

Công bố thông tin, tư vấn và sự tham gia

141. **Khung pháp lý:** Việt Nam có khuôn khổ pháp lý tương đối tốt về tiếp cận thông tin và công bố thông tin. Các quyền của công dân đã được phản ánh trong Hiến pháp năm 2013 cũng như trong các điều luật cụ thể và các nghị định hướng dẫn thi hành liên quan.

- Trong tiếp cận thông tin, Hiến pháp năm 2013 khẳng định rằng Việt Nam là nhà nước của nhân dân, vì nhân dân, do nhân dân "trong đó" dân biết, dân bàn, thực hiện và kiểm tra²⁵. Hiến pháp này cũng mô tả các quyền của công dân, trong đó có "tự do ngôn luận, tiếp cận thông tin, lập hội, biểu tình"²⁶. Để thực hiện điều này, ngày 20 tháng 6 năm 2012, Quốc hội ban hành Luật số 14/2012 / QH13 về phổ biến và giáo dục văn bản pháp luật. Chi tiết thi hành Luật này đã được quy định tại Nghị định số 28/2013 / NĐ-CP ngày 04 tháng tư năm 2013.
- Về công bố thông tin, quy định cụ thể đã chi tiết hoá trong Nghị định số 29/1998 / NĐ-CP ngày (tháng 5 năm 1998) về dân chủ cơ sở, sau đó bổ sung theo Nghị định số 79/2003 / NĐ-CP ngày 07/7/2003. Việc thực hiện các Nghị định này cho phép sự tham gia cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, sự thiếu nhất quán trong cả nước là điều hiển nhiên. Các nghị định này đã được thay thế bởi các pháp lệnh dân chủ cơ sở số 34/2007 / PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007, trong đó mô tả quyền công dân, gồm có quyền được biết; được thảo luận và quyết định; phát ngôn, giám sát và can thiệp vào các hoạt động phát triển. Các yêu cầu công bố thông tin cũng được phản ánh trong luật chuyên ngành khác. Luật Bảo vệ môi trường quy định cụ thể các cơ quan có liên quan phải công khai thông tin về môi trường dưới các hình thức bằng sách, bản tin và thông qua báo chí và các trang web. Luật Đất đai năm 2013 quy định số lượng tối thiểu ngày mà các hộ gia đình bị ảnh hưởng phải nhận được thông báo trước khi bị thu hồi đất (90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất ở). Bồi thường và tái định cư cũng là những đối tượng để công bố công khai trong thời hạn tối thiểu 20 ngày.
- Tương tự như quyền tiếp cận thông tin, tham gia và tham vấn cũng là quyền của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Công dân được phép tham gia quản lý xã hội và nhà nước, để thảo luận và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan ở địa phương²⁷ và ở Việt Nam. Nhà nước có trách nhiệm tạo các điều kiện cần thiết để cho phép thực hiện các quyền này. Luật Đất đai năm 2013 và văn bản hướng dẫn của nó được thiết kế để đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc đưa ra các quyết định về quản lý đất đai, đặc biệt là liên quan đến quy hoạch sử dụng đất để đảm bảo nguyên tắc "dân chủ và minh bạch." Pháp luật hiện hành cũng quy định các phương pháp tiếp cận đối với tổ chức tham vấn cộng đồng ở cấp địa phương. Luật Bảo vệ môi trường và các quy định nghị định hướng dẫn thi hành tham vấn cộng đồng - bao gồm vai

²⁵ Điều 2, Hiến pháp 2013.

²⁶ Điều 25, Hiến pháp 2013

²⁷ Điều 28, hiến pháp 2013

trò của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc xây dựng, trách nhiệm thẩm định, thực hiện và giám sát việc tuân thủ các đánh giá tác động môi trường (Điều 18, 21 và 23).

142. Mặc dù những khung pháp lý tương đối tốt, song chu trình mục đích phát triển tham vấn ý nghĩa cho các DTTS, bao gồm cả quy hoạch thành phố, thiết kế tiểu dự án và triển khai thực hiện, bồi thường, tái định cư và phục hồi chức năng cho việc thu hồi đất đã không được định nghĩa rõ ràng trong bất cứ Nghị định cụ thể nào hoặc trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Năng lực Chương trình xã hội và đánh giá kết quả

Thu hồi đất

143. Như đã mô tả ở nơi khác, các tổ chức thực hiện là khác nhau trong thành phần hai của chương trình. Trong các hợp phần đường địa phương, chính quyền địa phương (UBND tỉnh) là chủ sở hữu của các tiểu dự án trong đó địa phương. UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt các tiểu dự án bố trí vốn đối ứng để thực hiện. Bộ GTVT (qua DRVN) đóng vai trò điều phối chung với sự hỗ trợ từ PMU6 làm việc với Ngân hàng Thế giới và hỗ trợ quản lý dự án tổng thể. Trong các hợp phần cầu, các chương trình sẽ được thực hiện bởi PMU3, PMU4, PMU5, PMU6 và PMU8 dưới sự điều phối của DRVN (MOT).

144. Về thể chế, Ban QLDA và Ban QLDA tỉnh có cơ chế cũng được thành lập trong việc xử lý vấn đề thu hồi đất, bồi thường. Đầu tiên, về phía nhân viên, tất cả các Ban QLDA đã bố trí nhân viên dành riêng cho việc quản lý các tác động/rủi ro xã hội. Các nhân viên này có thể được tập hợp trong 1 đơn vị duy nhất (PMU3) hoặc tích hợp trong các phòng ban thực hiện dự án (PMU4, PMU5, PMU8) với đội ngũ nhân viên chuyên dụng (PMU6). Trong một dự án phức tạp, Ban QLDA có thể chỉ định một nhà lãnh đạo (thường là Phó Giám đốc PMU) để giám sát việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường và tái định cư. Cấu trúc tương tự cũng đang được áp dụng cho Ban QLDA tỉnh (cấp tỉnh) trong vùng dự án. Thứ hai, về việc báo cáo và giám sát công trường, hoạt động thu hồi đất và bồi thường được báo cáo thường xuyên ở cấp đội, cấp PID và cấp PMU. Thông thường, trong các Hội đồng bồi thường huyện và tái định cư, cán bộ Ban QLDA một trong số những thành viên của hội đồng. Với sự sắp xếp này, Ban QLDA có thể thông báo đầy đủ về tiến độ thu hồi đất (trong thời gian thực). Đối với dự án quan trọng, việc thu hồi đất là một trong những nội dung trong báo cáo tiến độ mà Ban QLDA phải báo cáo với DRVN hoặc MOT để được hướng dẫn và hỗ trợ. Thứ ba, về mặt phối hợp, Ban QLDA duy trì mối quan hệ làm việc chặt chẽ với UBND tỉnh và UBND huyện để họ biết được diễn biến của mọi việc và chú ý đến tiến độ thu hồi đất cũng như những thách thức. Và cuối cùng, các Ban QLDA có kinh nghiệm đáng kể trong việc thực hiện các chính sách an toàn thông qua việc thực hiện các hoạt động do Ngân hàng Thế giới tài trợ (RT2, RT3, RNIP, VRAMP).

145. Tác động thu hồi đất trong chương trình này dự kiến sẽ là nhỏ nhất do tính chất của đầu tư. Việc lựa chọn thu hồi đất và tái định cư luôn cấu thành yếu tố quan trọng trong việc xem xét tính khả thi của một dự án. Chiến lược phát triển giao thông nông thôn đến năm 2020, tầm nhìn 2030 quy định rằng tác động thu hồi đất phải được xem xét một cách cẩn thận trong việc lập kế hoạch, xây dựng mạng lưới để giảm thiểu việc di dời và các tác động đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với các khoản đầu tư được đề xuất theo chương trình này, tỷ lệ phần trăm hiếm khi hơn 10% tổng diện tích đất của các đối tác. Tuy nhiên, trong một số ngoại lệ, các khoản đầu tư được đề xuất có thể gây ra tác động tái định cư cho người bị ảnh hưởng, mặc dù số lượng các hộ di dời là rất nhỏ. Như đã đề cập ở những nơi khác, trong một dự án tương tự (RT3 AF), có chỉ có 13 hộ phải di dời bất chấp một số lượng rất lớn của các tỉnh tham gia (33/63 tỉnh). Trong hợp phần cầu, trong khi tương đối rõ ràng rằng việc đầu tư chỉ có thể gây ra tác động thu hồi đất ở vùng núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên (cầu sẽ được xây dựng tại khu vực vùng xa với mật độ dân số rất thấp), thì nó có thể gây tái định cư ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Điều này là do thực tế dân địa phương sống dọc theo các con sông và trong một số nơi, mật độ dân số tương đối cao.

146. Việc bố trí vốn đối ứng cho các hoạt động bồi thường cũng khác nhau từ các chương trình / dự án đến chương trình / dự án. Trong các dự án tài trợ của Ngân hàng như RT3, Bộ GTVT có trách nhiệm bố trí ngân sách bồi thường. Trong chương trình khác (như đầu tư đường nông thôn theo NTP hoặc hợp phần cầu - giai đoạn 1), chính quyền địa phương có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường

và các hoạt động để bố trí ngân sách bồi thường. Tuy nhiên, do ngân sách hạn chế, chính quyền địa phương có xu hướng kêu gọi sự đóng góp từ các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Cách tiếp cận này có vẻ khả thi vì các tác động nói chung là nhỏ (dưới 10% tổng diện tích đất) và các cộng đồng địa phương sẵn sàng trao đổi đất cho các lợi ích tiềm năng của việc có điều kiện giao thông tốt hơn. Thực hành hiến đất được chấp nhận rộng rãi trong cả hai tiểu chương trình. Điều này thực tế đã được áp dụng cho các dự án cơ sở hạ tầng nông thôn nhỏ khác. Các thiết kế của giai đoạn 1 (186 cầu) không có ngân sách phân bổ cho thu hồi đất, hoạt động bồi thường được thực hiện có lẽ thông qua hiến đất. Các thiết kế hiện tại của PforR sử dụng các nguyên tắc tương tự bằng cách đề nghị chính quyền địa phương có trách nhiệm thu hồi đất (bố trí nhân viên và ngân sách) và hiến đất sẽ được coi là đóng góp của người dân địa phương. Sự sắp xếp này có thể dẫn đến rủi ro mà chúng tôi đã đề cập trước đây việc lạm dụng thực hành "hiến đất" được khuyến khích do sự giới hạn ngân sách chứ không phải là quyết định được thông báo từ các hộ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, việc sử dụng phương pháp này sẽ làm suy yếu sự hợp tác giữa Ban QLDA và chính quyền địa phương. Trong giai đoạn 1 chương trình, không có bằng chứng cho thấy rằng cơ quan thực hiện (các PMU và PPMU) nhận thức được tùy chọn đã lựa chọn (hiến tặng hoặc bồi thường) cho mỗi dự án đầu tư cụ thể.

147. Khiếu nại / bất bình cấu thành một vấn đề lớn trong các hoạt động thu hồi đất, bồi thường và tái định cư. Kết quả của một cuộc khảo sát gần đây được thực hiện ở cấp quốc gia chỉ ra rằng hơn 80 phần trăm người trả lời đã có một số mức độ không hài lòng về giá áp dụng cho tái định cư, bồi thường và trợ cấp (Ngân hàng Thế giới, 2011). Trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, tỷ lệ bồi thường thường giảm trong khuôn khổ được xác định trước được cơ quan cấp tỉnh ban hành hàng năm. Dường như PMU tỉnh duy trì việc tiến hành giải quyết các khiếu nại tồn đọng.

148. Trong khi mức dự kiến thu hồi đất thuộc Chương trình là nhỏ, dù sao vẫn cần phải đảm bảo rằng các hộ gia đình bị ảnh hưởng nhận được bồi thường theo giá thay thế đầy đủ cho các khoản lỗ do bị thu hồi đất và các tài sản bị ảnh hưởng. Thách thức chính là để đảm bảo rằng giá đền bù được sử dụng tuân thủ các quy định quốc gia mà họ phải phản ánh giá trị thị trường. Ngoài ra, các gói tái định cư cũng cần xác định bất kỳ biện pháp nào khác ngoài khoản bồi thường có thể cần thiết để đảm bảo không có ai là tồi tệ như một kết quả của các tiểu dự án. Chương trình sẽ cần phải đảm bảo rằng hạn chế tác động như vậy được ghi chép đầy đủ và rằng bồi thường đầy đủ được trả cho Chương trình người bị ảnh hưởng.

149. Các lỗ hổng và điểm yếu sau đây đã được xác định trong hệ thống thu hồi đất của chính phủ.

- Thứ nhất, Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực vào ngày 01 Tháng Bảy năm 2014, theo đó tỷ lệ bồi thường sẽ được xác định tại thời điểm thực hiện việc thu hồi đất. Tuy nhiên, tỷ lệ sẽ được dựa trên các bảng giá do UBND tỉnh thiết lập được áp dụng trong một khoảng thời gian năm năm. Trong thời gian thực thi, các định giá viên đất độc lập có thể được sử dụng để xác định giá đất, giá đó sẽ được xem xét bởi các hội đồng thẩm định trước khi được UBND tỉnh phê duyệt chính thức. Quy định này có thể được coi như là một bằng chứng cho thấy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang tiếp cận nguyên tắc của Ngân hàng để hỗ trợ những người bị ảnh hưởng trong việc cải thiện, hoặc tối thiểu phục hồi sinh kế và mức sống của họ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chương trình, cần theo dõi chặt chẽ vì luật đất đai mới này vẫn chưa đi hết toàn bộ chu kỳ, đặc biệt là ở những tỉnh mà tỷ lệ bồi thường vẫn xuất phát từ bảng giá của tỉnh.
- Thứ hai, trong khi luật kêu gọi chú ý đến các khía cạnh của đời sống và thu nhập, việc áp dụng các nguyên tắc này là không đồng đều. Các khoản tiền mà phần lớn chỉ dựa trên bồi thường trực tiếp cho tài sản bị ảnh hưởng đang được phân phối như là một khoản thanh toán duy nhất cho người dân bị ảnh hưởng mà không cần xem xét cẩn thận các tác động lâu dài của đời sống và thu nhập bị mất đi. Trong khi mục đích là cho người dân bị ảnh hưởng được hưởng mức sống tốt hơn (hoặc chí ít là bằng nhau), rất hiếm khi có bất kỳ chương trình hoặc, sự giúp đỡ hay hỗ trợ thêm cho việc này, và nó cũng không được kiểm tra theo dõi.
- Thứ ba, để đủ điều kiện bồi thường về đất, người bị ảnh hưởng phải sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Luật và nghị định hướng dẫn thi hành, những người không có chứng thư sử

dụng đất, tùy thuộc vào tình trạng pháp lý, có thể không đủ điều kiện cho việc bồi thường toàn bộ đất và tài sản kèm theo.

- Thứ tư, chính quyền địa phương có thể khuyến khích các thành viên cộng đồng hiến đất cho cơ sở hạ tầng nông thôn nhỏ. Xu hướng này thậm chí còn thấy rõ hơn trong Chương trình đề xuất này vì nó được dự kiến rằng chính quyền địa phương sẽ bố trí ngân sách bồi thường. Trong khi hiến đất ở hạ tầng nông thôn nhỏ nói chung là chấp nhận được, mà không có một sự quản lý thích hợp, thì việc thực hiện này có thể bị lạm dụng và các hộ gia đình có liên quan có thể không được thông báo đầy đủ về chương trình cũng như các gói bồi thường mà họ được nhận. Vấn đề này đặc biệt quan trọng vì PforR chủ yếu sẽ được thực hiện ở khu vực nông thôn của Việt Nam, bao gồm cả hai khu vực nghèo nhất với sự hiện diện ở mật độ cao người dân tộc thiểu số. Việc lạm dụng các yêu cầu hiến đất có thể dẫn đến buộc phải hiến đất (chứ không phải là tự nguyện) và làm trầm trọng thêm cuộc sống của người nghèo dân tộc thiểu số.
- Thứ năm, trong một đánh giá mới đây của việc thực hiện Luật Đất đai năm 2013, một số vấn đề có ảnh hưởng đến quá trình thu hồi đất và bồi thường thiệt hại đã được xác định, bao gồm (i) chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích khác - yêu cầu phải có sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (hơn 10ha đất nông nghiệp hoặc 20ha đất rừng phòng hộ) hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh (ít hơn 10 ha đất nông nghiệp, 20 ha đất rừng phòng hộ); (ii) hướng dẫn thiếu nhất quán trong việc đền bù đất và chi phí đầu tư vào đất đai - đề cập cả trong Nghị định 47/2014 / NĐ-CP và Nghị định 197/2004 / NĐ-CP, đã hết hiệu lực và được thay thế bằng cái ban hành trước đó; (iii) áp dụng không phù hợp trong việc xác định mức hỗ trợ cho thay đổi việc làm và ổn định đời sống; (iv) giá đất được xác định bằng cách sử dụng các phương pháp khác nhau và khả năng của người định giá đất vẫn còn rất hạn chế.
- Cuối cùng, không có quy định cụ thể để hướng dẫn thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp tái định cư ảnh hưởng đến người dân tộc thiểu số mặc dù gần đây đã thông qua Luật Đất đai mới có một điều khoản trong việc đảm bảo rằng dân tộc thiểu số có đất cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp (nếu cần thiết) sau khi thu hồi đất.

Dân tộc thiểu số

150. NPLRD và NPETB được liên kết chặt chẽ khi cả hai mục tiêu tăng cường tiếp cận các khu vực nông thôn có khả năng truy cập thấp, đặc biệt là cho các khu vực nơi các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cư trú cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác như phụ nữ độc thân và trẻ em. Việc đánh giá xác nhận rằng hai chương trình này đã tập trung rất mạnh vào người dân tộc thiểu số trên một số tính toán. Đầu tiên, việc thực hiện hai chương trình này được coi là một hành động để thực thi Chiến lược Dân tộc của Chính phủ đến năm 2020. Thứ hai, cả hai chương trình nêu rõ khu vực dân tộc thiểu số là khu vực ưu tiên đầu tư nhất chương trình để thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Và thứ ba, Ủy ban Dân tộc đã được xem là cộng tác viên quan trọng để đảm bảo sự thống nhất trong cách tiếp cận và để tránh sự chòng chẹo giữa hai chương trình này và những người quản lý của Ủy ban Dân tộc. Tuy nhiên, trong khi hai chương trình này mạnh, tập trung vào những câu hỏi "cái gì" trong vùng DTTS, họ lại rất yếu về câu hỏi "làm thế nào", đặc biệt là làm thế nào để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động của chương trình phù hợp với văn hóa.

151. Sự tham gia của các DTTS trong các quá trình ra quyết định còn hạn chế (UNDP, 2006; WB năm 2009, 2012; MDRI 2014). Nghiên cứu và phân tích kết quả của các chương trình phát triển khẳng định rằng DTTS phải đối mặt với một số rào cản và thách thức đối với sự tham gia có hiệu quả của họ. Theo các phân tích đó, sự tham gia của người dân tộc thiểu số bị giới hạn chủ yếu là do: (a) thông tin thiếu đầy đủ cho quá trình lập kế hoạch và lập ngân sách; (b) kỹ năng hạn chế cho việc lập kế tham gia và ngân sách từ các viên chức chính phủ; và (c) hạn chế trong nói tiếng Việt của người DTTS, và hỗ trợ song ngữ không đủ để vượt qua những thách thức về văn hóa trong các dự án mà lẽ ra có thể khắc phục được trong việc đầu tư các dự án và chương trình giành cho các DTTS (chương trình 135thứ 2).

152. Kinh nghiệm trong các chương trình khác được chính phủ tài trợ cũng chỉ ra rằng các quyết định "từ trên xuống" và giải pháp "một kích thước phù hợp với tất cả các" là không thích hợp với DTTS (ví dụ, cung cấp đào tạo bằng tiếng Việt cho các nhóm dân tộc thiểu số [Bộ LĐTBXH và Liên Hợp Quốc, 2009]. Có chương trình nào đó nhằm mục tiêu tới các nhóm DTTS, nhưng kiến thức bản địa có thể giúp giải quyết vấn đề phát triển lại không được thừa nhận, và các ngôn ngữ địa phương đang bị bỏ qua. Nhóm nói không nói được tiếng Việt được coi là lạc hậu, là rào cản cho mục đích phát triển. DTTS là 'mục tiêu' thụ động của lợi ích trong khi sự phụ thuộc vào sự hỗ trợ và giúp đỡ từ trên xuống của Chính phủ làm xấu đi một mối quan hệ phụ thuộc. Vấn đề này càng thúc đẩy sự mất mát về vốn xã hội, luật tục và kỹ năng tổ tiên tổ tiên để lại của người DTTS. Cuối cùng, nếu trong các cộng đồng DTTS, sự gắn kết không được tăng cường thông qua việc thực hành liên tục của luật tục (quy ước thôn bản và các quy định), sự tồn tại của các già làng thì sự xói mòn niềm tin của lãnh đạo các bộ tộc và cộng đồng sẽ là điều hiển nhiên và tác dụng ngược. Vấn đề không phải là sự hỗ trợ của Chính phủ, mà chính là cách thức mà Chính phủ hỗ trợ, cách đó đã thúc đẩy sự phụ thuộc, tính thụ động và thiếu tự trọng, hơn là thúc đẩy trao quyền, vốn xã hội và năng lực ở các bản làng.

153. Ở cấp độ khu vực, đánh giá xác nhận rằng nói chung, không có sự khác biệt trong thực hiện nhiệm vụ tại khu vực DTTS. Trong trường hợp đặc biệt (ví dụ như các chương trình đối mặt những thách thức quan trọng), các cơ quan thực hiện có thể kêu gọi hỗ trợ từ Ủy ban dân tộc, bao gồm hỗ trợ việc giải thích hoặc huy động trưởng thôn để thuyết phục người dân địa phương). Không có sự thăm dò phù hợp nào được mô tả trong bộ quy tắc ứng xử của nhà thầu khi làm việc với một cộng đồng DTTS. Chứng cứ trong các chương trình khác cho thấy sự tham gia hạn chế của UBND trong việc thực hiện chương trình.

154. Mặc dù việc cung cấp khung pháp lý cho sự phát triển trong khu vực EM đã có, song thủ tục thực hiện đầy đủ và kết quả giám sát còn thiếu. Việc đánh giá này đã xác định được một số điểm yếu và lỗ hổng được trình bày dưới đây.

- (i) **Tư vấn miễn phí và ưu tiên:** Khung pháp lý DTTS ở Việt Nam, đã được xác định và ủng hộ cho sự tôn trọng, quyền bảo vệ lợi ích và sinh kế xã hội, văn hóa và kinh tế của họ. Có một loạt các chính sách hỗ trợ xóa đói giảm nghèo cho DTTS ở các vùng sâu vùng xa. Tuy nhiên, chính sách không quy định bất kỳ thủ tục đặc biệt nào cho hoạt động phát triển để đảm bảo tư vấn miễn phí và ưu tiên trong các chu kỳ chương trình / dự án tập trung vào đối tượng hưởng lợi DTTS mục tiêu hoặc / và bị ảnh hưởng.
- (ii) **Sự gắn kết cộng đồng DTTS** được tăng cường thông qua thực hành luật tục (quy ước, quy định, phép làng), sự hướng dẫn và lãnh đạo của già làng. Tuy nhiên, các cấu trúc tổ chức theo phong tục không được chính sách thực hiện hỗ trợ. Kết quả là, luật tục, văn hóa, niềm tin vào sự lãnh đạo dân tộc thiểu số đang ngày càng bị mai một.
- (iii) **Sự tham gia và tham vấn** không đặt nặng sự tương quan về văn hóa giữa các cơ chế / các hoạt động, phương pháp. Một mặt, DTTS có tiếng nói hạn chế trong quá trình ra quyết định, cho thấy hạn chế của cơ chế khiếu nại và sự can thiệp có hiệu quả của địa phương. Mặt khác, đây là một trở ngại cho sự giám sát của người hưởng lợi đóng góp để thực hiện sự bền vững của Chương trình đề xuất. Hơn nữa, xử lý các khiếu nại và bồi thường là điều hết sức quan trọng khi liên quan đến việc thực hiện hiến đất trong bối cảnh nông thôn.
- (iv) **Xác định các cơ hội để hưởng lợi từ nguồn tài nguyên phong tục của DTTS được xã hội và văn hoá địa phương chấp nhận.** Việc sử dụng ngôn ngữ DTTS để tư vấn và trong các chu kỳ chương trình hầu như bị bỏ qua. Sự hỗ trợ cho kiến thức và vốn xã hội của DTTS bị hạn chế, phải đối mặt với những trở ngại, do năng lực yếu kém và kỹ năng của họ và cơ hội nâng cao năng lực khan hiếm. Tình trạng này ảnh hưởng đến sự hợp thức hoá lãnh đạo theo phong tục mà nếu không thì làm việc một cách hiệu quả để đảm bảo lợi ích công bằng cho các thành viên cộng đồng.

Công bố thông tin, tư vấn và sự tham gia

155. Mặc dù Việt Nam đã có khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh về tiếp cận thông tin và công bố thông tin, có một số điểm yếu cần phải được giải quyết.
- Các luồng thông tin từ huyện đến cấp xã còn hạn chế, và đối mặt với sự thiếu trách nhiệm từ trên xuống. Cán bộ xã có kiến thức hạn chế trong quản lý ngân sách và tiêu chí cho việc phân bổ cho riêng từng cấp (cấp huyện, xã và trung tâm tỉnh). Trong ý nghĩa này, trách nhiệm giải trình xã hội không phải là một thực tế phổ biến và chỉ tiêu công không dễ dàng chính thức /không chính thức bắt phải chịu sự giám sát.
 - Có sự tham gia hạn chế của một tổng quát đối tượng thụ hưởng trong quá trình ra quyết định cho đầu tư công. Thông tin công cộng cho các bên liên quan để làm cơ sở cho việc ra quyết định là không có sẵn.
 - Quy hoạch cơ sở hạ tầng nông thôn vẫn chủ yếu từ trên xuống. Cộng đồng chủ yếu được thông báo về những tiến triển trong việc đóng góp tài chính của họ, giám sát cộng đồng ở công trường xây dựng rất hạn chế. Ở các vị trí khó tiếp cận, việc giao tiếp là không phù hợp vì cả nội dung và khán giả, chủ yếu là người dân địa phương (đặc biệt là những người lớn tuổi), người có thể hiếm khi hiểu được thông điệp trừ khi có phiên dịch.

Các khuyến nghị

156. **Thu hồi đất.** LRAMP được thiết kế theo cách mà việc thu hồi đất sẽ được giảm thiểu và phần lớn đất đai được sử dụng sẽ là đất công bỏ trống. Tuy nhiên, có thể có một số tỷ lệ nơi thu hồi đất là cần thiết. Chính phủ Việt Nam nói chung có một khuôn khổ pháp lý và điều phối mạnh mẽ việc thu hồi đất và chính quyền các tỉnh đã thành lập các khuôn khổ thể chế cần thiết. Kinh nghiệm trong việc xử lý các vấn đề thu hồi đất là đáng kể. Tuy nhiên, như đã nói ở phần trên, có một số điểm yếu và những khoảng trống phải xử lý thông qua các khuyến nghị sau:
157. **Khuyến nghị 1:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải tiến hành sàng lọc xã hội trước khi đầu tư thực tế để tối đa hóa lợi ích của dự án và giảm thiểu tác động bất lợi cho các cộng đồng địa phương đặc biệt là về việc thu hồi đất. Các kết quả sàng lọc phải được ghi đúng và bao gồm vào các nội dung đề xuất đầu tư thích hợp. Thông tin cụ thể về quy trình sàng lọc xã hội được sử dụng trong Chương trình sẽ được đưa vào Chương trình hoạt động.
158. **Khuyến nghị 2:** Nếu thu hồi đất là không thể tránh khỏi, Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải đảm bảo rằng những người dân bị ảnh hưởng do mất đất và các tài sản sẽ được bồi thường sao cho cuộc sống của họ không bị tệ hơn trước khi bị mất mất đó. Các dự án đầu tư gây ra việc di dời nên được hạn chế, để chỉ có những trường hợp hoàn toàn cần thiết thì Chương trình đầu tư. Quy định tại Luật Đất đai năm 2013 về việc sử dụng đất, thẩm định độc lập cần được theo sau tương ứng với hệ thống giám sát và đánh giá (M & E) của các tỉnh tham gia.
159. **Khuyến nghị 3:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình không nên xem việc hiến đất là lựa chọn mặc định cho thu hồi đất. Ngân sách chi trả đền bù phải được có sẵn, không phụ thuộc vào sự bố trí/sắp xếp của chương trình, các cơ quan thực hiện phải đảm bảo rằng các quyết định hiến đất sẽ được thực hiện dựa trên sự đồng ý của hộ gia đình và sự lựa chọn của riêng họ. Một hướng dẫn tự nguyện hiến đất sẽ được phát triển ở cấp chương trình và thông qua các tỉnh tham gia để hướng dẫn việc áp dụng các thực hành này trong các hoạt động của Chương trình. Hiến đất tự nguyện chỉ nên được sử dụng để hỗ trợ cơ sở hạ tầng cộng đồng quy mô nhỏ mà những tác động không đáng kể và ở nơi có những lựa chọn thay thế cho vị trí của cơ sở hạ tầng. Hướng dẫn sẽ được dựa trên giao thức tự nguyện hiến đất mới nhất (được phát triển bởi ban thư ký bảo vệ an toàn vùng EAP) cũng như các công trình liên quan tăng cường bảo vệ khác ở Việt Nam. Thủ tục này sẽ được chi tiết hơn trong Sổ tay hoạt động chương trình.
160. **Công khai thông tin, tư vấn và tham gia.** Việc đánh giá đã nhận thấy rằng các dòng chảy thông tin từ huyện đến cấp xã còn hạn chế. Ngoài ra, còn có sự tham gia hạn chế của đối tượng thụ

hưởng trong quá trình ra quyết định và thực hiện. Ở cấp địa phương Chương trình sẽ thúc đẩy việc sử dụng phương pháp tiếp cận “State-of the art” (phương pháp sử dụng khoa học kỹ thuật mức cao nhất) cho việc tham gia. Tham vấn sẽ được tổ chức với các cộng đồng địa phương về kế hoạch đầu tư. Tuy nhiên năng lực của các tỉnh để giám sát loại này của quá trình lập kế hoạch tư vấn có thể hạn chế và sẽ cần được hỗ trợ và xây dựng trong khoảng thời gian của chương trình. Các khuyến nghị sau đây được thực hiện:

161. **Khuyến nghị4:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch bằng cách duy trì cơ sở dữ liệu về khiếu nại/phản hồi và trả lời những khiếu nại / phản hồi. Ngoài ra, một cơ sở dữ liệu về đối tượng thụ hưởng của chương trình, phân chia theo giới tính và dân tộc, nên được duy trì và giám sát. Hướng dẫn chi tiết cho cơ chế giải quyết khiếu nại, dựa trên các hệ thống thiết lập hiện có, sẽ được bao gồm trong Sổ tay hoạt động chương trình.
162. **Khuyến nghị5:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình sẽ đảm bảo rằng tất cả các dự án đầu tư được hỗ trợ bởi Chương trình có thể tham vấn với người dân địa phương và công bố công khai tại khu vực chương trình. Hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện và giám sát sẽ được bao gồm trong Sổ tay hoạt động chương trình.
163. **Các dân tộc thiểu số.** Đánh giá việc thực hiện chính sách DTTS đề xuất các quy định bao trùm khía cạnh này được cơ cấu tương đối tốt nhưng có một số bất ổn liên quan đến năng lực để thực hiện những quy định. Cụ thể, thông tin tư vấn ưu tiên và miễn phí phải được thực hiện nếu DTTS đang có khả năng bị ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực). Việc tư vấn vẫn cần xác định xem liệu có sự hỗ trợ cộng đồng rộng rãi cho các hoạt động của chương trình không và đảm bảo rằng DTTS có thể tham gia tích cực. Việc tham gia cũng sẽ giúp xác định các cơ hội cho các nguồn phong tục thông thường hoặc kiến thức bản địa để áp dụng với sự đồng ý của các cộng đồng. Trong khi các khuôn khổ pháp lý là mạnh mẽ, việc thực hiện các quy định liên quan đến DTTS, công khai thông tin, và sự tham gia của xã hội cấp địa phương là không phù hợp với các chính sách tại chỗ. Có sự thiếu trách nhiệm do dòng chảy thông tin về các xáo trộn hạn chế và việc tham gia của các DTTS trong việc ra quyết định vẫn còn yếu. Hành động cụ thể là cần thiết để đóng các lỗ hổng.
164. **Khuyến nghị6:** Các Ban QLDA và các tỉnh tham gia chương trình phải đảm bảo rằng sự can thiệp của chương trình phải phù hợp văn hoá. Điều này là rất quan trọng cho các nhóm dân tộc đa dạng sinh sống trong khu vực chương trình nhằm đảm bảo các lợi ích của Chương trình. Trường hợp có liên quan, các Ban QLDA và các tỉnh phải cung cấp đào tạo / định hướng cho các nhà thầu làm việc trong khu vực có sự hiện diện đông đảo các dân tộc thiểu số. Hỗ trợ kỹ thuật của chương trình nên có nguồn dành riêng cho hoạt động này.
165. **Khuyến nghị7:** Bộ GTVT/Tổng cục ĐBVN sẽ xây dựng một hướng dẫn cộng đồng / dân cư tham gia (được thực hiện bởi Ban QLDA và các tỉnh tham gia) để tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số để đảm bảo sự tham gia thực sự của họ và tham vấn ở từng bước thực hiện Chương trình, bao gồm lập kế hoạch, thiết kế và thực hiện tiểu dự án, bồi thường, tái định cư và phục hồi trong các biện pháp thu hồi đất. Hướng dẫn sẽ hướng tới cộng đồng, minh bạch, nhạy cảm về giới và sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Vì chương trình sẽ được thực hiện trong một khu vực địa lý rộng lớn với nhiều dân tộc khác nhau, hướng dẫn cụ thể sẽ được cung cấp ở cấp địa phương cho từng dân tộc. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hoàn toàn hiện thực hoá Pháp luật Việt Nam hiện hành đối với dân tộc thiểu số thông qua một quá trình tư vấn miễn phí, trước, và tư vấn hữu ích. Điều này nên được thêm vào như là một hành động trong Kế hoạch hành động Chương trình.

Giới và những vấn đề khác. Khuyến nghị 8: Chương trình nên khuyến khích các biện pháp phát triển xã hội sau đây: (a) đảm bảo lao động không có tay nghề (và đến mức độ khả thi, có kỹ năng) nguồn gốc địa phương được vào làm; (b) đảm bảo quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng mới được phát triển cho những người khuyết tật; (c) huy động cộng đồng (đặc biệt là phụ nữ) trong các hoạt động bảo trì hoặc giám sát dựa vào cộng đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ và các nhóm tương tự cần được đưa vào cơ cấu tổ chức thực hiện để hỗ trợ trong việc thúc đẩy huy động nhạy cảm về giới cộng đồng, sự tham gia và các kênh giải quyết khiếu nại tiền bồi thường.

166. **Nhân sự. Khuyến nghị 9:** Sử dụng sự sắp xếp bố trí hiện có, các Ban QLDA phải sắp xếp thời gian thích hợp để nhân viên đảm bảo rằng các vấn đề xã hội liên quan đến (thu hồi đất, hiến đất, lòng ghép giới, sự tham gia của DTTS...) sẽ được theo dõi và phản ánh trong báo cáo chương trình tài liệu có liên quan. Phạm vi chi tiết đối với đơn vị / nhân viên sẽ được phát triển trước khi thực hiện thực sự Chương trình.

Đầu vào cho kế hoạch Chương trình hành động

167. Các hành động sau đây cần có trong Kế hoạch hành động của Chương trình: MOT / DRVN sẽ xây dựng hướng dẫn sự tham gia cộng đồng / công dân (thực hiện bởi các tỉnh tham gia Ban QLDA và) để tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là đối với dân tộc thiểu số để đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của họ và tư vấn trong mỗi bước của việc thực hiện Chương trình, bao gồm lập kế hoạch, thiết kế tiểu dự án và triển khai thực hiện, bồi thường, tái định cư và các biện pháp phục hồi trong thu hồi đất. Hướng dẫn sẽ được định hướng cộng đồng, dễ hiểu, nhạy cảm về giới và sử dụng ngôn ngữ thích hợp. Do chương trình sẽ được thực hiện trong một khu vực địa lý rộng lớn với nhiều dân tộc khác nhau, hướng dẫn cụ thể sẽ được cung cấp ở cấp địa phương cho từng dân tộc. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hoàn toàn phù hợp với Pháp luật Việt Nam hiện có đối với dân tộc thiểu số thông qua một quá trình tư vấn thôn tin ưu tiên, miễn phí.

Đánh giá xếp hạng rủi ro môi trường và xã hội

168. Do phạm vi của Chương trình, loại hình và quy mô đầu tư, tập trung về địa lý, và kinh nghiệm trước đó với các dự án của Ngân hàng Thế giới của Chính phủ trung ương, xếp hạng rủi ro vừa phải từ quan điểm môi trường và đáng kể từ quan điểm xã hội (chủ yếu liên quan đến khía cạnh EM).

Đầu vào cho Kế hoạch Hỗ trợ Thực hiện Chương trình

169. Điều quan trọng là nhân viên thời vụ thích hợp được phân bổ trong năm đầu tiên của chương trình, bao gồm các chuyên gia để tăng cường năng lực của các cơ quan thực hiện. Hoạt động xây dựng năng lực sẽ được đưa vào Chương trình hỗ trợ kỹ thuật nhằm khuyến khích việc giao hàng kịp thời. Bảng dưới đây cho thấy các hoạt động môi trường và xã hội được thực hiện trong kế hoạch hỗ trợ thực hiện chương trình.

Bảng 2: Môi trường và Kế hoạch trợ giúp xã hội cho việc thực hiện các chương trình

Hoạt động	Thời điểm
Hoạt động xây dựng năng lực cho các chương trình và tác động xã hội và môi trường của nó	Tổ chức hội thảo công bố Chương trình; Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm
Xem xét hướng dẫn thực hiện và kết hợp tài liệu để thực thi các khuyến nghị	Trong quá trình chuẩn bị và giai đoạn đầu thực hiện chương trình.
Xây dựng năng lực cho các nhà thầu về Kế hoạch quản lý môi trường độ nhạy cảm	Khi cần thiết
Xem xét và giám sát tiến độ thực hiện các hành động liên quan xã hội và các chỉ số liên quan	Khi cần thiết.
Tham gia đoàn giám sát và thăm các địa điểm được chọn.	Ít nhất hai lần mỗi năm trong nhiệm vụ giám sát
Hỗ trợ Chủ đầu tư để giải quyết các vấn đề thực hiện và thực hiện xây dựng năng lực thể chế	

Các phụ lục**Phụ lục 1 – Danh sách những người tham dự và hình ảnh của các cuộc họp tham vấn**

Tổ chức	Tên	Chức vụ
DRVN	Trần Thị Vân	Viên chức, môi trường và quan hệ quốc tế
	Đặng Minh	Viên chức, phòng KH & đầu tư
	KHánh Hồng	Viên chức
	Đoàn Chí Thành	Viên chức
	Võ Anh Thắng	Viên chức, phòng KH & đầu tư
	Nguyễn KHánh Toàn	
	Nguyễn Mạnh Hùng	
	Nguyễn Ngọc Đàm	Phòng an toàn giao thông
PMU 4	Nguyễn Quang Huy	
	Nguyễn Phương Nam	Trưởng phòng, PID 1, bộ phận quản lý Xây dựng
	Trần Đức Đình	Phó giám đốc, PMU 4
	Nguyễn Việt Anh	Viên chức, bộ phận quản lý xây dựng
PMU 5	Lưu Ngọc Vinh	trưởng bộ phận KH & đầu tư
	Đỗ Tuấn Hạnh	
PMU 6	Phạm Xuân Trung	Bộ phận thực hiện dự án PID 1
	Nguyễn Tiến PHương	PID 1
	Mrs Hương	PID 1
	Nguyễn Thu Hương	PID 1
	Lê Mai Ngọc Anh	PID 1
	Cao Nguyễn Quỳnh Anh	PID 1
	Ngô Nam Tri	PID 1
	Vương Khánh Ly	PID 1
	Lê Tuấn Khanh	Bộ phận tài chính và kế hoạch
	Ngô Minh Hiếu	Bộ phận tài chính và kế hoạch
Đội WB	Trần Thị Minh Phương	
	Nguyễn Quý Nghi	
	Vũ Thị Diệu Lý	
	Nguyễn Chí Kiên	
Viện Chiến lược Giao thông vận tải	Nguyễn Thị Diễm Hằng	
An Giang	Ngô Công Thúc	Giám đốc sở GT
	Nguyễn Thanh Sang	Giám đốc BQLDA tỉnh
	Lâm Tiến Cường	Phó Trưởng phòng, Quản lý giao thông
Bạc Liêu	Lê Thanh Nhã	Giám đốc BQLDA tỉnh
Bắc Giang	Nguyễn Thanh Tùng	Cán bộ UBND tỉnh
	Chu Văn Hưng	ẢTướng bộ phận KH và tài chính
	Hoàng Văn Thanh	Giám đốc BQLDA tỉnh RT3
Bắc Kạn	Dương Ngọc Thuyết	Giao thông vận tải BQLDA tỉnh
Bình Định	Diệp Thanh Tùng	Cán bộ, Phòng Quản lý Giao thông vận tải, sở GT
Bình Phước	Nguyễn Quốc Hiệp	Phó giám đốc sở GT
Bình Thuận	Đỗ Lộc Sơn	Quản lý CS hạ tầng
Cà Mau	Lê Thành Huân	Phó giám đốc sở GT
	Dương Trí Dũng	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
Cao Bằng	Lưu Công Hữu	Cán bộ UBND tỉnh
	Nguyễn Xuân Nguyên	BQLDA tỉnh
Cần Thơ	Nguyễn Hoàn gTùng	Sở GT
	Trần Công Phú	BQLDA tỉnh
Đak Lăk	Trần Viết Tiệp	PGĐ BQLDA tỉnh
	Tô Quang Định	Phó phòng QL giao thông

Tổ chức	Tên	Chức vụ
Đắc Nông	Võ Văn Hùm	GD sở GT
	Bùi Văn Điền	Trưởng phòng CS hạ tầng
Điện Biên	Nguyễn Đình Giang	GD sở GT
	Tô Trọng Thiện	Giám đốc BQLDA tỉnh
Đồng Nai	Lê Quang Bình	PGĐ sở GT
Đồng Tháp	Nguyễn Văn Công	GD sở GT
	Nguyễn Thanh Hoàng	
	Nguyễn Trường Giang	
	Trần Ngọc Quyết	
Gia Lai	Lê Văn Hạnh	PGĐ sở GT
	Nguyễn Hữu Tiến	Phó Giám đốc BQLDA tỉnh
Hà Giang	Tổng Văn Huân	PGĐ sở GT
	PHạm Văn Kiên	Cán bộ
Hà Nội	Nguyễn Văn Thiết	Cán bộ
	Nguyễn Đình Đôn	Trưởng bộ phận
	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán
Hà Tĩnh	TRẦN VĂN TRUNG	Phó GD
	Bùi Đức Đại	PGĐ sở GT
Hải Dương	Vũ Văn Tùng	PGĐ sở GT
	Nguyễn Đức Huân	BQLDA tỉnh
Hậu Giang	Lê Văn Năm	PGĐ sở GT
Hòa Bình	Bùi Văn Thắng	PGĐ sở GT
	Trần Hữu Kim	Trưởng bộ phận KH & tài chính
Khánh Hòa	Nguyễn Thanh Hiền	Phó phòng QL giao thông
Kiên Giang	PHạm Văn Tựu	PGĐ sở GT
Kon Tum	Huỳnh Tấn PHục	GD sở GT
Lai Châu	Tạ Tấn Vĩnh	PGĐ sở GT
	Nguyễn Chương	Phó chủ tịch UBND tỉnh
Lâm Đồng	Hoàng Anh Tuấn	PGĐ sở GT
	Nguyễn Hồng Minh	BQLDA tỉnh
Lạng Sơn	Lăng Văn Thậu	PGĐ sở GT
	Hoàng Việt Hóng	BQLDA tỉnh
	Dương Thanh Vân	BQLDA tỉnh
Lào Cai	Dương Văn Sơn	PGĐ sở GT
	Nguyễn Thị Hồng	PGĐ BQLDA tỉnh
	Đỗ Hoàn gNam	Cán bộ
Nam Định	Lê Nguyên Khính	GD sở GT
	PHạm Hồng Thái	Giám đốc BQLDA tỉnh
Nghệ An	Hồ Viết Vinh	PGĐ BQLDA tỉnh
	Trần Duy Hưng	Trưởng phòng GT
	Nguyễn Hồng Kỳ	PGĐ sở GT
Ninh Thuận	Trần Văn Hai	Trưởng phòng GT
	Nguyễn Tường Dũng	Sở GT
	Phan Chánh Trọng	
Phú Thọ	Dương Hoàng Phúc	GD sở GT
	Lê Mạnh Cường	Cán bộ
Phú Yên	Trần Bá Nghĩa	Bộ phận CS hạ tầng
Quảng Bình	Mr Thuyết	Bộ phận kế hoạch
Quảng Nam	Nguyễn Văn Nhân	GD sở GT
	Nguyễn Thái Nhân	ở trưởng bộ phận KH & tài chính
	Nguyễn Thanh Tâm	Giám đốc BQLDA tỉnh
	Nguyễn Tấn Hoàng	Cán bộ
Quảng Ngãi	Trần Hoài Bình	Phó trưởng Ban Quản lý Đầu tư

Tổ chức	Tên	Chức vụ
Quảng Ninh	Nguyễn Văn Phúc	Phó trưởng phòng, quản lý cơ sở hạ tầng
Quảng Trị	Nguyễn Hữu Anh	Phó GD sở GT
	Nguyễn Đức Hà	
	Bạch Văn Yên	
	Đinh Văn Lập	
Sóc Trăng	Trang Trường Thanh	Phó GD sở GT
Sơn La	Nguyễn Hợp Cường	Phó GD sở GT
	Vũ Thành Chung	
	Nguyễn Tiến Hải	
Tây Ninh	Lại Hoàng Khương	
Thái Nguyên	Lê Văn Vinh	
	Lê Ngọc Phớt	
Thanh Hóa	Mai Xuân Liêm	GD sở GT
	PHạm Quốc Thành	BQLDA 3 của tỉnh
Thừa Thiên Huế	Lê Anh Tuấn	Phó GD
	Nguyễn Khoa Thanh Vinh	Cán bộ bộ phận thẩm định
Trà Vinh	Dương Văn Ni	Phó GD sở GT
	Đào Mạnh Hùng	Phó GQQ BQLDA tỉnh
Vĩnh Long	Hồ Văn Trí	Phó Trưởng ban, Giám đốc
Vĩnh Phúc	PHạm Thị Năm	Phó trưởng ban kế hoạch và quản lý giao thông
	Vũ Hạnh	Cán bộ
Yên Bái	Trần Anh Tuấn	
	Nguyễn Thanh Huyền	



Phụ lục 2 - Tiêu chuẩn đủ Điều kiện sàng lọc

Câu hỏi sàng lọc	Có	Không	Ghi chú
<i>... Would the proposed subproject...</i>			
1. Nằm trong phạm vi 2km từ bất kỳ khu vực nhạy cảm về môi trường như rừng tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn chim, rừng nguyên sinh, khu bảo tồn về mặt pháp lý, các khu vực bảo tồn sinh quyển, các danh lam / di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia vv, được liệt kê trong quyết định số 1107 / QĐ-BTNMT của Bộ TN & MT về danh sách các khu bảo tồn?			
2. Nằm trong phạm vi 10 m của công trình văn hóa vật thể như các đền thờ, tượng đài, chùa, mộ cổ, di tích lịch sử, nơi thờ phụng, cây thiêng hoặc bất kỳ đối tượng của tâm linh quan trọng nào đối với cộng đồng địa phương, vv.?			
3. Tuyến đường hoặc đường dẫn đòi hỏi phải thu hồi đất ở trong khu dân cư đô thị hoặc làm cho các hộ bị ảnh hưởng bị di dời vào khu tái định cư?			
4. Các cầu làm thay đổi đáng kể chế độ thủy văn hoặc địa chất thủy văn như thu hẹp dòng chảy, giảm lưu lượng nước tưới tiêu hoặc yêu cầu lớn về khoan và đóng cọc?			
5. Có tuyến đường yêu cầu thu hồi đất dẫn đến các hộ dân phải chuyển đến khu tái định cư?			
6. Việc xây dựng cầu mới có thể ảnh hưởng đáng kể hoặc tiêu cực tới môi trường và xã hội ²⁸ ?			

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào ở trên được trả lời có, các tiểu dự án sẽ không đủ điều kiện theo chương trình

²⁸ Ví dụ, tạo ra một đường mới cho các khu vực bị xáo trộn ít nhất, có thể dẫn đến chặt cây, chuyển đổi quyền sử dụng đất tại các khu vực như vậy

Phụ lục 3 - Danh sách các khu bảo tồn đã ban hành tại Quyết định Bộ TN & MT số 1107/2015 / BTNMT

TT	Tên	Tỉnh	Khu vực địa lý/sinh thái	DT đất (ha)
I	Các vườn quốc gia			
1	Ba Bể	Bắc Kạn	đông bắc	10,048
2	Bái Tử Long	Quảng Ninh	đông bắc	15,783
3	Cát Bà	Hải Phòng	đông bắc	16,196,8
4	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	đông bắc	15,270
		Thái Nguyên	đông bắc	11,446
		Tuyên Quang	đông bắc	6,160
5	Xuân Sơn	Phú Thọ	đông bắc	15,048
6	Phia Đén - Phia Oắc	Cao Bằng	đông bắc	12,261
7	Hoàng Liên	Lào Cai	Tây Bắc	20,910
		Lai Châu	Tây Bắc	7,598
8	Ba Vì	Hà Nội	Đồng bằng sông hồng	6,486
		Hòa Bình	Tây Bắc	4,263
9	Cúc Phương	Ninh Bình	Đồng bằng sông hồng	11,440
		Thanh Hóa	Bắc Tây Bắc	4,996
		Hòa Bình	Tây Bắc	5,972
10	Xuân Thủy	Nam Định	Đồng bằng sông hồng	7,100
11	Bạch Mã	Thừa Thiên Huế	Bắc Tây Bắc	34,380
		Quảng Nam	Nam Tây Bắc	3,107
12	Bến En	Thanh Hóa	Bắc Tây Bắc	14,734
13	Phong Nha Kẻ Bàng	Quảng Bình	Bắc Tây Bắc	123,326
14	Pù Mát	Nghệ An	Bắc Tây Bắc	93,524
15	Vũ Quang	Hà Tĩnh	Bắc Tây Bắc	52,741
16	Núi Chúa	Ninh Thuận	Khu vực Nam Trung Bộ	29,865
17	Phước Bình	Ninh Thuận	Khu vực Nam Trung Bộ	19,814
18	Côn Đảo	Bà Rịa Vũng Tàu	Khu vực miền Đông Nam bộ	19,990
19	Bù Gia Mập	Bình Phước	Khu vực miền Đông Nam bộ	25,926
20	Lò Gò Sa Mát	Tây Ninh	Khu vực miền Đông Nam bộ	19,156
21	Cát Tiên	Đồng Nai	Khu vực miền Đông Nam bộ	39,627
		Bình Phước	Khu vực miền Đông Nam bộ	4,193
		Lâm Đồng	Tây Nguyên	27,530
22	Chư Mom Rây	Kon Tum	Tây Nguyên	56,434
23	Kon Ka Kinh	Gia Lai	Tây Nguyên	42,057
24	Yok Đôn	Đắk Lắk Gia Lai	Tây Nguyên	113,853
25	Chư Yang Sin	Đắk Lắk	Tây Nguyên	66,980
26	Bidoup-Núi Bà	Lâm Đồng	Tây Nguyên	64,366
27	Mũi Cà Mau	Cà Mau	Đồng bằng sông Mê Kông	41,862
28	U Minh Hạ	Cà Mau	Đồng bằng sông Mê Kông	8,528
29	Phú Quốc	Kiên Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	29,136
30	Tràm Chim	Đồng Tháp	Đồng bằng sông Mê Kông	7,313
31	U Minh Thượng	Kiên Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	8,038
II	BẢO TỒN THIÊN NHIÊN			

1	Mường Nhé	Điện Biên	Vùng Tây Bắc	45,581
2	Hang Kia - Pà Cò	Hòa Bình	Vùng Tây Bắc	5,257
3	Ngọc Sơn - Ngổ Luông	Hòa Bình	Vùng Tây Bắc	15,890
4	Phu Canh	Hòa Bình	Vùng Tây Bắc	5,647
5	Thượng Tiến	Hòa Bình	Vùng Tây Bắc	5,873
6	Mường Tè	Lai Châu	Vùng Tây Bắc	33,775
7	Văn Bàn	Lào Cai	Vùng Tây Bắc	25,173
8	Copia	Sơn La	Vùng Tây Bắc	6,311
9	Sốp Cộp	Sơn La	Vùng Tây Bắc	18,020
10	Tà Xùa	Sơn La	Vùng Tây Bắc	16,553
11	Xuân Nha	Sơn La	Vùng Tây Bắc	18,116
12	Nà Hẩu	Yên Bái	Vùng Tây Bắc	16,950
13	Tây Yên Tử	Bắc Giang	Vùng Đông bắc	12,172
14	Kim Hỷ	Bắc Kạn	Vùng Đông bắc	14,772
15	Bát Đại Sơn	Hà Giang	Vùng Đông bắc	4,531
16	Bắc Mê	Hà Giang	Vùng Đông bắc	9,042,5
17	Du Già	Hà Giang	Vùng Đông bắc	11,540
18	Phong Quang	Hà Giang	Vùng Đông bắc	8,445,6
19	Tây Côn Lĩnh	Hà Giang	Vùng Đông bắc	15,043
20	Hữu Liên	Lạng Sơn	Vùng Đông bắc	8,293
21	Đồng Sơn Kỳ Thượng	Quảng Ninh	Vùng Đông bắc	15,110
22	Thần Sa - Phượng Hoàng	Thái Nguyên	Vùng Đông bắc	17,639
23	Chạm Chu	Tuyên Quang	Vùng Đông bắc	15,902
24	Na Hang	Tuyên Quang	Vùng Đông bắc	22,402
25	Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	Đồng bằng Sông Hồng	27,009
26	Vân Long	Ninh Bình	Đồng bằng Sông Hồng	2,736
27	Tiên Hải	Thái Bình	Đồng bằng Sông Hồng	12,500
28	Pù Hu	Thanh Hóa	Vùng Bắc Trung Bộ	23,028
29	Pù Luông	Thanh Hóa	Vùng Bắc Trung Bộ	17,172
30	Xuân Liên	Thanh Hóa	Vùng Bắc Trung Bộ	23,816
31	Pù Hoạt	Nghệ An	Vùng Bắc Trung Bộ	35,723
32	Pù Huống	Nghệ An	Vùng Bắc Trung Bộ	40,187
33	Kẻ Gỗ	Hà Tĩnh	Vùng Bắc Trung Bộ	21,759
34	Bắc Hương Hóa	Quảng Trị	Vùng Bắc Trung Bộ	23,456
35	Đakrông	Quảng Trị	Vùng Bắc Trung Bộ	40,526
36	Cồn Cỏ	Quảng Trị	Vùng Bắc Trung Bộ	4,532
37	Phong Điền	Thừa Thiên Huế	Vùng Bắc Trung Bộ	41,509
38	An Toàn	Bình Định	Vùng Bắc Trung Bộ	22,545
39	Núi Ông	Bình Thuận	Vùng Bắc Trung Bộ	23,834
40	Tà Káu	Bình Thuận	Vùng Bắc Trung Bộ	8,047
41	Hòn Cau	Bình Thuận	Vùng Bắc Trung Bộ	12,500
42	Hòn Bà	Khánh Hòa	Vùng Bắc Trung Bộ	19,286
43	Vịnh Nha Trang	Khánh Hòa	Vùng Bắc Trung Bộ	15,000
44	Không Trai	Phú Yên	Vùng Nam trung bộ	13,775

45	Bán đảo Sơn Trà	Đà Nẵng	Vùng Nam trung bộ	3,871
46	Bà Nà - Núi Chúa	Đà Nẵng	Vùng Nam trung bộ	27,981
47	Bà Nà - Núi Chúa	Quảng Nam	Vùng Nam trung bộ	2,753
48	Cù Lao Chàm	Quảng Nam	Vùng Nam trung bộ	8,265
49	Sông Thanh	Quảng Nam	Vùng Nam trung bộ	75,274
50	Ngọc Linh	Quảng Nam	Vùng Nam trung bộ	17,576
51	Ngọc Linh	Kon Tum	Khu vực Tây nguyên	38,110
52	Ea Sô	Đắk Lắk	Khu vực Tây nguyên	24,017
53	Nam Ca	Đắk Lắk	Khu vực Tây nguyên	21,912
54	Nam Nung	Đắk Nông	Khu vực Tây nguyên	12,308
55	Tà Đùng	Đắk Nông	Khu vực Tây nguyên	17,915
56	Kon Chư Răng	Gia Lai	Khu vực Tây nguyên	15,446
57	Bình Châu - Phước Bửu	Bà Rịa-Vũng Tàu	Khu vực miền nam đông bộ	10,905
58	Vĩnh Cửu	Đồng Nai	Khu vực miền nam đông bộ	53,850
59	Ấp Canh Điền	Bạc Liêu	Đồng bằng sông Mê Kông	363
60	Hòn Chông	Kiên Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	965
61	Láng Sen	Long An	Đồng bằng sông Mê Kông	5,030
62	Thanh Phú	Bến Tre	Đồng bằng sông Mê Kông	2,584
63	Long Khánh	Trà Vinh	Đồng bằng sông Mê Kông	868,1
64	Lung Ngọc Hoàng	Hậu Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	2,805
III	Khu bảo tồn hệ sinh thái/loài			
	Chế Tạo	Yên Bái	Tây Bắc	20,108
2	Khau Ca	Hà Giang	khu vực Đông Bắc	2,010
3	Nam Xuân Lạc	Bắc Kạn	khu vực Đông Bắc	1,788
4	Trùng Khánh	Cao Bằng	khu vực Đông Bắc	9,574
5	Sến Tam Quy	Thanh Hóa	North Central Region	519
6	Hương Nguyên	Thừa Thiên Huế	North Central Region	10,311
7	KBT Sao La	Thừa Thiên Huế	North Central Region	15,520
8	KBT Sao La	Quảng Nam	South Central Region	15,822
9	Đắk Uy	Kon Tum	Khu vực Tây nguyên	660
10	Ea Ral	Đắk Lắk	Khu vực Tây nguyên	49
11	Tráp Ksor	Đắk Lắk	Khu vực Tây nguyên	100
12	Sân Chim đầm Dơi	Cà Mau	Đồng bằng sông Mê Kông	130
13	Vườn Chim Bạc Liêu	Bạc Liêu	Đồng bằng sông Mê Kông	127
14	KBT sinh thái Đồng Tháp Mười	Tiền Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	107
15	KBT biển Phú Quốc	Kiên Giang	Đồng bằng sông Mê Kông	2,881
16	Hòn Khoai islands	Cà Mau	Đồng bằng sông Mê Kông	621
VI	Khu vực cảnh quan cần được bảo vệ			
1	Suối Mỡ AREA	Bắc Giang	khu vực Đông Bắc	1,207
2	Bản Giốc	Cao Bằng	khu vực Đông Bắc	566
3	Lam Sơn	Cao Bằng	khu vực Đông Bắc	75
4	Núi Lãng Đồn	Cao Bằng	khu vực Đông Bắc	1,149
5	Pắc Bó	Cao Bằng	khu vực Đông Bắc	1,137
6	Thăng Hen	Cao Bằng	Khu vực Đông Bắc	372

7	Trần Hưng Đạo	Cao Bằng	Khu vực Đông Bắc	1,143
8	Mường Phăng	Điện Biên	TB	10,049
9	Đền Hùng	Phú Thọ	Khu vực Đông Bắc	538
10	Núi Nả	Phú Thọ	Khu vực Đông Bắc	670
11	Yên Lập	Phú Thọ	Khu vực Đông Bắc	330
12	Yên Tử	Quảng Ninh	Khu vực Đông Bắc	2,783
13	ATK Định Hóa	Thái Nguyên	Khu vực Đông Bắc	8,758
14	Đá Bàn	Tuyên Quang	Khu vực Đông Bắc	120
15	Kim Bình	Tuyên Quang	Khu vực Đông Bắc	210,8
16	Tân Trào	Tuyên Quang	Khu vực Đông Bắc	4,187
17	Chùa Thầy	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	17
18	Hương Sơn	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	3,760
19	K9 - Lăng Hồ Chí Minh	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	234
20	Vật Lại	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	10
21	Đồng Mô - Ngải Sơn	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	900
22	Sóc Sơn	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	12
23	Hồ Suối Hai	Hà Nội	Đồng bằng Sông Hồng	1,200
24	Côn Sơn Kiếp Bạc	Hải Dương	Đồng bằng Sông Hồng	1,217
25	Kinh Môn	Hải Dương	Đồng bằng Sông Hồng	323
26	Đồ Sơn	Hải Phòng	Đồng bằng Sông Hồng	228
27	Hoa Lư	Ninh Bình	Đồng bằng Sông Hồng	2,985
28	Đền Bà Triệu	Thanh Hóa	Khu vực Bắc Trung Bộ	434
29	Hàm Rồng	Thanh Hóa	Khu vực Bắc Trung Bộ	216
30	Lam Kinh	Thanh Hóa	Khu vực Bắc Trung Bộ	170
31	Núi Chung	Nghệ An	Khu vực Bắc Trung Bộ	628
32	Thần Đình (Chùa non)	Quảng Bình	Khu vực Bắc Trung Bộ	136
33	Rú Lệnh	Quảng Trị	Khu vực Bắc Trung Bộ	270
34	Đường Hồ Chí Minh	Quảng Trị	Khu vực Bắc Trung Bộ	5,680
35	Nam Hải Vân	Đà Nẵng	Khu vực Bắc Trung Bộ	3,397
36	Núi Bà	Bình Định	Khu vực Nam Trung Bộ	2,384
37	Orange garden of Nguyễn Huệ King	Bình Định	Khu vực Nam Trung Bộ	752
38	Quy Hòa-Ghềnh Ráng	Bình Định	Khu vực Nam Trung Bộ	2,163
39	Đèo Cà-Hòn Nưa	Phú Yên	Khu vực Nam Trung Bộ	5,784
40	Núi Thành	Quảng Nam	Khu vực Nam Trung Bộ	111
41	Mỹ Sơn	Quảng Nam	Khu vực Nam Trung Bộ	1,081
42	Nam Trà My	Quảng Nam	Khu vực Nam Trung Bộ	49
43	Đray Sáp-Gia Long	Đắk Nông	Tây nguyên	1,515
44	Hồ Lắk	Đắk Lắk	Tây nguyên	10,284
45	Căn cứ Đồng Rùm	Tây Ninh	Khu vực Nam Đông Bộ	32
46	Căn cứ Châu Thành	Tây Ninh	Khu vực Nam Đông Bộ	190
47	Chàng Riệc	Tây Ninh	Khu vực Nam Đông Bộ	10,711
48	Núi Bà Đen	Tây Ninh	Khu vực Nam Đông Bộ	1,761
49	Núi Bà Rá	Bình Phước	Khu vực Nam Đông Bộ	1,056

50	Núi Sam	An Giang	Đồng bằng sông Mekong	171
51	Thoại Sơn	An Giang	Đồng bằng sông Mekong	371
52	Trà Sư	An Giang	Đồng bằng sông Mekong	1,050
53	Tức Dụ	An Giang	Đồng bằng sông Mekong	200
54	Xẻo Quýt	Đồng Tháp	Đồng bằng sông Mekong	61
55	Gò Tháp	Đồng Tháp	Đồng bằng sông Mekong	290

Phụ lục 4: Những cân nhắc về môi trường, các biện pháp giảm thiểu trong phát triển**ĐƯỜNG BỘ NÔNG THÔN VÀ CẦU****Bảng 4.1 Những cân nhắc về môi trường trong quá trình FS và thiết kế chi tiết**

Giai đoạn	Nội dung thực hiện	Phương pháp giám sát	AI, khi nào giám sát
Lựa chọn địa điểm	Chọn địa điểm xây đường và cầu, mô vật liệu và mô đá, và bất kỳ công trường nào sẽ có nhiều khả năng gây xáo trộn trong quá trình xây dựng và / hoặc giai đoạn vận hành sẽ tránh các khu vực nhạy cảm về môi trường và xã hội được liệt kê trong Phụ lục 1 - tiêu chí sàng lọc	Kiểm tra khoảng cách giữa địa điểm các tiêu dự án và các địa điểm xã hội / môi trường gần nhất	PMU tỉnh, ở giai đoạn lựa chọn địa điểm
Thiết kế kỹ thuật	<i>tích hợp Tiêu chuẩn môi trường vào thiết kế kỹ thuật</i> <i>Các yêu cầu cụ thể về môi trường đối với thiết kế kỹ thuật: các mục được liệt kê dưới đây được bao gồm</i>	Kiểm tra dự thảo và các phiên bản cuối cùng của bản vẽ, bảng tiên lượng, bảng tính toán chi phí	PMU tỉnh CPO
Chuẩn bị tài liệu đấu thầu	Các yêu cầu cụ thể về môi trường để ước lượng chi phí và tài liệu đấu thầu: thông tin có liên quan đến tác động môi trường và biện pháp giảm thiểu trong quá trình chuẩn bị dự án và xây dựng phải được thể hiện trong hồ sơ dự thầu	Kiểm tra dự toán, hồ sơ mời thầu	CPO, PMU tỉnh
Vận hành	Bùn thải từ nhà máy xử lý nước, nếu có, không được tái sử dụng để trồng cây lương thực vì có thể chứa hóa chất nặng như nhôm từ hóa chất xử lý nước. Chỉ có thể được sử dụng để san lấp mặt đất hoặc làm gạch vv Các hộ gia đình phải làm sạch cống thường xuyên, đảm bảo rằng không có nước đọng xung quanh các khu vực giặt rửa		

Bảng 4.2 – Các quy tắc hành nghề đối với môi trường, quy tắc ứng xử trong lao động (để đưa vào tài liệu đấu thầu của các hợp đồng bảo trì đường bộ)

Giai đoạn xây dựng

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Bụi	- Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam có liên quan đến chất lượng môi trường không khí xung quanh - Nhà thầu phải đảm bảo rằng bụi được giảm thiểu để không là một mối phiền toái của cư dân địa phương, nhà thầu cần thực hiện một chương trình kiểm soát bụi để duy trì một môi trường làm việc an toàn và giảm thiểu phiền toái cho khu dân cư xung quanh - Nhà thầu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi (ví dụ như sử dụng xe phun nước để làm sạch đường phố) theo yêu cầu. - Đóng vật liệu sẽ được bao phủ phù hợp và đảm bảo quá trình vận chuyển để ngăn chặn sự rải rác của đất, cát, vật liệu, hoặc bụi. - Đất và vật liệu dự trữ phải được bảo vệ để chống lại sự xói mòn của gió và vị trí của các kho dự trữ sẽ được xem xét dựa trên các hướng gió thịnh hành và địa điểm của

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	các khu vực nhạy cảm.
Ô nhiễm không khí	- Tất cả các xe phải tuân thủ các quy định Việt Nam về việc kiểm soát giới hạn cho phép của khí thải. - Phương tiện đi lại trong Việt Nam phải trải qua một cuộc kiểm tra khí thải thường xuyên và được cấp chứng nhận: "Giấy chứng nhận tuân thủ chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường" theo Quyết định số 35/2005 - Không nên đốt chất thải hoặc vật liệu tại chỗ
Tác động từ tiếng ồn và độ rung	- Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam liên quan đến tiếng ồn và độ rung - Tất cả các xe phải có "Giấy chứng nhận tuân thủ chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường" theo Quyết định số 35/2005 / QĐ-BGTVT; để tránh gây ra tiếng ồn quá mức từ máy móc đc bảo vệ kém - Khi cần thiết, các biện pháp để giảm tiếng ồn đến mức vừa phải nên được thực hiện và có thể bao gồm bộ giảm thanh, tấm vang âm ướt hoặc đặt các máy gây ồn tại các khu vực được bảo vệ khỏi âm thanh.
Ô nhiễm nước	- Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam có liên quan đến nước thải và nguồn nước. - Nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh di động phải được cung cấp cho công nhân xây dựng. Nước thải từ nhà vệ sinh cũng như nhà bếp, nhà tắm, chậu rửa phải được xả vào hệ thống thoát nước thành phố; không nên có sự phóng điện trực tiếp đến bất kỳ bộ phận nước nào - Nước thải quá giá trị cho phép theo tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam quy định phải được thu thập trong một bể và gỡ bỏ bằng những người thu gom chất thải có giấy phép - Trước khi xây dựng, tất cả các hợp đồng xử lý nước thải có giấy phép / giấy phép cần thiết phải được thu thập - Khi hoàn thành công trình xây dựng, các bể thu nước và bể gây thổi phải được bao phủ và phong tỏa.
Thoát nước và kiểm soát bồi lắng	- Nhà thầu phải thực hiện theo các thiết kế chi tiết hệ thống thoát nước đc bao gồm trong kế hoạch xây dựng nhằm ngăn chặn nước mưa gây ra ngập lụt cục bộ hoặc cọ rửa sườn núi và các vùng đất không được bảo vệ, gây ra nhiều trầm tích nặng ảnh hưởng đến nguồn nước địa phương. - Đảm bảo hệ thống thoát nước luôn được duy trì sạch bùn và các vật cản khác. - Các khu vực không bị quấy rầy bởi các hoạt động xây dựng phải được duy trì trong điều kiện hiện có của họ. - Công việc làm đất, cắt, và lấp kín đồi dốc phải được duy trì đúng cách, phù hợp với thông số kỹ thuật xây dựng, bao gồm các biện pháp như lắp đặt các cống rãnh, sử dụng vỏ cây.

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	• Để tránh dòng chảy trầm tích có thể tác động xấu đến nguồn nước, cài đặt cấu trúc điều khiển trầm tích nơi cần thiết để làm chậm lại hoặc chuyển hướng dòng chảy và giữ lại phù sa cho đến khi thâm thực vật được thành lập. Cấu trúc điều khiển trầm tích có thể bao gồm giảm khai thác gỗ, gờ đá hoặc các lưu vực trầm tích, rơm, hệ thống bảo vệ đầu vào cống thoát nước mưa, hoặc hàng rào bụi cây. -Trong các trường hợp hoạt động xây dựng yêu cầu công việc phải được thực hiện trong nguồn nước (ví dụ như xây dựng cống hoặc cầu vượt, xây dựng bức tường, các công trình chống xói mòn), nơi làm việc phải được khử nước để cung cấp điều kiện làm việc khô ráo. Các nước đầy bùn được bơm từ các khu vực làm việc phải được thải ra để xử lý trước khi tái chảy vào dòng. • Trích dòng suối hoặc xây dựng các đê tạm thời sẽ cần những biện pháp giảm thiểu cụ thể trong EMP.
Quản lý kho dự trữ, khai thác đá, và mỏ vật	• Mỏ vật liệu hoặc các kho dự trữ quy mô lớn sẽ cần các biện pháp cụ thể hơn là những điều trong các quy tắc môi trường thực tiễn • Tất cả các địa điểm được sử dụng phải được xác định trước đó trong các thông số kỹ thuật xây dựng được duyệt. Các khu vực nhạy cảm như danh lam thắng cảnh, khu vực sinh cảnh tự nhiên, các khu vực gần các thụ thể nhạy cảm, hoặc các khu vực gần nước nên tránh. • Một con mương được xây dựng xung quanh các khu vực có kho dự trữ để chặn nước thải. • Kho dự trữ đất mặt khi lần đầu tiên đào một hố đất và sử dụng nó sau này để khôi phục diện tích các điều kiện tự nhiên gần. • Nếu cần thiết, các khu vực xử lý bao gồm một tường chắn. • Nếu cần thiết, các khu vực mới có trong quá trình xây dựng phải được chấp thuận trước bằng Kỹ sư Xây dựng. • Nếu chủ đất bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng các khu vực của họ để cho các kho dự trữ hoặc mỏ vật liệu, họ phải được bao gồm trong kế hoạch tái định cư của dự án. • Nếu các con đường vào là cần thiết, chúng phải được xem xét trong đánh giá môi trường.
Chất thải rắn	• Trước khi xây dựng một quy trình kiểm soát chất thải rắn (lưu trữ, cung cấp các thùng, dự án làm sạch khu vực, vv) phải được chuẩn bị bởi các nhà thầu và phải được theo dõi cẩn thận trong quá trình hoạt động xây dựng. • Trước khi xây dựng, tất cả các giấy phép xử lý chất thải cần thiết hoặc giấy phép phải được thu được. • Các biện pháp được thực hiện để làm giảm khả năng cho việc xả rác và hành vi bất cẩn liên quan đến việc xử lý rác thải. Tại tất cả các nơi làm việc, nhà thầu phải cung cấp thùng rác, thùng chứa • rác thải có thể được tạm thời được lưu trữ trong một khu vực được sự chấp thuận của tư vấn giám sát xây dựng và chính quyền địa phương có liên quan trước khi thu thập và xử lý thông qua một tổ chức thu gom chất thải có giấy phép, ví dụ, URENCO

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	• các xe lưu trữ chất thải được che đậy, bảo vệ khỏi thời tiết xấu và động vật ăn xác thối • Không đốt, chôn lấp hoặc đổ chất thải rắn ra khu vực • Vật liệu tái chế như tấm gỗ cho các công trình, thép, vật liệu giàn giáo, khu vực của tổ chức, vật liệu bao bì, sẽ được thu thập và tách ra từ các nguồn chất thải khác để tái sử dụng hoặc để bán. • Nếu không được dời đi, chất thải rắn hoặc rác xây dựng phải được xử lý tại các địa điểm xác định và chấp thuận của tư vấn giám sát xây dựng và đưa vào kế hoạch. Trong mọi trường hợp nhà thầu không được xử lý vật liệu trong khu vực nhạy cảm với môi trường, chẳng hạn như trong lĩnh vực môi trường sống tự nhiên hoặc kênh rạch
Hóa học hoặc chất thải nguy hại	• Bất cứ loại chất thải hóa học nào sẽ được xử lý tại một bãi chôn lấp thích hợp đã được phê duyệt và phù hợp với yêu cầu luật pháp địa phương. Nhà thầu phải có giấy chứng nhận xử lý cần thiết. • Việc loại bỏ các vật liệu có chứa amiăng hoặc các chất độc hại khác phải được thực hiện và được xử lý bởi các công nhân được đào tạo đặc biệt và được chứng nhận. • Dầu đã qua sử dụng sẽ được loại bỏ và bán cho một công ty tái chế dầu đã được phê duyệt sử dụng • dầu qua sử dụng, dầu nhớt, vật liệu làm sạch từ việc duy trì các phương tiện và máy móc phải được thu thập trong bồn chứa và gỡ bỏ khỏi khu vực của một công ty tái chế dầu chuyên biệt để xử lý tại một khu chất thải nguy hại đã được phê duyệt. • dầu đã qua sử dụng hoặc các vật liệu nhiễm dầu có thể chứa các chất hóa học độc hại phải được lưu trữ an toàn để tránh bất kỳ sự rò rỉ hoặc ảnh hưởng đến công nhân. Các Sở tài nguyên môi trường địa phương phải được liên hệ để được hướng dẫn thêm. • Nhựa đường chưa sử dụng hoặc bị bỏ phải được trả lại cho nhà máy sản xuất của nhà cung cấp. • Các cơ quan liên quan sẽ được thông báo nếu có bất kỳ sự việc nào xảy ra • Hóa chất phải được lưu trữ một cách thích hợp và có dán nhãn thích hợp • Các chương trình truyền thông và đào tạo thích hợp nên được đưa ra để nâng cao nhận thức cho công nhân để phản ứng lại với hóa chất nguy hiểm tại nơi làm việc Chuẩn bị và thực hiện hành động khắc phục hậu quả của bất kỳ sự tràn hoặc sự cố nào. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp báo cáo giải thích lý do cho sự cố tràn dầu hoặc sự việc, hành động khắc phục hậu quả được thực hiện, hậu quả / thiệt hại từ vụ tràn dầu, và đề xuất biện pháp khắc phục.
Quản lý một lượng nhỏ bùn	• Kế hoạch nạo vét nên được thành lập bao gồm cả thời gian tiến độ, báo cáo phương pháp để đáp ứng các yêu cầu về an toàn giao thông, y tế công cộng và vệ sinh môi trường. Để đảm bảo nạo vét đó là phù hợp với các quy định về môi trường, các nhà sản xuất quan trọng quyết định (chính quyền địa phương, Sở TN & MT, công ty tiện ích, vv) phải tham gia và đồng thuận trong từng thời điểm quyết định trong tiến trình dẫn đến việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch . • Đặc điểm của bùn / trầm tích nên được xác định bằng cách lấy mẫu và phân tích nếu

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	chưa được đánh giá đầy đủ trong quá trình đánh giá tác động môi trường. Bùn bị ô nhiễm nặng sẽ đòi hỏi các biện pháp mà đi vượt ra ngoài phạm vi của những quy tắc môi trường thực tiễn • Đảm bảo rằng các kế hoạch quản lý vật liệu nạo vét cân nhắc đến môi trường trong việc xác định các lựa chọn thay thế ngắn hạn và thanh lý dài hạn, xem xét các phương pháp để giảm nạo vét, và tối đa hóa việc sử dụng có lợi của vật liệu nạo vét. • công việc nạo vét nên được tiến hành khi lưu lượng nước cao để cho phép các vật liệu nạo vét có thể được tách ra thành các trầm tích và các nước trên bề mặt (làm mồi) • Ngâm triết từ vật liệu nạo vét không nên được phép đi vào nguồn nước mà không lọc hay xử lý thích hợp. • Thu thập các vật liệu nạo vét đã được xử lý, theo quy định của Việt Nam về thu gom rác thải, để đảm bảo an toàn và an toàn với môi trường vận chuyển, lưu trữ, xử lý và quản lý • Những người liên quan trong việc xử lý bùn nên có kiến thức chuyên ngành và có giấy chứng nhận. Hướng dẫn cấp giấy chứng nhận xử lý bùn tại Thông tư số 12/2011 / TT-BTNMT về quản lý chất độc hại • Bãi chôn lấp vệ sinh phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, dựa trên mức độ ô nhiễm tiềm năng.
Quản lý vỏ thực vật	• Nhà thầu phải chuẩn bị một thông quan, kế hoạch quản lý phục hồi hệ thực vật trước khi được chấp thuận của kỹ sư xây dựng. Kế hoạch giải phóng mặt bằng phải được sự chấp thuận của tư vấn giám sát xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt. Khu vực cần làm sạch nên được giảm thiểu càng nhiều càng tốt. • Nhà thầu phải loại bỏ lớp mặt đất từ tất cả các lĩnh vực mà đất mặt sẽ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động về phục hồi chức năng, bao gồm cả hoạt động tạm thời như lưu giữ và tàng trữ, vv .; lớp mặt đất sẽ được dự trữ trong khu vực đã thống nhất với tư vấn giám sát xây dựng để sử dụng sau này và được bảo vệ đầy đủ. • Sự áp dụng hóa chất vào việc loại bỏ thực vật không được cho phép. • Ngăn cấm cắt cây trừ khi điều này nằm trong kế hoạch được phép • Khi cần thiết, lắp dựng hàng rào bảo vệ tạm thời để bảo vệ hiệu quả các cây trước khi bắt đầu bất kỳ công trình trong phạm vi khu vực • Khu vực có tầm quan trọng như một nguồn tài nguyên sinh thái không nên bị quấy rầy, trừ khi có sự cho phép trước từ công ty cổ phần hóa chất Việt Nam. Điều này có thể bao gồm các khu vực chăn nuôi hay thức ăn của các loài chim và động vật, khu vực sinh sản cá, hoặc bất kỳ khu vực được bảo vệ như một không gian xanh. • Nhà thầu phải đảm bảo rằng sự săn bắn, bẫy, bắn súng, ngộ độc của động vật không được diễn ra.
Quản lý giao thông	• Trước khi xây dựng, tham khảo ý kiến chính quyền địa phương, cộng đồng và với cảnh sát giao thông. • Gia tăng đáng kể về số lượng các chuyến xe phải được bao gồm trong kế hoạch xây dựng được duyệt trước đó. Định tuyến, đặc biệt là các loại xe hạng nặng, cần phải đưa vào tài khoản các khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện, và các thị

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	trường. • Lắp đặt đèn vào ban đêm phải được thực hiện nếu điều này là cần thiết để đảm bảo lưu thông an toàn. • Đặt biển báo dấu hiệu xung quanh các khu vực xây dựng để tạo điều kiện cho phong trào giao thông, cung cấp hướng dẫn cho các thành phần khác nhau của các công trình, và cung cấp lời khuyên an toàn và cảnh báo. • Sử dụng các biện pháp kiểm soát giao thông an toàn, bao gồm biển báo ở cả đường / sông / kênh để cảnh báo về tình trạng nguy hiểm. • Tránh vận chuyển vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm. • Lối đi cho người đi bộ và xe trong và ngoài khu vực xây dựng nên được tách riêng để cung cấp đường đi dễ dàng, an toàn và phù hợp. Biển hiệu phải được cài đặt một cách thích hợp trong cả đường thủy và đường bộ nếu cần thiết.
Phục hồi các vùng bị ảnh hưởng	• Phá hủy các lĩnh vực như mỏ vật liệu, khu vực xử lý, cơ sở vật chất, lán trại công nhân, kho dự trữ khu vực, nền tảng làm việc và bất kỳ vùng tạm chiếm trong xây dựng không còn sử dụng của dự án công trình và thay vào đó là cảnh quan, đầy đủ hệ thống thoát nước và tái phủ xanh. • Bắt đầu tái trồng cây vào dịp sớm nhất. Loài thực vật bản địa thích hợp được chọn để trồng và phục hồi địa hình tự nhiên. • Đất và sườn khai quật sẽ được tái cấu trúc để ổn định mái dốc, và trồng cỏ chống xói mòn • Tất cả các khu vực bị ảnh hưởng cần phải khắc phục hậu quả thì cần phải tiến hành không chậm trễ, kể cả khu vực xanh, đường xá, cầu cống và các công trình khác hiện có • Cây xanh sẽ được trồng tại đất lộ và trên các sườn dốc để ngăn ngừa hoặc làm giảm sự sụp đổ đất và giữ ổn định của sườn dốc • Đất bị ô nhiễm với hóa chất hoặc các chất nguy hại được loại bỏ và vận chuyển, chôn trong khu vực xử lý chất thải. • Khôi phục tất cả các con đường bị hư hỏng và các cầu do hoạt động của dự án
Công nhân và cộng đồng an toàn	• Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các quy định về an toàn lao động Việt Nam • Lập và thực hiện kế hoạch hành động để đối phó với rủi ro và tình trạng khẩn cấp • Chuẩn bị các dịch vụ cứu trợ khẩn cấp tại công trường xây dựng • Đào tạo công nhân về các quy định an toàn lao động • Nếu nổ xảy ra, các biện pháp giảm thiểu bổ sung và biện pháp phòng ngừa an toàn phải được nêu trong Bom Xung Điện Từ. • Đảm bảo rằng vật liệu kiểm soát âm thanh được cung cấp và sử dụng bởi những người lao động phải sử dụng máy ồn ào như đóng cọc, máy nổ, trộn, vv, để kiểm soát tiếng ồn và bảo vệ người lao động. • Trong quá trình phá hủy cơ sở hạ tầng hiện có, công nhân và công chúng nói chung phải được bảo vệ khỏi các mảnh vỡ bằng các biện pháp như: máng trượt, điều khiển giao thông, và sử dụng các khu truy cập bị hạn chế.

Vấn đề/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	• Cài đặt hàng rào, rào cản, cảnh báo nguy hiểm, cấm xung quanh khu vực xây dựng có mối nguy hiểm tiềm tàng cho dân công lao động • Các nhà thầu phải cung cấp các biện pháp an toàn khi lắp đặt hàng rào, rào cản dấu hiệu cảnh báo, hệ thống chiếu sáng chống tai nạn giao thông cũng như rủi ro khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm. • Nếu sự đánh giá trước đây chỉ có thể là vật liệu chưa nổ (UXO), giải phóng mặt bằng phải được thực hiện bởi nhân viên có trình độ và được duyệt bởi các Kỹ sư xây dựng. • Thực hiện theo Ngân hàng Thế giới Nhóm Môi trường, Y tế và An toàn (EHS) tại: http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/
Khả năng tìm thấy các thủ tục	Nếu nhà thầu phát hiện ra địa điểm khảo cổ, di tích lịch sử, di tích và các đối tượng, bao gồm cả nghĩa địa và / hoặc phần mộ riêng lẻ trong quá trình đào, xây dựng, nhà thầu có trách nhiệm: • Dừng các hoạt động xây dựng tại các khu vực đó • Phác họa khu vực đó • Bảo vệ các khu vực để ngăn chặn bất kỳ thiệt hại hoặc sự mất mát của các vật dễ tháo rời. Trong trường hợp mất đồ cổ hoặc hài cốt nhạy cảm, người bảo vệ ban đêm có trách nhiệm sắp xếp đến gặp chính quyền địa phương hoặc Cục Quản lý văn hóa quốc gia để chịu trách nhiệm • Thông báo cho các cán bộ môi trường Dự án để thông báo cho chính quyền địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngay lập tức (trong vòng 24 giờ hoặc ít hơn); • Chính quyền địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn các khu vực trước khi đưa ra quyết định thích hợp tiếp theo. Điều này đòi hỏi đánh giá sơ bộ kết quả được thực hiện bởi các nhà khảo cổ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện nên được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau có liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học, nghiên cứu, xã hội và kinh tế; • Quyết định về việc làm thế nào để xử lý các khu vực tìm thấy này sẽ được thực hiện bởi các cơ quan và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (chẳng hạn như khi tìm kiếm một di tích khảo cổ học không thể rời chuyển), bảo tồn, bảo quản, phục hồi và cứu hộ; • Thực hiện các quyết định liên quan đến việc quản lý khu vực tìm thấy sẽ được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng của địa phương; • Công trình xây dựng sẽ được tiếp tục khi được phép của cơ quan có trách nhiệm của địa phương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về bảo vệ di sản.

Tiêu chuẩn ứng xử của công nhân

1. Tất cả các công nhân và nhà thầu phụ phải tuân thủ pháp luật và các quy định của Việt Nam.
2. Chất gây nghiện bất hợp pháp, vũ khí và súng là bị cấm.

3. Vật liệu khiêu dân và cờ bạc là bị cấm.
4. Không được đánh nhau, cãi nhau ở nơi làm việc
5. Người lao động không được phép săn, câu cá hoặc buôn bán động vật hoang dã.
6. Không ăn thịt rừng trong trại.
7. Không cho phép nuôi vật nuôi trong trại.
8. Không được phép gây phiền hà và làm nhiễu đến cộng đồng
9. Phải tôn trọng những truyền thống hải quan địa phương
10. Không được hút thuốc tại nơi làm việc.
11. Đáp ứng các tiêu chuẩn về ăn mặc và vệ sinh
12. Đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh thích hợp tại các khu ăn nghỉ được thiết lập tại chỗ.
13. Lực lượng lao động trong trại đến thăm các cộng đồng địa phương phải hành xử một cách phù hợp với các quy tắc ứng xử
14. Việc không tuân thủ các quy tắc ứng xử, hoặc các luật lệ, quy định và thủ tục tại trại xây dựng sẽ bị kỷ luật.

Mẫu bản ghi chi tiết môi trường kỹ thuật đối với xây dựng cầu đường (để đưa vào hồ sơ mời thầu của hợp đồng xây dựng / tái thiết kế cầu)

Các hoạt động sau đây được bao gồm trong phần này:

- Xử lý Chất liệu khai quật ngoài khu vực
- Làm sạch và nghiền rác thải trong khu vực
- Sử dụng và lấp hố
- Cải đặt lại dịch vụ
- Kiểm soát Bụi
- Kiểm soát tiếng ồn và rung
- Xử lý nhiên liệu và dầu trơn
- Tuyển lao động không có kỹ năng
- Các vấn đề an toàn sức khỏe của công nhân
- Nhận thức về AIDS / HIV
- Phát hiện di tích văn hóa khảo cổ
- Sử dụng nhiên liệu Gỗ
- An toàn đường bộ

Vật liệu được xử lý và khai quật ngoài vùng

Mô tả: Đất, đá, vật liệu khai quật cần phải được xử lý ngoài vùng. Hoạt động này quan tâm đến cách xử lý của vật liệu ngoài vùng

Thủ tục: Tất cả các nguyên liệu khai quật chỉ có thể được xử lý ở khu vực đã được phê duyệt. Nếu đây là đất tư nhân thì nhà thầu phải có được sự chấp thuận của người cư ngụ. Nếu là đất công thì phải được các tổ chức chính phủ giám sát. Đây có thể là UBND tỉnh hoặc UBND huyện. Để xử lý trên tài sản đất công, Nhà thầu phải có một bản sao của khu vực đó được ban hành bởi các cơ quan chính phủ có liên quan. Bản được giao cho các kỹ sư và lưu giữ trong hồ sơ của mình. Để xử lý trên đất tư nhân hoặc cộng đồng, Kỹ sư là cần thiết để phê duyệt các khu vực

Phương pháp xây dựng: Khi tất cả nguyên liệu được lấy ra, khu vực xử lý phải được đưa về vị trí ban đầu và không bị xói mòn. Điều này đòi hỏi san lấp mặt bằng và làm mịn các vật liệu chất đồng để khu vực có thể ráo nước một cách chính xác.

Loại bỏ, xử lý và ổn định chất thải được khai quật tại một khu vực ngoài vùng là trách nhiệm của nhà thầu và không được dự trù kinh phí riêng biệt. Chi phí bao gồm như là một phần của các hoạt động mà tạo ra các vật liệu phế thải được khai quật. Thanh toán cuối cùng để các nhà thầu có thể giữ lại cho đến khi các khu vực xử lý chất thải đã được ổn định.

LÀM SẠCH KHU VỰC VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mô tả: Khi bất kỳ hoạt động xây dựng nào được hoàn thành là phải được làm sạch và loại bỏ tất cả các chất thải. Điều này được áp dụng cho cả hai hạng mục công trình lớn và nhỏ. Xử lý chất thải có thể bao gồm các loại đất đá, túi nhựa, bìa các tông, túi xi măng, cốt thép bị cắt, vữa,... không sử dụng hoặc đổ bê tông, nhựa đường, nhiên liệu trống, máy móc, thiết bị. những vật liệu này cần được làm sạch, gỡ bỏ và xử lý một cách thích hợp. hoạt động này quan tâm đến vấn đề làm thế nào để xử lý rác thải để khu vực được dọn sạch sẽ

Thủ tục: Khi vật liệu không thể được tái chế hoặc thu thập bởi các đại lý phế liệu thì chúng chỉ có thể được xử lý ở một khu vực đã được phê duyệt. Nếu là đất tư nhân, nhà thầu phải có được sự chấp thuận của người cư ngụ. Nếu là trên đất công, việc xử lý vật liệu phải được các tổ chức chính phủ giám sát. Đây có thể là UBND tỉnh hoặc UBND huyện. Để xử lý trên tài sản đất công, Nhà thầu phải có một bản sao của khu vực đó được ban hành bởi các cơ quan chính phủ có liên quan. Bản được giao cho các kỹ sư và lưu giữ trong hồ sơ của mình. Để xử lý trên đất tư nhân hoặc cộng đồng, Kỹ sư là cần thiết để phê duyệt các khu vực

Cách thức thi công: Tất cả các vật đã được đưa lên tại công trường bởi nhà thầu phải được dọn sạch. Việc này bao gồm việc loại bỏ tất cả các vật liệu xốp, mềm và các vật bị gắn vào đất như xi măng, vữa xây dựng, các vết đổ của xăng dầu (vùng bị ô nhiễm). Tất cả các khu vực phải được dọn sạch sẽ hoặc những vùng ô nhiễm phải được đào lên và loại bỏ số đất bị nhiễm bẩn. Khu vực thi công phải ở trong điều kiện ổn định và không bị xói mòn. Nơi thi công có thể phải được **trát nhẵn** cho nên kết quả có thể chấp nhận được sau khi lập lại được hệ thống thoát nước. Những khu vực bị xáo trộn rộng, các kỹ sư sẽ chỉ đạo nhà thầu phủ xanh lại như đã hướng dẫn ở Activity 9D. Các kỹ sư sẽ giám sát và chấp nhận việc khu vực thi công đã được dọn sạch sẽ khi họ thấy vừa lòng.

Tất cả những vật liệu phế thải không thể tái sử dụng phải được vứt bỏ và xử lý tại khu vực vứt rác thải phù hợp. Các kỹ sư sẽ xác nhận khu vực vứt rác thải hợp lý.

Việc dọn, tháo dỡ, xử lý và làm ổn định khu vực thi công là trách nhiệm của nhà thầu và sẽ không được tính thêm phí riêng. Giá cả được tính vào 1 phần của hoạt động mà yêu cầu phải dọn dẹp sạch sẽ các vật liệu phế thải. Tiền công lần cuối cho nhà thầu sẽ có thể bị giữ lại cho đến khi khu vực thi công được dọn sạch.

Việc sử dụng và lấp các mỏ vật liệu

Mô tả: Các mỏ vật liệu là nguồn nguyên liệu để làm các vật liệu làm đường. Những mỏ vật liệu tư nhân mà nhà thầu mua vật liệu tại đó sẽ không cần phải được khôi phục lại. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn có trách nhiệm phải cho chủ sở hữu xem sự phê chuẩn về việc hoạt động tại mỏ vật liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nhà thầu chỉ được sử dụng nguyên liệu từ mỏ vật liệu đã được sự đồng ý của Sở tài nguyên và Môi trường. Nhà thầu bắt buộc phải đưa ra được bản photo của giấy phép phê chuẩn và phải đưa cho kỹ sư để ghi lại. Kỹ sư sẽ đồng ý về vị trí của mỏ vật liệu và giám sát các hoạt động khai thác của nhà thầu để nhằm mục đích an toàn.

Mỏ vật liệu cần phải cách ít nhất 500m với khu nhà ở để giảm thiểu bụi, tiếng ồn từ công trường. Bụi từ các mỏ vật liệu có thể ảnh hưởng đặc biệt đến công nhân. Nhà thầu cần áp dụng các biện pháp khử bụi tại các mỏ vật liệu nơi thuê lao động. Trong điều kiện bụi bẩn quá nhiều, nhà thầu phải cung cấp cho công nhân mặt nạ phòng bụi.

Cách thức thi công: Tại các mỏ vật liệu, nhà thầu cần phải:

- +Nhận dạng và phân ranh giới vị trí cho mỏ, phải chắc chắn rằng các mỏ cách 15m với những nơi nguy hiểm như dốc cao, vùng dễ bị xói mòn, vùng hút nước thẳng vào khối nước nhạy cảm. (trừ những địa điểm có kiến tạo tường đá bao xung quanh).

- +Giới hạn khai thác tài nguyên để mỏ vật liệu được chấp thuận và phân ranh giới.

- +Dự trữ lớp đất phủ khi mới mở mỏ vật liệu. Sau khi khai thác tất cả các vật liệu dùng được, phần đất dự trữ sẽ được dùng để trải vào chỗ khai thác và tạo bề mặt mịn, đồng nhất, dốc để ráo nước. Ở những vùng dốc, có bậc hoặc nền đất cao có thể phải được ghi rõ để giúp quản lý xói mòn.

+Lớp đất phủ thừa phải được làm ổn định và phủ xanh. Tại nơi hợp lý, rác thải hữu cơ và lớp đất phủ nên được sử dụng để trải lên vùng bị xáo trộn để tăng khả năng phủ xanh. Việc phủ xanh tự nhiên được khuyến khích để có tính khả thi trên diện rộng.

+Các hệ thống cống rãnh hiện có ở vùng bị tác động từ việc thi công phải được giữ không bị quá tải.

+Sau khi hoàn thành, tất cả những giác thái từ việc thi công phải được loại bỏ khỏi nơi thi công.

Nhà thầu sẽ trình ra kế hoạch cho mỏ vật liệu. Việc hoạt động ở mỏ vật liệu cần tuân theo các nguyên tắc:

+ Việc hoạt động phải được diễn ra ở khu vực riêng rẽ với những nơi có vật liệu quý đã được khai thác hết để tiện cho việc phục hồi.

+Việc quan trọng nhất là người thi công phải tính đến việc phục hồi lại trong lúc đang hoạt động khai thác. Kế hoạch cho việc phục hồi của mỏ phải có trước khi chấm dứt hoạt động. Bất cứ một kế hoạch nào về việc phục hồi cần phải bao gồm bản mô tả vắn tắt trước khi khởi công về đất, địa hình, hệ động thực vật, hệ thống thoát nước và giá trị bảo tồn.

+Các mỏ cần được hoạt động có nguyên tắc, hầu hết phải ở phía trên hoặc dưới dốc để những nơi thi công có thể được phục hồi và để phủ xanh mà không bị trở ngại gì.

+Tối thiểu hóa số vùng bị xáo trộn là cách tốt nhất để giảm xói mòn gây ra bởi bão, nước chảy và sự xâm nhập của cỏ. Cần có đánh dấu vùng hoạt động bằng cọc để chỉ rõ cho người sử dụng máy móc thi công tránh khỏi phần bên ngoài.

+lớp đất mặt thường là phần đất tối màu ở trên. Tuy chỉ sâu 10-30cm, nó bao gồm dưỡng chất, khoáng sản, hạt giống và vật chất hữu cơ giúp giữ nó lại với nhau. Ngay khi có thể, phần đất được đào lên cần được đặt ngay lên vùng đang phục hồi. Việc này nhằm tránh xếp chồng và xử lý kép phần đất.

+Nếu lớp đất mặt bắt buộc phải chắt chắt, phải nhớ rằng việc này sẽ làm giảm giá trị của đất. Những việc sau đây có thể giúp giữ giá trị của đất:

> Lớp đất mặt phải được giữ riêng biệt với lớp đất bồi, sỏi và các vật liệu khác; nếu có thể, các luống đất mặt không được cao quá 1m để giảm “chua”.

> Các đồng đất mặt phải được bảo vệ khỏi xói mòn.

- >Các thực vật mọc trên đất (cây bụi hay cỏ) giảm sự xói mòn và giữ các hoạt động sinh học trong đất.
- >Lớp đất mặt không được bị chôn xuống hay lái xe lên bởi việc này sẽ làm hỏng cấu trúc của đất.
- >Rác phải được giữ ở chỗ tách biệt.
- >tránh việc xử lý quá mức lớp đất mặt

Đóng và phục hồi mỏ vật liệu không tính giá riêng biệt và được bao gồm trong giá khai thác vật liệu từ mỏ. Nhà thầu không đặt lại được các mỏ vào tiêu chuẩn đề ra sẽ dẫn đến việc kỹ sư đảm nhận lại trách nhiệm, sử dụng các nguyên liệu khác và tất cả các phí tổn sẽ trừ vào tiền công của nhà thầu.

Việc sử dụng và đóng mỏ đá

Mô tả: Các mỏ đá được dung để lấy nguyên liệu đá cho mặt đường hoặc các hoạt động khác như lát đá, làm vách. Hoạt động này liên quan đến các thủ tục về mỏ, sử dụng và đóng mỏ đá mà nhà thầu mở ra. Ở những mỏ đá tư nhân mà nhà thầu mua nguyên liệu thì hoạt động này không cần áp dụng và nhà thầu không có trách nhiệm phải phục hồi những địa điểm này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn có trách nhiệm phải đưa ra những giấy phép của Sở tài nguyên và môi trường, cần thiết cho phép hoạt động ở mỏ đá cho người sở hữu mỏ.

Nhà thầu chỉ được lấy đá từ mỏ đã có sự cho phép của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nhà thầu bắt buộc phải đưa ra bản photo của giấy cấp phép cần thiết cho việc khai thác và đưa nó cho kỹ sư để ghi vào dữ liệu. Kỹ sư sẽ đồng ý về địa điểm của mỏ và giám sát an toàn ở mỏ khi nhà thầu khai mỏ và hoạt động.

Các mỏ đá cần cách ít nhất 500m với nhà dân để giảm bụi và tiếng ồn từ khu mỏ. Bụi từ mỏ ảnh hưởng đặc biệt tới công nhân. Nhà thầu cần áp dụng các biện pháp khử bụi từ mỏ nơi thuê lao động. Trong điều kiện bụi bẩn, nhà thầu cần cung cấp thêm cho công nhân mặt nạ chống bụi.

Nếu nhà thầu sử dụng chất nổ thì người đảm nhiệm việc cho nổ cần được cấp phép. Kỹ sư cần được cung cấp bản photo của giấy phép này kèm theo thông tin cá nhân của người dung chất nổ.

Cách thức thi công: Tại nơi mở mỏ đá, nhà thầu cần phải tách lớp đất mặt và di dời đến nơi phù hợp để tiện cho việc tái sử dụng khi đóng mỏ và phục hồi khu đất. Tại những nơi dốc cao và tầng đất mặt chưa được hình thành, kỹ sư sẽ bỏ

qua yêu cầu này. Nhà thầu phải giảm thiểu khu vực mở của mỏ bằng cách phục hồi dần những khu vực bị xáo trộn.

Vị trí của máy nghiền đá không được gần các nơi có môi trường nhạy cảm hoặc nơi có người ở và chỉ được hoạt động khi có các thiết bị kiểm soát bụi hợp lý. Việc rào lại có thể sẽ cần thiết xung quanh các máy nghiền đá và máy sàng. Các rào chắn vững chắc như vách bảo vệ cung cấp sự giảm tiếng ồn tốt nhất. Phụ thuộc vào các rào chắn bằng thực vật sẽ chỉ có thể làm giảm nhẹ mức tiếng ồn. Máy cắt đá thủy lực tạo ít tiếng ồn hơn so với việc cho nổ. Nhìn chung, người làm nên tránh kích nổ trên mặt đất. Việc nhét lỗ mìn vừa đủ và thời gian trễ hợp lý giữa những lần bắn lỗ nên luôn được sử dụng. Việc sử dụng kíp nổ không dùng điện được biết đến là hệ thống nổ chậm ít gây tiếng ồn nhất.

Tại nơi có lượng lớn đá thải hoặc đất bồi được tạo ra bởi hoạt động khai thác mỏ, các vật liệu này cần được đổ tại các bãi rác hợp lý được đặt để hòa hợp với cảnh quan xung quanh. Việc định hình bãi rác gây tổn kém trong giai đoạn phục hồi sau đó sẽ được tránh. Khai thác đá cần được diễn ra ở từng tầng nếu chất liệu là bền vững. Sự định hướng các tầng cần xem xét cả địa chất của tầng dưới và vị trí thuận lợi để có thể thấy được mỏ. Tất cả các tầng nên có thể tự thoát nước. Mỗi tầng có thể hoạt động như một lối thoát nước, mang nước dọc theo tầng đến nơi xả hợp lý. Nếu hệ thống thoát nước được cho phép chảy từ tầng này sang tầng khác, sự xói mòn có thể xảy ra và gây xạt lở các tầng. Mặt của mỏ nên được che chắn khỏi các đường đi thường được sử dụng và những địa điểm thường xuyên được thăm quan. Nếu có thể, bề mặt làm việc nên được đặt xa các vị trí chiến lược và khu dân cư và hướng làm cần được chọn cẩn thận để tránh khỏi các hướng nhìn. Nơi có thể, các tầng cao nhất nên được khai thác xong và phục hồi ngay khi có thể.

Việc phục hồi bao gồm định hình lại nơi đào đất để tiện thoát nước và không gây ra nhiều vũng nước ở đáy mỏ đá. Tầng đất mặt sau đó sẽ được trải lại lên những khu vực này và trồng cây để các khu vực bị xáo trộn sẽ phát triển thành rừng. Sở Lâm nghiệp của tỉnh sẽ đưa ra những loại cây hợp lý. Việc phủ xanh được làm như đã mô tả ở Activity 50E. Các dốc dài dễ bị xói mòn cần có các đập nhỏ xây dựng ngang dốc để cắt dòng chảy và dẫn nó ra xa khu vực tái xây dựng. Nếu khu vực không được ổn định, nhà thầu bắt buộc phải tu sửa lại thiệt hại. Kỹ sư sẽ giám sát và chấp thuận sự phục hồi của mỏ sau khi nhà thầu sử dụng xong.

Đóng và phục hồi mỏ đá không được tính giá riêng mà được bao gồm trong giá của vật liệu được lấy ra khỏi mỏ. Nếu nhà thầu không dựng lại khu mỏ về đúng tiêu chuẩn đặt ra, Kỹ sư sẽ đảm nhiệm lại và sử dụng các nguyên liệu khác và giá cả cho nguyên liệu sẽ bị trừ vào tiền công của nhà thầu.

Di chuyển các dịch vụ

Mô tả: Các dịch vụ có thể cần phải tháo dỡ và dịch chuyển như đường dây điện, nước, điện thoại, hệ thống tưới tiêu, thoát nước và bất cứ những hệ thống lắp đặt dọc đường thì cần phải được chuyển đi và dựng lại trong lúc mở rộng đường.

Trong trường hợp các dịch vụ cần tháo dỡ để mở rộng đường hay các cho hoạt động khác, nhà thầu cần lấy ý kiến kỹ sư để di dời. Kỹ sư sẽ lấy ý kiến và sắp xếp việc này với chủ của dịch vụ.

Cách thức thi công: việc di chuyển địa điểm các dịch vụ sẽ được thực hiện bởi những cơ quan có thẩm quyền pháp luật thích hợp. Trong trường hợp bất cứ dịch vụ nào bị hư hỏng do nhà thầu, nhà thầu phải: (i) báo cáo việc này lại với kỹ sư và (ii) ở nơi an toàn, nhà thầu phải thực hiện việc sửa chữa hỏng hóc ngay lập tức. Dịch vụ nào không thể ngay lập tức lắp đặt lại, nhà thầu có thể phải thay thế dịch vụ bị mất bằng các phương tiện dịch vụ khác và nhà thầu phải tự trả cho việc này.

Tiền công cho việc di chuyển dịch vụ không được tính trong hợp đồng. Tất cả giá cả liên quan đến việc di dời mà nhà thầu phải chịu được cho rằng đã bao gồm trong giá cả.

Kiểm soát bụi bẩn

Mô tả: Bụi bẩn trong các khu dân cư có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe và gây thiệt hại cho người sống gần đường. Phụ nữ và trẻ em sống trong các hộ dân cư gần đường gặp nguy hại nhiều nhất. Nhà thầu có trách nhiệm ngăn chặn bụi bằng cách xịt nước thường xuyên lên mặt đường trong khi thi công. Việc này đặc biệt quan trọng khi thi công trong khu vực làng hay những nơi mà phương tiện vận chuyển của nhà thầu sử dụng các tuyến đường không phong tỏa qua làng để làm đường vận chuyển.

Bụi bẩn trong khu vực làm việc như mỏ nguyên liệu hay mỏ đá có ảnh hưởng đặc biệt đến công nhân. Nhà thầu cần phải áp dụng biện pháp ngăn chặn bụi ở các mỏ nguyên liệu hay mỏ đá nơi nhà thầu thuê công nhân.

Xe chở nước sẽ được dung để xịt nước nhằm kiểm soát bụi trên đường và nơi làm việc. Trong điều kiện nơi làm việc có quá nhiều bụi, nhà thầu cần cung cấp cho công nhân mặt nạ chống bụi.

Việc giám sát: Việc giám sát bụi và ngăn chặn bụi là trách nhiệm của nhà thầu và phải được làm đạt tiêu chuẩn đề ra bởi địa phương. Nếu việc này không đạt được như mong muốn, kỹ sư có thể chỉ đạo nhà thầu xịt nước để ngăn chặn bụi.

Kiểm soát tiếng ồn và sự rung lắc

Mô tả: tiếng ồn và sự rung lắc từ các công cụ thi công gây ảnh hưởng lớn đến người dân sống gần đường bao gồm: Hộ gia đình, nơi làm việc, trường học, trung tâm y tế,...

Phương pháp làm giảm nhẹ: Tiếng ồn: Nhà thầu cần lắp các bộ giảm âm trên các thiết bị theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nhà thầu không được làm việc vào lúc 22.00 đến 07.00 trong phạm vi 500m đến nhà dân hoặc nơi định cư. Nhà thầu bắt buộc phải cung cấp bộ giảm âm bảo vệ tai cho người vận hành các thiết bị máy móc gây tiếng ồn lớn.

Sự rung lắc: Nhà thầu cần có sự đồng ý của kỹ sư nếu các thiết bị gây rung lắc được sử dụng trong phạm vi 50m tới một tòa nhà. Nhà thầu chịu trách nhiệm khôi phục thiệt hại cho các tòa nhà bị ảnh hưởng bởi các thiết bị gây rung lắc.

Việc giám sát: Việc giám sát máy móc gây ồn và rung là trách nhiệm của nhà thầu mà được theo dõi quản lý theo mong muốn của người dân.

Quản lý các tác động sinh học

Các khu vực bị xáo trộn trên mặt đất sẽ được tối thiểu. Không có sự chặt bỏ cây cối nào được diễn ra nếu không có sự cho phép trước của Kỹ sư công trình.

Khi công việc được diễn ra trong đường nước, khu vực bị xáo trộn sẽ được tối thiểu. Dòng chảy phải được giữ gìn. Tất cả rác thải sẽ được thu gom và vứt bỏ một cách hợp lý, các đê vây sẽ được tháo dỡ, lòng và bờ sông sẽ được khôi phục lại như trước khi thi công sau khi việc xây dựng hoàn thành.

Việc sử dụng xăng dầu và nhựa rải đường

Mô tả: Xăng dầu và nhựa đường có thể làm ô nhiễm đất và nguồn nước.

Phương pháp giảm nhẹ: Xăng dầu và nhựa đường phải được cất giữ cẩn thận trong các thùng chứa. Không có việc nạp nhiên liệu nào được diễn ra trên đất canh tác hoặc gần với nguồn nước do sự rò rỉ nhiên liệu có thể sẽ gây ô nhiễm đất và nguồn nước. Tất cả lượng dầu bỏ đi sẽ được thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn của ngành xăng dầu. Bất cứ việc rò rỉ nào của xăng dầu và nhựa đường phải được dọn sạch sẽ và đất bị ô nhiễm phải được đào bỏ và vứt tại các địa điểm hợp lý. Những sự cố rò rỉ nghiêm trọng phải được báo cho kỹ sư.

Giám sát: Việc giám sát bảo quản và sử dụng xăng dầu, nhựa đường là trách nhiệm của nhà thầu. Kỹ sư sẽ giám sát và xác nhận công việc này khi cần thiết.

Việc thuê công nhân ít kỹ năng

Mô tả: Lượng lớn công nhân ít kỹ năng được thuê từ bên ngoài khu vực làm việc và đưa đến nơi làm việc có thể gây ra một số vấn đề xã hội tại khu vực, bao

gồm: cờ bạc, rượu chè và các hoạt động mại dâm. Điều này có thể dẫn đến bức xúc với người dân địa phương. Hơn nữa, nếu người dân địa phương chưa được thông báo và cho cơ hội làm việc mà người bên ngoài lại được hưởng lợi ích này, điều này cũng có thể gây ra căng thẳng giữa người dân địa phương và công nhân từ bên ngoài.

Phương pháp giảm nhẹ: Ưu tiên thuê công nhân ít kỹ năng tại xung quanh nơi làm việc.

Trong trường hợp các công nhân này được thuê bởi nhà thầu, nhà thầu cần bàn bạc trước với kỹ sư, người sẽ đưa ra lời khuyên cho nhà thầu về vấn đề thuê nhân công. Nếu xảy ra vấn đề, công nhân không nên ở lại trong cộng đồng và nên dựng nơi ở cách xa với cộng đồng. Nhà thầu buộc phải cung cấp cho công nhân nơi ở phù hợp, nước uống, đồ dung nấu nướng, nhiên liệu để nấu (ga hoặc dầu hỏa nếu không có gỗ trong địa bàn), dụng cụ vệ sinh, chỗ thu gom và đổ rác thái rấn, lỏng.

Khi nơi ở cho công nhân không cần nữa, nhà thầu có trách nhiệm đóng và dọn dẹp nơi ở của công nhân.

Nhà thầu sẽ bàn bạc điều khoản thuê công nhân và nơi ở của công nhân với kỹ sư để kỹ sư xác nhận nơi ở và các điều kiện sống phù hợp. Khi các trại của công nhân được tháo bỏ, kỹ sư sẽ có trách nhiệm giám sát và xác nhận việc tháo dỡ.

Sức khỏe và an toàn lao động

Mô tả: Nhà thầu có nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe và sự an toàn ở nơi làm việc cho công nhân. Công nhân có thể phải chịu những vấn đề như khói bụi, tiếng ồn, sử dụng vật liệu và các hóa chất nguy hại.

Phương pháp: ở nơi cần thiết, nhà thầu phải cung cấp cho công nhân các dụng cụ bảo hiểm bao gồm: mũ bảo hiểm, mặt nạ chống bụi, bảo vệ tai, gang tay chuyên dụng để sử dụng vật liệu và hóa chất. **Nhà thầu phải tuân thủ hướng dẫn của Ngân hàng thế giới về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS) đã được ghi ở <http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/a99ab8804365b27aa60fb6d3e9bda932/EHS-Guidelines>**

Nhà thầu có trách nhiệm quan trọng trong việc giám sát công nhân và nơi làm việc cùng các điều kiện an toàn theo như luật pháp luật và tiêu chuẩn quy định.

Nhận thức về AIDS và HIV

Mô tả: Công nhân được thuê bởi nhà thầu có thể có chủ định hoặc không có chủ định bị nhiễm và lan truyền dịch bệnh vào khu vực. Việc này đáng chú ý hơn

khi những công nhân lưu động có thể ở trong khu vực và có thể lan truyền dịch bệnh vào khu vực qua việc quan hệ tình dục không an toàn.

Phương pháp: Nhà thầu phải đảm bảo lực lượng công nhân có nhận thức về HIV/AIDS. Một vài biện pháp có thể làm để nâng cao nhận thức cho công nhân như đặt các poster ở trong khu dựng trại của công nhân và có các buổi thảo luận đúng theo thủ tục với những nhân viên y tế từ những trung tâm sức khỏe xung quanh. Nhà thầu sẽ phải chắc rằng những biện pháp này được sử dụng.

Nhà thầu phải theo dõi ý thức của công nhân và báo cáo về các chương trình nâng cao ý thức cho công nhân với kỹ sư.

Việc tìm ra các đồ tạo tác liên quan đến văn hóa

Mô tả: Trong khi đào đất có thể sẽ phát hiện ra các đồ tạo tác có liên quan đến di sản của khu vực và có thể gây quan tâm đặc biệt đến các viện bảo tàng. Nếu tìm ra được những vật như vậy, pháp luật quy định rằng việc này phải được thông báo đến trụ sở gần nhất của Bộ Văn hóa Nội vụ.

Thủ tục: Nếu các đồ tạo tác văn hóa được tìm thấy, nhà thầu phải dừng hoạt động tại công trình, bảo vệ khu vực và báo ngay cho kỹ sư. Kỹ sư sẽ thông báo cho người đại diện Bộ Văn hóa Nội vụ của địa phương để người này xem xét việc tìm ra và đưa lời khuyên về các việc cần làm. Sau khi tìm ra các đồ tạo tác và bảo vệ khu vực, nhà thầu nên sắp xếp với kỹ sư để chuyển hoạt động sang nơi khác.

Nhà thầu có trách nhiệm hàng đầu trong việc theo dõi quá trình đào đất xây dựng. Nếu có sự tìm ra các đồ tạo tác, nhà thầu ngay lập tức dừng các công việc tại khu vực và lấy ý kiến của kỹ sư. Các giá cả liên quan đến việc tìm ra tạo vật làm chậm tiến độ làm việc hay làm cho việc hoạt động không thể hoàn thành có thể được bàn bạc với kỹ sư.

Việc sử dụng gỗ làm nhiên liệu

Mô tả: Nếu gỗ rất hiếm trong khu vực làm việc, các biện pháp khác để đốt nóng nhựa đường, nấu nướng tại trại của công nhân và sưởi ấm cần được xem xét. Nếu nguồn cung gỗ bị thiếu hụt, việc sử dụng gỗ quá nhiều sẽ ảnh hưởng lớn đến thành phần khó khăn nhất của cộng đồng, những người có ít khả năng dùng đồ thay thế để nấu nướng và sưởi. Việc sử dụng gỗ trong các trường hợp như vậy cần phải được xem xét cẩn thận nếu không khó khăn xã hội và khai thác bừa bãi sẽ xảy ra.

Thủ tục: Nếu nhà thầu có ý định sử dụng gỗ để làm đường hoặc dựng trại cho công nhân cần phải có sự cho phép của kỹ sư. Trước khi cho phép việc sử dụng

gỗ, kỹ sư sẽ kiểm tra lại với người dân địa phương rằng việc này sẽ không gây ra sự sử dụng quá mức tài nguyên rừng ở địa phương dẫn đến tổn hại tới việc sử dụng ở địa phương.

Phương pháp làm giảm thiểu: Những nơi thiếu lượng gỗ cần thiết, kỹ sư sẽ chỉ dẫn nhà thầu về việc sử dụng các biện pháp thay thế để sưởi và nấu bằng dầu hỏa và ga. Nhà thầu cần đặt các máy nấu chảy nhựa đường theo hướng gió thổi từ các khu nhà ở.

An toàn đường bộ

Mô tả: Vấn đề an toàn đường bộ có thể xảy ra trong khi thi công bởi những hoạt động xây dựng và hệ quả của các hoạt động xây dựng gây thay đổi điều kiện đường xá. Hoạt động thi công có thể tạo ra các mối nguy hại tới người đi đường bằng cách thay đổi điều kiện đường xá khi các phương tiện vận chuyển của nhà thầu làm tăng lượng xe cộ đi lại trên địa bàn. Sau thi công, việc điều kiện đường xá bị thay đổi sẽ làm tăng lưu lượng và tốc độ di chuyển của xe cộ. Việc này tạo ra vấn đề về an toàn đường bộ và có thể trở nên đặc biệt nghiêm trọng tại các vùng thành thị và nửa thành thị. Các vùng trường học và các học sinh sử dụng tuyến đường cũng gặp nguy hiểm.

Thủ tục: Kỹ sư sẽ xem xét địa bàn chịu ảnh hưởng về an toàn đường bộ và quyết định cách thức hợp lý để giảm nguy hiểm cho người tham gia giao thông trong và sau khi thi công. Việc này có thể bao gồm việc cấm biển báo, các biện pháp làm dịu giao thông và các chiến dịch tăng cường ý thức an toàn giao thông tại trường học. Việc giáo dục người điều khiển phương tiện và các biện pháp cưỡng chế có thể phải được xem xét. Kỹ sư sẽ xem xét mức độ nguy hiểm và chỉ đạo nhà thầu dựng hàng rào chắn, biển báo nguy hiểm trong khi thi công. Ở nơi điều kiện đường xá bị thay đổi sau khi thi công, kỹ sư sẽ sắp xếp bàn bạc các biện pháp an toàn giao thông với người dân địa phương. Sau đó, kỹ sư sẽ chỉ dẫn cho nhà thầu phương pháp nào được sử dụng và sắp xếp với nhà thầu về nơi đặt biển báo và thay đổi điều kiện vỉa hè để giảm mối nguy hại. Trong khi thi công, nhà thầu sẽ sắp xếp các biển báo tạm thời và rào chắn an toàn. Ở nơi đường đã thi công xong, các biển báo chính thức sẽ dần dần được đặt lại.

Giám sát: Nhà thầu sẽ cung cấp và đặt cố định các biển báo hiệu đường bộ theo hợp đồng và bản vẽ và/hoặc theo chỉ dẫn của kỹ sư.

Thủ tục phải làm khi tình cờ tìm được tạo vật

Nếu nhà thầu tìm ra được các di tích khảo cổ, lịch sử, di hài và đồ vật, bao gồm nghĩa trang và/hoặc các ngôi mộ cá nhân trong lúc đang thi công, nhà thầu sẽ phải:

- > Dừng các hoạt động thi công tại nơi tìm thấy tạo vật;
- > Phác họa lại khu vực, địa điểm;
- > Phong tỏa khu vực để ngăn chặn các tổn hại hoặc mất mát đồ vật tìm được. Trong trường hợp các vật tìm được là cổ vật hoặc hài cốt, phải cử người bảo vệ ban đêm đến khi nhà chức trách địa phương hoặc Bộ Văn hóa Thông tin tiếp nhận;
- > Thông báo đến kỹ sư giám sát, người sau đó sẽ thông báo với nhà chức trách địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền về tài sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24h);
- > Cơ quan có thẩm quyền thích hợp ở địa phương sẽ đảm nhận việc bảo vệ và giữ gìn khu vực trước khi quyết định các thủ tục hợp lý về sau. Việc này yêu cầu sự tính toán trước về giá trị của các vật được phát hiện. Sự quan trọng và đáng chú ý của những vật được tìm ra sẽ được định giá theo các tiêu chí phù hợp với di sản văn hóa; bao gồm giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học nghiên cứu, xã hội và kinh tế.
- > Quyết định về việc xử lý các vật được tìm thấy sẽ được đảm nhiệm bởi cơ quan có thẩm quyền. Việc này có thể bao gồm sự thay đổi về cảnh quan (ví dụ như khi vật tìm được là một phần của các di sản văn hóa hay khảo cổ quan trọng không thể di rời) bảo tồn, giữ gìn, phục hồi và trục vớt;
- > Nếu khu vực văn hóa và/hoặc các di chỉ có giá trị cao và cần phải bảo tồn theo ý kiến của chuyên gia và sự bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền, người chủ dự án cần tạo các thay đổi cần thiết để phù hợp với yêu cầu và bảo tồn khu vực;
- > Quyết định liên quan đến việc quản lý các vật tìm được phải được ghi chép lại bởi các cơ quan liên quan;
- > Việc thi công có thể hoạt động lại chỉ sau khi có sự cho phép từ cơ quan có thẩm quyền địa phương chịu trách nhiệm bảo vệ về di sản.

Phụ lục 5. Dân số các dân tộc thiểu số ở 50 tỉnh thành thuộc kế hoạch

Vùng	Tỉnh thành	Tổng dân số	Số dân thuộc các dân tộc thiểu số	Phần trăm người dân tộc thiểu số
Tây Bắc	Dien Bien	491,046	398,543	81
	Son La	1,080,641	899,542	83
	Lai Chau	324,325	281,571	87
	Hoa Binh	786,964	560,944	71
Đông Bắc	Bac Giang	1,555,720	188,669	12
	Bac Can	294,660	254,178	86
	Cao Bang	510,884	483,539	95
	Lao Cai	613,075	390,936	64
	Lang Son	731,887	606,817	83
	Yen Bai	740,905	401,776	54
	Phu Tho	1,313,926	195,177	15
	Ha Giang	724,353	635,052	88
	Tuyen Quang	725,467	396,663	55
	Thai Nguyen	1,124,786	287,692	26
	Quang Ninh	1,144,970	133,186	11.6
Sông Hồng	Ha Noi	6,451,699	81,468	1.3
	Hai Duong	1,705,054	5,408	0.32
	Vinh Phuc	999,782	42,855	4.3
	Ninh Binh	898,995	23,416	2.6
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoa	3,400,584	599,268	17.6
	Nghe An	2,912,031	422,085	14.5

	Ha Tinh	1,227,037	2,168	0.2
	Quang Binh	844,892	20,426	2.4
	Quang Tri	598,322	69,434	11.6
	Thua Thien Hue	1,087,411	47,342	4.4
Nam Trung Bộ	Quang Nam	1,422,316	115,365	8.1
	Quang Ngai	1,216,771	161,617	13.3
	Binh Dinh	1,486,460	34,547	2.3
	Phu Yen	862,227	51,222	5.9
	Khanh Hoa	1,157,573	61,592	5.3
	Ninh Thuan	1,167,023	86,299	7.4
	Binh Thuan	564,993	132,594	23.5
Tây Nguyên	Dak Lak	1,629,789	480,982	30
	Dak Nong	489,442	161,610	33
	Gia Lai	1,272,792	583,279	46
	Kon Tum	430,037	224,373	52
	Lam Dong	1,186,786	239,556	20
Đông Nam	Binh Phuoc	873,577	172,218	19.7
	Dong Nai	2,486,066	174,751	7.0
	Tay Ninh	1,066,448	16,072	1.5
	Ba Ria - Vung Tau	996,623	24,528	2.5
Đồng bằng sông Mekong	An Giang	2,142,701	112,814	5.3
	Can Tho	1,118,388	36,133	3.0
	Bac Lieu	856,515	90,943	10.6
	Ca Mau	1,206,935	39,170	3.3
	Hau Giang	757,273	27,771	3.7
	Kien Giang	1,168,231	241,776	14.3
	Soc Trang	1,292,803	462,295	35.8
	Tra Vinh	1,002,988	325,339	32.6
	Vinh Long	1,204,702	26,910	2.7

Phụ lục 6: Các yếu tố Môi trường và xã hội quan trọng trong Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn so với yêu cầu hệ thống của Chính phủ

Các yếu tố môi trường và xã hội quan trọng ²⁹	Yêu cầu hệ thống
Thủ tục về chương trình được dựa theo các văn bản pháp luật phù hợp và được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền để giúp cho việc xác định tác động đến môi trường và xã hội	Hiến pháp (Điều 29 và 31) và nhiều bộ luật, bao gồm luật LEP cung cấp điều khoản liên quan cho các quy tắc chính. Luật LEP quy định: (a) tiêu chuẩn về môi trường (chương 9); (b) đánh giá chiến lược về môi trường, tác động tới môi trường, các kế hoạch bảo vệ môi trường (Điều 13-34); (c) bảo vệ môi trường trong khi sử dụng nguồn tài nguyên (phần 4, chương 3, điều 35-38), sự bảo vệ môi trường nước, đất và không khí (Điều 52-55), bảo vệ môi trường liên quan đến việc thi công và vận chuyển (Điều 73,74), bảo vệ môi trường ở vùng thành thị và vùng dân cư (Điều 80-81), quản lý rác thải rắn (Điều 85-86), quản lý nước thải (Điều 99); quản lý bụi, khí gas, tiếng ồn, sự rung lắc và phóng xạ (Điều 102,103); quản lý ô nhiễm, khôi phục và phát triển điều kiện môi trường; phòng chống, điều chỉnh các nguy hại đến môi trường (Điều 108,109,111)
Kết hợp các yếu tố môi trường và đánh giá xã hội tốt, kèm theo việc thẩm tra các tác động có thể xảy ra.	Quá trình thẩm tra diễn ra tại chỗ và dựa trên danh sách các mục ghi trong nghị định 18/2015/ND-CP, và bao gồm các khoản sau: (a) các đề án và chương trình liên quan đến đánh giá chiến lược về môi trường (Phụ lục I); (b) các đề án yêu cầu sự chuẩn bị về đánh giá hoàn toàn các tác động môi trường (Phụ lục II); (c) đề án phụ thuộc vào việc xem xét và xác nhận về đánh giá tác động tới môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục II I); và (d) các dự án không yêu cầu đánh giá về môi trường (Phụ lục IV)
Việc xác nhận các phương pháp giảm nhẹ tác động	Thông tư 27/2015 cung cấp mẫu cho EPP, bao

²⁹ Paragraph 20, BP 9.00 Program-for-Results Financing, February 2012.

Các yếu tố môi trường và xã hội quan trọng²⁹	Yêu cầu hệ thống
xấu đến môi trường hoặc xã hội mà không thể tránh hoặc tối thiểu hóa	gồm: Mô tả về khu vực của dự án, danh sách các loại nguyên vật liệu được sử dụng, khoanh vùng và đánh giá các tác động đến môi trường, kế hoạch làm giảm và giám sát tác động đến môi trường.
Tránh và tối thiểu hóa việc mua lại đất và các tác động gây thiệt hại liên quan	Không có điều khoản nào ghi rõ ràng về vấn đề này, tuy nhiên, trong báo cáo về Kinh tế Kỹ thuật, tác động của việc tái định cư thường được bàn bạc để cùng cố bản báo cáo được chọn. Chương trình có thể có các vấn đề nhỏ trong việc tái định cư (mua lại đất, thay đổi vị trí) ở mức hộ gia đình. Chương trình cũng có thể gặp các trường hợp tự nguyện hiến đất.
Xác định và chỉ rõ các tác động về kinh tế và xã hội gây ra bởi việc mua lại đất hoặc không thể tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm các tác động đến người không có đủ pháp quyền với nguồn tài nguyên họ sử dụng hoặc chiếm;	Các tác động có thể được xác định trong khi tính toán chủ yếu tập trung vào vùng chiếm dụng đất. Việc sinh sống và thu nhập của các hộ hầu như không được bao gồm trong bản lấy ý kiến
Cung cấp khoản bồi thường để mua tài sản thay thế phù hợp với giá trị đồ đạc và các chi phí chuyển đổi, trả trước khi chiếm dụng đất và hạn chế sự ra vào khu đất;	Theo quy định, luật đất đai năm 2013 yêu cầu điều kiện sống ở các khu tái định cư của người bị ảnh hưởng phải tốt hơn hoặc ít nhất là bằng với điều kiện sống hiện tại và khu tái định cư phải nằm trong kế hoạch của tỉnh về việc tiếp cận với cơ sở hạ tầng tốt
Cung cấp các điều kiện phát triển hoặc có các biện pháp phục hồi việc sinh sống nếu chiếm dụng đất làm ảnh hưởng đến thu nhập của người dân (ví dụ: mất khả năng canh tác hoặc việc làm);	Các hệ quả về kinh tế-xã hội của chương trình có thể được xác định qua các thủ tục và văn bản hướng dẫn trong luật đất đai năm 2013 và nghị định 47/2013/ND-CP. Các văn bản này đã đưa ra chi tiết về việc bồi thường và tái định cư (bao gồm bản kiểm kê về sự mất mát, bồi thường, tái định cư, dịch chuyển cơ sở hạ tầng công cộng, thông tin về việc mở và kết thúc kế hoạch).
Phục hồi hoặc thay thế cơ sở hạ tầng công cộng và dịch vụ xã hội có thể chịu tác động tiêu cực từ chương trình;	Luật đất đai năm 2013 chỉ ra rằng các ảnh hưởng về kỹ thuật và tính xã hội của cơ sở hạ tầng sẽ được đền bù bằng các cơ sở hạ tầng mới được xây dựng theo tiêu chuẩn của các bộ có thẩm quyền.
Bảo đảm miễn phí, ưu tiên và thông tin về việc hòa giải nếu người bản địa có khả năng bị ảnh hưởng (cả tích cực và tiêu cực), để xem xét về việc có đông đảo người dân ủng hộ chương trình không	Nghị định số 05/2011/ND-CP vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 về hoạt động liên quan đến dân tộc thiểu số ghi rõ các biện pháp hỗ trợ để giữ lại tiếng nói, bản sắc văn hóa của những cộng đồng này (Điều 3)

Các yếu tố môi trường và xã hội quan trọng²⁹	Yêu cầu hệ thống
Chắc chắn rằng người dân bản địa có cơ hội tham gia lập kế hoạch để nhằm có các kiến thức về địa phương và sau cùng là có được sự đồng ý của người dân.	Tất cả các đề án liên quan đến đất đai, môi trường, cuộc sống của các dân tộc thiểu số đều phải thực hiện việc thông tin về việc mở đề án và hỏi ý kiến đại diện chính quyền địa phương, những người bị ảnh hưởng, chắc chắn rằng người bị ảnh hưởng phải được di chuyển (nếu trong trường hợp không thể tránh khỏi) đến nơi có điều kiện sống tốt và trong môi trường phù hợp về văn hóa (Điều 9)
Quan tâm đến những cộng đồng dễ bị tổn thương bởi gian khổ hay bất lợi, bao gồm người nghèo, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em, người già, hoặc các dân tộc thiểu số bị cách ly; và, nếu cần thiết, tính toán kỹ để tăng tính hợp lý về lợi ích của chương trình	Vấn đề này được nói hoàn toàn trong khuôn khổ chính sách hiện nay của Việt Nam. Chương trình này cũng tác động đến người nghèo và dân tộc thiểu số để tăng cường sự tiếp cận của họ đến các dịch vụ xã hội cơ bản như nước máy. Thêm vào đó, người nghèo và các dân tộc thiểu số cũng được lợi từ các chương trình gây quỹ như: Chương trình 134-135; chương trình phát triển nông thôn mới 2010-2020; Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo (chương trình 30a).